diễn đàn

Số 41 / 1.5.1995 ISSN 1164-2378

F O R U M

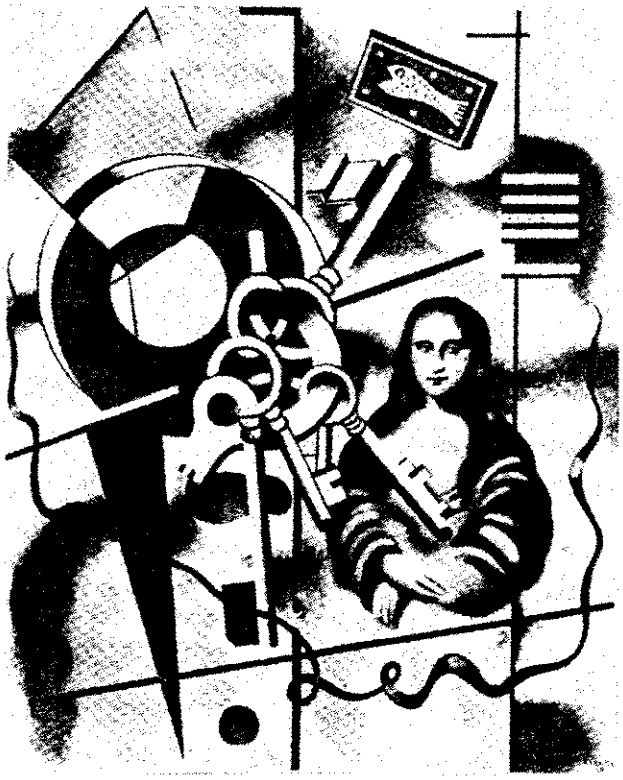

LA JOCONDE AUX CLES, 1930. Musée Fernand Léger, Biot.

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

thời sự & những vấn đề

1 Nhìn lại... Nguyễn Ngọc Giao
6 Tin tức
12 Hai bước tiến, một bước lùi Hải Vân
18 Đầu tư nước ngoài Lê V. Đức, Nguyễn V. Quỳ

tài liệu nhận được từ trong nước :

14 Xét lại vụ án " xét lại " Nguyễn Trung Thành, Phùng Văn Mỹ
17 Thư gửi đ/c Đỗ Mười Trần Độ

văn hoá & nghệ thuật & khoa học

25 Loạn SEX ? Phong Quang
26 Sách quý bán cân Lại Nguyên Ân
27 Dòng họ Lý ở Đại Hàn Bùi Quang Tung
28 Hậu thiên đường (*truyện ngắn*) Nguyễn Thị Thu Huệ
32 *thơ Ý Nhi, Khê Thành*

1975-1995

Nhìn lại...

Nguyễn Ngọc Giao

Cuộc chiến tranh Việt-Mỹ đã chấm dứt cách đây đúng 20 năm. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nội chiến quốc–cộng, hay đụng độ Đông–Tây tại chiến trường Việt Nam, trong đó người Việt Nam cả hai bên chỉ là những con tốt, con mồi ? Hai mươi năm sau, nhận thức về bản chất cuộc chiến tranh vẫn còn tuỳ thuộc chính kiến, nếu không nói là quá khứ, của mỗi người. Cho đến ngày hôm nay, ở trong nước cũng như ở nước ngoài, giữa người Việt Nam với nhau, vẫn chưa hề có một cuộc thảo luận nghiêm chỉnh, nghĩa là trong tinh thần khoa học và đối thoại anh em. Giữa người đã đứng cùng một phía, những cố gắng nhìn lại quá khứ để giải hoặc (dé-mythifier) thường được quy chụp là *phủ nhận sạch trơn, xúc phạm tới những gì thiêng liêng nhất,* hay là *phản bội quốc gia.* Giữa những người đã từng khác chiến tuyến, nay thực tâm muốn hoà giải, mọi cuộc thảo luận sòng phẳng cũng thường được tránh né với mục đích thoạt trông chính đáng là *hãy tạm gác những khác biệt quá khứ, cùng nhau hướng về tương lai,* để rồi lâu lâu, vẫn lộ ra những hậu ý *chiêu hồi,* đòi hỏi người khác phải nhận sai lầm, và vin vào những sai lầm đã được thành thật thừa nhận ấy để biện minh cho toàn bộ việc làm của mình trong quá khứ.

Trong bối cảnh ấy, cuốn sách hơn 400 trang của ông Robert S. McNamara, ***In Retrospect : The Tragedy and Lessons of Vietnam*** (Times Book / Random House) / *Nhìn lại : Thảm kịch Việt Nam và những bài học,* là một sự kiện có ý nghĩa. Ý nghĩa trước tiên là tác giả của nó : bộ trưởng quốc phòng (1961-1968) dưới thời Kennedy và Johnson, McNamara thật sự là người quan niệm và công trình sư chủ chốt của cuộc chiến tranh mà nước Mỹ đã tiến hành ở Việt Nam. Mọi người còn nhớ, cuộc chiến tranh Việt Nam, trong những năm ấy, thường được gọi là *McNamara's War,* và bức tường điện tử cắt ngang Việt Nam và Lào theo vĩ tuyến 17 là *McNamara's Wall.* Là một trong những bộ óc " *tài giỏi nhất và xuất sắc nhất* " của nước Mỹ, McNamara đã chuyển từ

(xem tiếp trang 4)

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ [1] 43 29 60 89
(ouvert tous les jours, sauf le lundi)

programme de mai 1995

EXPOSITIONS DE PHOTOS :

du 2 au 30 mai (vernissage : vendredi 5 mai, à 18h)
Hervé GLOAGEN : De Saigon à Hô Chi Minh Ville
Marie-Pierre PERRAULT : Le Temps suspendu

CONFÉRENCES :

Dimanche 7 mai, à 16 h : *La santé et le secret de l'être,* par Mme **Nguyễn Xuân Hảo**, thérapeute manuelle
Dimanche 14 mai, à 16 h : *L'unité du Vietnam à travers son histoire,* par **Charles FOURNIAU**

RENCONTRE POETIQUE :

Claude MICOSKI présente André LAGRANGE
(dimanche 21 mai, à 16 h)

SPECTACLE DE MIME :

Comédie sans parole, par Phương Phương
(samedi 20 mai, à 18 h 30)

Nguyên LÊ en CD

Nguyên LÊ (guitariste) vient d'enregistrer un CD magnifique *Million Waves* (Act/Média 7) avec Dieter ILG (basse) et Danny GOTTLIEB (batterie). " *Ce trio le fait accéder à des régions musicales qu'il ne soupçonnait peut-être pas en lui et qui sont de poésie pure* " (TÉLÉRAMA).

Bạn đọc & diễn đàn

Về bản dịch " Tờ trình bí mật... "

Tác giả H.V. (*Diễn Đàn* số 35, 11.94) đã nêu ra chín lỗi trong bản dịch cuốn sách để làm thí dụ cho những thiếu sót trong việc dịch thuật và trích dẫn của nhóm *Tủ sách nghiên cứu*. Trong đó có ba lỗi do dùng từ cũ, mà theo H.V. là " không còn thông dụng trong tiếng Việt hiện đại nữa ", như : lẽ ra phải dùng từ *báo cáo* thay cho từ *tờ trình*, *bộ trưởng* thay cho *thượng thư*, *thường xuyên* thay cho *đều hoà* ; có hai lỗi do dịch không sát nghĩa, như : lẽ ra phải dịch là *thuyết phục* thay cho *thu phục*... ; có ba lỗi do dịch bỏ quên chữ, như : không dịch chữ *proposition (đề nghị)*, *république autonome (cộng hoà tự trị)*... ; một lỗi trích dẫn sai hai câu thơ của Tố Hữu.

Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với tác giả H.V. là nên dùng từ mới thay cho từ cũ. Riêng trường hợp từ *tờ trình* mà tác giả cho là cũ, thực ra lại không là cũ như tác giả tưởng. Từ *tờ trình* là từ ghép của hai từ *bản* (tờ) và *tường trình* mà thành. Người Việt hiện nay vẫn nói, thí dụ : " Tôi phải làm một bản *tường trình* ". Hay cũng có thể nói : " Tôi phải làm *tờ trình* ". Còn từ *báo cáo* cũng có nghĩa tương tự, tức là *tường trình* về một sự việc nào đó (xin xem *Từ điển tiếng Việt* do Trung tâm từ điển ngôn ngữ Hà Nội xuất bản năm 1992). Vì vậy hai từ *tờ trình* và *báo cáo* không khác nhau là mấy cả về nội dung lẫn tính *hiện đại* của chúng.

Từ *interprète* trong câu : " Le Comité central garde et *inter-prète* les principes du Parti ", theo tác giả H.V., phải dịch là *diễn dịch* chứ không phải là *áp dụng* như trong bản dịch của chúng tôi. Vẫn theo cuốn *Từ điển tiếng Việt* nói trên, từ *diễn dịch* lại là từ... cũ (!), có nghĩa là *suy diễn*. (Không hiểu tại sao trong trường hợp này, tác giả H.V. lại dùng từ *cũ* để *chỉnh lại* từ mà tác giả vừa phê là cũ ?). Mặt khác, dù trong tiếng Pháp, từ *interprète* có nghĩa là *diễn dịch* (tức là *suy diễn*) đi nữa, tức là câu viết khi chuyển sang tiếng Việt là : " Ban trung ương có nhiệm vụ bảo vệ và *diễn dịch* (*suy diễn*) những nguyên tắc của đảng " thì quả là tối nghĩa. Lý lẽ của H.V. nhằm " hợp lý hoá " ý nghĩa của từ *diễn dịch* cho rằng : "... như một đảng chính trị khác, không chỉ có ban

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm: Hà Dương Tường
Tổng biên tập : Trần Hải Hạc
Ban chủ biên: Trần Hải Hạc, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Hà Dương Tường
Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý: Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ, Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc, Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyên Thắng, Hàn Thuỷ, Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

chấp hành trung ương mới có nhiệm vụ *áp dụng* những nguyên tắc của đảng, mà là tất cả đảng viên. Nhưng trong thực tiễn áp dụng đó, nếu có các sự hiểu biết khác nhau, thì quyền phân xử cuối cùng, quyền *diễn dịch* các nguyên tắc đó, cho ai là đúng, ai là sai, theo đảng cộng sản, thuộc về ban chấp hành trung ương ", thực ra cũng không ổn. Viết như vậy, H.V. đã phạm hai sai lầm : một, " cho ai là đúng, ai là sai " tức là tác giả muốn nói tới sự *phán xử* của ban trung ương đảng (chứ không phải ban *chấp hành* trung ương) trên cơ sở những *nguyên tắc* của đảng. Nói khác đi, ban trung ương đảng *bảo vệ* những nguyên tắc đó. Ý nghĩa này *trùng* với nghĩa của từ *bảo vệ* đã có trong câu, mà có lẽ tác giả của cuốn sách không có ý định dùng hai từ *trùng nghĩa* trong một câu ; hai, từ *diễn dịch* xét theo khái niệm triết học, còn có nghĩa là *phân tích, diễn giải* (ngược nghĩa với từ *qui nạp*). Ý nghĩa này cũng không thích hợp trong câu viết trên, khi đối chiếu với những nguyên tắc hoạt động của đảng cộng sản trong thực tế. Do đó, cần phải sử dụng ý nghĩa khác của từ *interprète* khi chuyển ngữ. Trong tiếng Pháp, *interprète* còn có nghĩa là *thể hiện*. Theo *Từ điển tiếng Việt*, *thể hiện* có nghĩa là *làm cho thấy rõ nội dung trừu tượng nào đó bằng hình thức cụ thể*. Đối chiếu với câu viết trên, có thể hiểu từ *interprète* có nghĩa là *thể hiện* những nguyên tắc của đảng trong thực tế. Ý nghĩa này thích hợp hơn cả, vừa về ngữ nghĩa, vừa về thực tế hoạt động của các đảng cộng sản. Vậy, việc thể hiện những nguyên tắc của đảng trong thực tế là gì nếu không phải là *áp dụng* những nguyên tắc đó ? (...)

Hai câu thơ của Tố Hữu được chúng tôi trích dẫn trong phần giới thiệu cuốn sách như sau :

Yêu Ông biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin !

được lấy từ cuốn *Trăm hoa đua nở trên đất Bắc* của Hoàng Văn Chí (Sài Gòn, 1959). Trong câu thơ đầu, thừa chữ Ông, do sai sót của người đánh máy. Hai câu ấy cũng được in như vậy trên tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu do báo *Quyết Thắng* (của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện) xuất bản tại Paris (bản in ronéo, không đề năm xuất bản, nhưng có thể khẳng định khoảng 1953-55).

Thay mặt nhóm Tủ sách nghiên cứu
Nguyễn Tiến Cơ (*Paris*, Pháp)

Récital de piano de
Đặng Thái Sơn

Jeudi 11 mai 1995 de 12h45 à 13h45

en direct et en public sur FRANCE MUSIQUE (91.7)
Auditorium 106, MAISON DE LA RADIO
116, ave du Président Kennedy, Paris 16e
dans le cadre de l'émission *En Blanc et en Noir* d'Anne-Marie Réby
au programme :

1) **Đỗ Hồng Quân** : Variations sur un thème folklorique vietnamien " *Où vas-tu ?* " [création en France]
2) **Maurice Ravel** : a) *Valses nobles et sentimentales*
b) *Miroirs (Noctuelles, Oiseaux tristes, Une barque sur l'océan, Alborada del Gracioso, La Vallée des cloches)*

Les cartons d'invitation sont à retirer à la réception dans le hall d'entrée, une demi-heure avant l'émission

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 6 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :

1/8 trang :	180 F
1/4 trang :	300 F
1/2 trang :	550 F
1 trang :	1 000 F

(giá này chưa tính thuế TVA)

Đăng liên tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %
từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện)

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
.....Điện thoại : .....
mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....
Kèm theo đây là ngân phiếu .....FF
đề tên DIEN DAN gồm :
.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)
.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và *séc* (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).
Riêng **bạn đọc ở Đức** có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Uberweisung)
TRAN (Bank : STADT & KREISSPARKASSE, SULZBACH-ROSENBERG, Konto : N° 21 09 700 BLZ 752 517 80)
Bạn đọc Bắc Mỹ chú ý : Để tránh phải trả hoa hồng khá nặng khi bạn đọc ký séc ngân hàng bằng đồng Franc Pháp, từ nay, bạn có thể ký trả 60 USD (một năm báo) và đề tên HOANG NGUYEN, rồi gởi séc và phiếu mua báo về địa chỉ báo Diễn Đàn.
Tôi có những người bạn chưa biết báo *Diễn Đàn*. Đề nghị báo gửi tặng một số giới thiệu :

Tên họ.....
Địa chỉ.....
.....
.....

rao vặt

STUDIO sát biển tại **LA GRANDE MOTTE** cho thuê nghỉ hè. Đủ tiện nghi cho 4 người lớn và 2 trẻ em.
Từ 1 đến 15 juin : 2 200 F ; từ 16 đến 30 juin : 2 500 F
Từ 23 đến 31 juillet : 1 800 F
Từ 1 đến 15 sept. : 2 200 F ; từ 16 đến 30 sept : 2 000 F
Điện thoại : (16) 67 56 89 32

Hai mươi năm sau, nhìn lại...

(tiếp theo trang 1)

công ty Ford (một biểu tượng của sức mạnh kinh tế Mỹ) sang Lầu năm góc / Ngũ giác đài, rồi sau khi rời khỏi chính quyền năm 1968, thì lãnh đạo Ngân hàng Thế giới trong suốt hai mươi năm. Tên tuổi của ông ta đã gắn liền với cụm từ ghê rợn *body count* (đo tiến độ chiến tranh bằng cách đếm xác chết).

Hậu quả của cụm từ ấy, ngày nay mọi người đều biết. Về phía Việt Nam, 5 triệu người chết (trong đó có khoảng 1,3 triệu quân nhân hai phía), hơn 1 triệu thương binh, 300 000 người mất tích [1] . Về phía Mỹ, 58 200 người chết, hơn 2 000 người mất tích, và phần lớn trong số 2,5 triệu quân nhân Mỹ đã tham chiến ở Việt Nam còn mang trong mình những chấn thương thể xác hay tinh thần nghiêm trọng.

Ý nghĩa cuốn sách của cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ còn nằm ở hoàn cảnh ra đời của nó : từ ngày từ chức (năm 1968) đến nay, trong suốt 27 năm trời, ông McNamara không hề phát biểu công khai về chiến tranh Việt Nam, về trách nhiệm bản thân của mình. Cuối cùng, bước vào tuổi 79, ông đã thổ lộ ý kiến " *trong một cuốn sách mà trước đây tôi không hề định viết* ".

Ý nghĩa cuốn sách, tất nhiên và quan trọng hơn cả, là ở nội dung của nó. Thật ra, *In retrospect...* không tiết lộ một tài liệu hay một bí mật to lớn gì về cuộc chiến. Song tác giả của nó đã thừa nhận trên giấy trắng mực đen :

– rằng nước Mỹ đã " *sai lầm, sai lầm khủng khiếp* " khi tiến hành chiến tranh ở Việt Nam, " *đã nhận định sai về bản chất cuộc xung đột* ".

– rằng chính quyền Mỹ đã " *hoàn toàn coi nhẹ khía cạnh dân tộc chủ nghĩa của phong trào Hồ Chí Minh* ", và đã " *quá tin vào khả năng của lực lượng quân sự ngoại nhập* ", nó " *không thể xây dựng lại một quốc gia đã thất bại* (ý nói chế độ miền Nam) ".

– rằng bản thân ông ta phải chịu trách nhiệm chủ chốt về " *sai lầm kinh khủng* " ấy cùng với tổng thống Lyndon B. Johnson và ngoại trưởng Dean Rusk.

Điều ghê gớm, đã gây ra phản ứng mạnh mẽ khi cuốn sách ra đời, là McNamara đã nhận ra sai lầm ngay từ năm 1967 (thậm chí một hai năm trước đó), song vẫn duy trì chính sách chiến tranh, và sau đó, kéo dài sự im lặng, để con số quân nhân Mỹ tử trận, từ khoảng 7 000 (năm 1967), tăng vọt lên hơn 58 000 (năm 1973). Nhật báo *The Boston Globe*, trong một bài xã luận, sau khi nhận xét : " *Người ta phải khâm phục ông McNamara ngày nay đã can đảm công bố những suy nghĩ đích đáng của mình* ", đã đặt đúng câu hỏi : " *Nhưng trong những lúc* (người Mỹ) *chúng ta cần đến ông, thì ông McNamara ở đâu ?* ".

Chúng ta hãy để tác giả *In retrospect...* đối diện với công luận Mỹ, và tiếp tục đối diện với chính mình, và hãy trở lại cuộc đối thoại giữa người Việt Nam về bản chất hai cuộc chiến tranh đã diễn ra liên tiếp 30 năm trên đất nước, từ ngày 23 tháng 9-1945 ở Sài Gòn cho đến ngày 30.4.1975 cũng vẫn ở Sài Gòn.

Chắc ngày nay không còn người Việt Nam nào, kể cả những người đã tham gia quân đội Liên Hiệp Pháp, phủ nhận rằng chiến tranh 1945-1954 là một cuộc kháng chiến của toàn dân, và cuộc kháng chiến ấy do những người cộng sản Việt Nam lãnh đạo (khi những người Việt Nam chống cộng lên án cộng sản " cướp công kháng chiến ", thì họ đã mặc nhiên thừa nhận sự thực đó). Mục tiêu cuộc kháng chiến và đối tượng của cuộc chiến tranh Việt-Pháp chính là : **độc lập** và **thống nhất**. Có cần nhắc lại : năm 1946, đến cả chữ *độc lập*, chính quyền Pháp cũng không chịu nói tới, dù chỉ ở cửa miệng. Và chính vấn đề Nam Bộ, hay *thống nhất ba kỳ*, đã châm ngòi cho cuộc chiến tranh 9 năm.

Với hiệp định Genève 1954, hai mục tiêu ấy đã được thừa nhận trên một văn bản quốc tế, để rồi phủ nhận ngay trên thực tế. Bất luận ý kiến mỗi người ra sao về các tính chất của cuộc chiến tranh 1954-1975, cũng khó phủ nhận một điều cơ bản : độc lập và thống nhất vẫn còn là đối tượng, cho dù không duy nhất, của cuộc xung đột. Trung tướng Trần Văn Đôn, một người đã tham gia quân đội Pháp, và đã từng đứng đầu quân lực đệ nhị Cộng hoà, không nói gì khác khi ông tuyên bố trên đài *France Culture* (ngày 10-4 vừa qua) : " Với sự thất thủ Sài Gòn năm 1975, mục tiêu *thống nhất* đã được thực hiện " [Tướng Đôn còn nói rằng đó là mục tiêu của quân đội của cả hai phía, tôi xin coi đó là một tuyên bố chính trị, hơn là một khẳng định có tính chất sử học].

Sau cuốn sách của McNamara, có lẽ khó xoá trắng khía cạnh *chống Mỹ cứu nước* của cuộc chiến tranh Việt Nam lần thứ nhì. Vấn đề đặt ra nằm ở cạnh đó : ngoài tính chất giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, cuộc chiến tranh 54-75 còn có những tính chất gì khác nữa ?

Hiển nhiên, không ai có thể phủ nhận kích thước quốc tế của cuộc chiến tranh, trong khuôn khổ đối đầu giữa hai phe " xã hội chủ nghĩa " và " thế giới tự do ". Thậm chí, có thể giả định rằng nếu không có khía cạnh quốc tế này, chắc chiến tranh Việt Nam không kéo dài như vậy, và với cường độ tàn khốc như thế. Song, khách quan mà nói, không thể đồng nhất mức độ tham chiến và can thiệp của một bên là Mỹ, một bên là Liên Xô và Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Chính McNamara đã viết trong cuốn sách : " *Ở đây, một lần nữa, do thiếu vắng kinh nghiệm và hiểu biết lịch sử mà chính sách của Hoa Kỳ đã sai hỏng một cách nghiêm trọng* ", ý nói " *do nhận thức hiểm hoạ cộng sản như một khối nguyên tảng, nên những nhà hoạch định đường lối chính trị Mỹ đã không quan tâm đúng mức tới sự thù nghịch từ nhiều thế kỷ giữa*

[1] Theo Thông tấn xã Việt Nam (3.4.95), lần đầu tiên Bộ lao động, thương binh và xã hội công bố những con số (ước tính) về tổn thất chiến tranh 54-75 : 4 triệu thường dân bị chết (mỗi miền 2 triệu), 1 triệu 100 000 bộ đội (Quân đội nhân dân và Quân giải phóng) tử trận, 600 000 thương binh. Theo số liệu Mỹ, số binh sĩ quân đội Việt Nam cộng hoà tử trận là 223 748 người (bị thương 500 000 người), quân đội Mỹ 58 200 người (300 000 bị thương), quân đội Nam Hàn, Úc, Tân Tâylan, Thái Lan 5 200 người (tổng hợp tin AP và AFP).

Việt Nam và Trung Quốc " (Reuter, 10.4). Nói khác đi, ông McManama xác nhận một điều mà chúng tôi đã từng nêu lên trên mặt báo này [2] : Mỹ tiến hành chiến tranh Việt Nam như một bộ phận của chính sách chống Liên Xô và/hay Trung Quốc, mà không hề có một chính sách Việt Nam xuất phát từ thực tế Việt Nam *tự tại*, quên hẳn một động lực cơ bản của lịch sử thế giới thế kỷ XX : khát vọng độc lập.

Về phần Liên Xô, ngày nay ai cũng biết là Krushev, và cả Brejnev đều ủng hộ Đảng cộng sản Việt Nam một cách miễn cưỡng (điều này không mâu thuẫn với khối lượng viện trợ to lớn của Liên Xô trong 10 năm 1965-75). Còn về phía Trung Quốc, ngay tại Genève năm 1954, Bắc Kinh đã lộ rõ ý muốn kéo dài tình trạng chia hai Việt Nam [3]. Dùng Việt Nam làm vật đổi chác với Mỹ vốn là hằng số trong chiến lược của Mao Trạch Đông, nhưng để thực hiện ý đồ ấy, tác giả *Thực tiễn luận* tỏ ra rất sáng tạo trong thực tế : khi thì ủng hộ Việt Nam hết mình, khi thì chỉ ủng hộ miệng, khi thì nói một đằng, làm một nẻo. Nhưng sẽ trái với sự thật lịch sử nếu nói rằng Trung Quốc đã áp lực để tiến hành chiến tranh. Người ta có thể phê phán nghiêm khắc các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam là đã sao chép một cách máy móc mô hình Mao và mô hình Stalin trong việc tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, cũng như trong việc tiến hành cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp và quản lý kinh tế, văn hoá, xã hội ; song, *cần phải trả cho César cái gì của César*, họ đã tiến hành cuộc chiến tranh vì mục tiêu độc lập và thống nhất, và nói chung, đã khôn khéo tranh thủ sự ủng hộ tối đa, nhiều khi miễn cưỡng, của hai đồng minh cộng sản.

Có hay không, khía cạnh *nội chiến*, trong cuộc chiến tranh giải phóng ?

" *Hai mươi năm nội chiến từng ngày...* ", cùng với Trịnh Công Sơn, hàng triệu thanh niên Việt Nam ở phía nam vĩ tuyến 17 đã tâm niệm câu thơ xé lòng ấy trước năm 1975. Và có lẽ từ năm 1975 trở đi, âm hưởng của nó cũng đã *vượt tuyến*, đi vào lòng người cả nước. Cố nhiên, sự thật của trái tim không đồng nhất với chân lý lịch sử. Nhưng trước tiên, hai chữ *nội chiến* đã diễn tả bằng ngôn ngữ bình thường, dễ hiểu cái thảm trạng *huynh đệ tương tàn* mà hầu như mọi gia đình Việt Nam đã trải qua. Xét về mặt khách quan, phải nói rằng nếu như không ai phủ nhận được chính nghĩa của cuộc kháng chiến lần thứ nhất, thì cũng có một việc khó chối cãi được, là : từ năm 1950, khi chủ nghĩa Mao xâm nhập vào chiến khu Việt Bắc, với những cuộc chỉnh huấn, rồi đấu tố, rồi chỉnh đốn tổ chức, không khí vùng kháng chiến đã trở thành nặng nề, ngột ngạt, một bộ phận không nhỏ của tầng lớp tiểu tư sản, trí thức đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến. Sự *dinh tê* ấy không thể giải thích chỉ bằng sự mệt mỏi, hay *bản chất dao động tạch tạch sè*. Với thời gian, và sự chia cắt đất nước hầu như toàn diện, đó là cơ sở lịch sử của một sự phân hoá xã hội Việt Nam, tạo ra một bộ phận dân tộc bị đẩy vào một cái thế lưỡng nan không thể có lối ra : đi với cộng sản thì không có tự do, dân chủ, đi với chính quyền Sài Gòn thì đi ngược lại sự nghiệp độc lập. Còn lại, là quy luật của cuộc sống, nhất là cuộc sống trong chiến tranh, một cuộc chiến tranh thừa mứa phương tiện vật chất về phía Mỹ : mọi người phải sống *với, trong*, và *cho* một chế độ, một quân đội, một bộ máy đàn áp, một định chế có gần đầy đủ tính chất của một quốc gia, cho dù quốc gia ấy phải mượn tạm cả bài quốc ca. Cuộc chiến tranh Việt Nam, do đó, có cả những nét của một cuộc nội chiến.

Kích thước ấy, sau 1975, lẽ ra đi vào quá khứ thì do chính sách của chính quyền cách mạng (học tập cải tạo, phân biệt đối xử, nhìn đâu cũng thấy " nguỵ " ...) lại có phần đậm nét hơn trong tâm tưởng của người dân. Cuộc đổi mới bắt đầu năm 1986 lẽ ra là cơ hội để nhìn lại quá khứ một cách thành khẩn, tĩnh tâm hơn, đã bị khựng lại về mặt chính trị và tư tưởng, dẫn tới co cụm, cấm đoán mà các tác phẩm của Bảo Ninh (tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*, truyện ngắn *Gió dại*...) vẫn còn đang gánh chịu. Hai vận hội bị bỏ lỡ ấy, vận hội hoà giải hoà hợp năm 1975, và vận hội dân chủ hoá năm 1986, đang còn đè nặng lên hiện tại, và tương lai đất nước.

Thuyết *diễn biến hoà bình* mà bộ máy tuyên huấn của Đảng cộng sản Việt Nam đang rao giảng để biện minh cho sự co cụm cũng giống như thuyết *domino* của các chính quyền Mỹ đưa ra để biện minh cho cuộc chiến tranh Việt Nam. Chừng nào, sự lo sợ cái gọi là *diễn biến hoà bình* bắt nguồn từ sự sụp đổ thực sự của Liên Xô và khối Đông Âu, và phần nhỏ nào đó, từ cả những toan tính khấp khởi của những tổ chức chống Cộng trong cộng đồng hải ngoại, hôm trước còn hô hào võ trang phục quốc, hôm sau trở thành những chiến sĩ dân chủ chuẩn bị ngày mai (không) chiến thắng trở về. Tất nhiên, sự lo sợ (thực sự) *có thể giải thích* phần nào sự co cụm, từ khước mọi sáng kiến dân chủ hoá, *song nó không thể nào biện minh* cho sự ù lỳ nguy hại đó. Mặt khác, thái độ bảo thủ của chính quyền, tiếp theo những năm dài kiêu căng, độc quyền có thể giải thích, nhưng cũng không thể biện minh, cho sự từ chối nhìn lại quá khứ một cách sòng phẳng của những người chống Cộng thực tâm vì lý tưởng tự do, dân chủ.

Sòng phẳng với quá khứ, tự hào vì thành quả độc lập thống nhất hay chấp nhận nó như một thực tại không thể đảo ngược (và là một điều kiện cần thiết để xây dựng), nhận thức rằng dân chủ, tự do là mục tiêu mà dân tộc Việt Nam còn phải phấn đấu, và từng bước dân chủ hoá trong ổn định là điều kiện tạo ra sự đồng thuận cần thiết để phát triển đất nước : đó phải chăng là bài học mà người Việt Nam chúng ta có thể rút ra từ hai cuộc chiến tranh, hai mươi năm sau khi súng đạn ngừng nổ ? Hơn cả một bài học, đó có lẽ còn là đòi hỏi xuất phát từ quyền lợi của dân tộc. Tránh né hay trì hoãn đòi hỏi ấy, sợ rằng dân tộc ta sẽ quay lưng với thế kỷ XXI, và lần này, trách nhiệm sẽ không thể quy vào những McNamara nào khác.

Nguyễn Ngọc Giao

---

[2] xem bài *Khi ba ngọn cờ giương cao...*, trong *Diễn Đàn* số 39 (tháng 3.1995).

[3] François JOYAUX, *La Chine et le Règlement du premier conflit d'Indochine, Genève 1954*, Publications de la Sorbonne, Paris, 1979, 468 p.

Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức Tin tức

Quí 1 1995 : những vấn đề kinh tế nóng bỏng

Theo bản báo cáo của chính phủ do phó thủ tướng Phan Văn Khải trình bày tại khóa họp quốc hội cuối tháng 3 vừa qua, lạm phát, ngân sách, đầu tư phát triển và xuất nhập khẩu là bốn vấn đề nóng bỏng nhất của tình hình kinh tế ba tháng đầu năm 1995.

1. Trong hai tháng đầu năm chỉ số giá cả đã tăng 7,3 % (so với cuối năm 1994), trong đó riêng lương thực thực phẩm tăng 12,4 %, trong khi vàng chỉ tăng 0,3 % và đô la 0,4 %. Chính phủ ước tính trong tháng 3, giá cả tăng 0,2 %, và tính chung quí 1 tăng 7,5 %, trong khi chỉ tiêu lạm phát mà nghị quyết của quốc hội đề ra cho cả năm 1995 là dưới 10 %. Liệu trong chín tháng còn lại mức lạm phát có thể kềm chế trong giới hạn 2,5 % ? Không ai tin có thể có phép màu – ngoại trừ ban bí thư trung ương Đảng cộng sản Việt Nam vẫn nhất định giữ chỉ tiêu đề ra, đặt chính phủ vào một tình thế khó xử. Theo bộ trưởng chủ nhiệm văn phòng chính phủ, với một tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh khoảng 10 %, một tốc độ lạm phát từ 10 đến 15 % là " *có thể chịu đựng được* ", song chính phủ " *sẽ không để lạm phát hai con số (trên 10 %) kéo dài* ".

Để kềm giữ giá cả, chính phủ trước mắt sẽ tập trung vào một số biện pháp điều phối lưu thông hàng hóa : điều gạo từ nam ra bắc để bổ sung dự trữ (gạo thường ở miền Bắc tăng giá đến 4 000 đồng/kg trong khi lại giảm giá ở miền Nam xuống 1 200 đồng/ký), cấm xuất khẩu gạo tiểu ngạch (trong khi các tỉnh miền Bắc thiếu gạo ăn, cảng Hải Phòng lại tiếp tục xuất sang Trung Quốc theo dạng tiểu ngạch), miễn thuế buôn chuyến với gạo và thực phẩm tươi sống, bù lỗ giá một số mặt hàng như đường và phân bón, hạ lãi suất ngân hàng ...

2. Sau hai tháng đầu năm, ngân sách nhà nước do thu kém đã thâm thủng đến 812 tỷ đồng, Chính phủ hiện chưa trang trải được1 360 tỷ đồng đầu tư cơ bản hoàn thành năm 1994 mà cũng chưa có được ngân sách để thanh toán những công trình xây dựng thuộc kế hoạch năm 1995. Theo ông Phan Văn Khải, đó là vấn đề " căng thẳng nhất " hiện nay. Chính phủ cho biết không những sẽ không giải quyết những đề nghị chi bổ sung ngoài kế hoạch, mà còn sẽ cắt giảm chi nếu không đạt kế hoạch thu. Ngoài ra, cơ quan kiểm toán nhà nước sẽ triển khai hoạt động để tăng cường kỷ luật thực hiện chế độ tài chính công.

3. Trong chỉ tiêu gần 60 000 tỷ đồng đầu tư cần thiết để bảo đảm nhịp độ tăng trưởng kinh tế năm 1995, chính phủ dự kiến vốn đầu tư của nhà nước (gồm viện trợ phát triển ODA) tăng 30 % (so với năm 1994) và chiếm khoảng 1/3 tổng số, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng 20 % và chiếm 1/3 tổng số, vốn đầu tư của doanh nghiệp và hộ gia đình trong nước cũng tăng 20 % và chiếm 1/3 tổng số. Trong tình hình thiếu vốn trầm trọng, chính phủ công nhận rằng những pháp lệnh và nghị định mới về chế độ đất đai đối với các doanh nghiệp đang gây những ách tắc (xem bài của Hải Vân trong số này). Phê bình gián tiếp quan điểm bảo thủ trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam, Phó thủ tướng Phan Văn Khải cho rằng cần có những chính sách và biện pháp " xóa bỏ sự phân biệt đối xử theo cách nhìn cũ, tạo ra tâm lý xã hội yên tâm, tin tưởng vào tính nhất quán của chính sách kinh tế nhiều thành phần, trọng thị các nhà đầu tư vào sản xuất, kinh doanh lâu dài, làm giàu theo pháp luật, khắc phục tình trạng nghi ngại và cách làm giàu chụp giật, ăn xổi ở thì ".

4. Trong lĩnh vực ngoại thương, bản báo cáo của chính phủ cho biết tổng kim ngạch nhập khẩu năm 1994 là 5 tỷ đô la (thay vì 4,5 tỷ đô la theo số liệu đã thông báo ban đầu) và do đó cán cân ngoại thương đã nhập siêu đến 1,4 tỷ đô la (thay vì 900 triệu đô la đã thông báo), chưa tính hoạt động nhập lậu. Trong năm 1995, có nhiều khả năng tổng kim ngạch nhập khẩu vượt con số 5,5 tỷ đô la đã trình với quốc hội. Theo ông Khải, trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa, khó tránh khỏi nhập siêu, cho nên vấn đề chính là cơ cấu nhập khẩu phải phục vụ đầu tư, sản xuất (tuy hàng tiêu dùng chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ – 12,5 % – trong nhập khẩu chính ngạch, song là đối tượng chủ yếu của hoạt động nhập lậu).

Ngoài ra, từ 1992 đồng Việt Nam không ngừng tăng giá so với đô la Mỹ, khuyến khích nhập khẩu và gây khó khăn cho xuất khẩu. Trong khi chờ đợi ngã ngũ cuộc tranh luận kéo dài về tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam và đô la, lập trường chính phủ là không đột ngột phá giá đồng Việt Nam mà nhích dần tỷ giá lên (Sài Gòn giải phóng 29.3 ; Phụ nữ TPHCM 29.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 30.3.95)

Ông Đỗ Mười, một chuyến đông du

Nhận lời mời của tổng thống Hàn Quốc Kim Young Sam và của thủ tướng Nhật Bản Tomiichi Murayama, ông Đỗ Mười, tổng bí thư đảng cộng sản Việt Nam, đã thực hiện từ ngày 11 đến 21.4 một chuyến đông du được các nhà quan sát chính trị đánh giá là " lịch sử ".

Một biểu tượng quan trọng về ý muốn mở ra những mối quan hệ mới đối với tất cả các bên liên quan. Không chỉ trong phạm vi kinh tế, thương mãi. Trong những phạm vi này, các mối bang giao của Seoul và Tokyo với Hà Nội hoàn toàn có thể được coi là đã tốt đẹp với các chuyến đi thăm của những người cầm đầu chính phủ các nước : ông Võ Văn Kiệt đã được mời sang Nhật tháng 3.1993, sang Hàn Quốc hai tháng sau, và hai người đồng sự của ông ở hai nước đó đã đáp lễ sang thăm Việt Nam trong mùa hè 1994. Sự gia nhập khối ASEAN của Việt Nam vào tháng 7 sắp tới và chính sách nước lớn không giấu giếm của Trung Quốc ở vùng biển chung của các nước Đông Nam Á phải chăng là những nhân tố đang rất được coi trọng ở cả Tokyo và Seoul ?

Đối với Việt Nam, việc đa dạng hoá các mối quan hệ ngoại giao hiển nhiên là có tầm quan trọng chiến lược, song những yêu cầu cụ thể hơn về viện trợ và vốn đầu tư cũng khá cấp thiết để thúc đẩy bộ chính trị ĐCS nhận lời đưa ông Đỗ

Mười đi thăm Nam Hàn trong khi Bắc Hàn vẫn là đồng minh chính thức chia sẻ ý thức hệ của đảng – tuy nhiên, Hà Nội vẫn thận trọng loan báo, cùng với chuyến đi của ông Mười, là ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm sẽ sang thăm Bình Nhưỡng vào mùa thu tới. Bình thường, những chuyến đi nước ngoài của các nhà lãnh đạo VN chỉ được công bố vài ngày trước ! – Hàn Quốc là nước đứng thứ tư trong danh sách những nước có đầu tư vào Việt Nam với tổng vốn đầu tư năm 1994 lên tới hơn 1,1 tỉ đôla. Còn Nhật là nước ngoài viện trợ nhiều nhất cho Việt Nam, đồng thời là bạn hàng số một của Việt Nam, với trị giá trao đổi thương mãi gần 2 triệu đôla năm ngoái, tuy các nhà kinh doanh Nhật chưa thực sự đầu tư nhiều vào Việt Nam.

Cùng đi với ông Mười, ngoài ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và trưởng ban đối ngoại trung ương đảng Hồng Hà, còn có phó thủ tướng Trần Đức Lương, bộ trưởng thương mại Lê Văn Triết, chủ nhiệm uỷ ban kế hoạch nhà nước Đỗ Quốc Sam và một đoàn 30 nhà doanh nghiệp.

Trong cuộc tiếp đón ông Đỗ Mười ngày 11.4 (một cuộc hội đàm rất hữu nghị, kéo dài hơn một tiếng rưỡi đồng hồ, theo đoàn Việt Nam), tổng thống Kim Young Sam đã nhấn mạnh những tiến bộ mau chóng trong quan hệ giữa hai nước, được chính thức nối lại từ cuối năm 1992, và hứa sẽ hỗ trợ Việt Nam trong những nỗ lực phát triển kinh tế. Sau đó, hai nhà lãnh đạo đã dự lễ ký kết 3 hiệp định hợp tác về khoa học kỹ thuật, về hàng hải và về 50 triệu đôla Hàn Quốc cho Việt Nam vay nhẹ lãi. Ông Mười đã dành 4 ngày còn lại để đi thăm Thị trường chứng khoán và một vòng những trung tâm kinh tế, công nghiệp của Hàn Quốc. Chuyến đi còn được đánh dấu bằng sự kiện Việt Nam chính thức yêu cầu Hàn trợ giúp về kỹ thuật và đào tạo cho một dự án xây dựng nhà máy điện nguyên tử trị giá 2,7 tỉ đôla trước năm 2010. Yêu cầu đã được phía Hàn hứa đáp ứng thuận lợi, trong chừng mực những ràng buộc quốc tế về kỹ thuật nguyên tử cho phép.

Rời Seoul ngày 16.4, ông Mười đã bay thẳng sang Tokyo thực hiện cuộc viếng thăm chính thức Nhật Bản từ ngày 17 đến 21.4. Ông gặp thủ tướng Nhật Tomiichi Murayama ngày hôm sau và được vua Akihito tiếp kiến ngày thứ tư 19.4. Trong các buổi tiếp xúc với các chính khách cũng như giới kinh doanh Nhật, tổng bí thư ĐCSVN đều nhấn mạnh Việt Nam đang cố gắng cải thiện môi trường đầu tư, và kêu gọi các công ty Nhật đầu tư nhiều hơn vào Việt Nam, và trong nhiều lĩnh vực công nghệ cao cấp hơn. (AFP 11-20.4)

Việt-Đức ký thoả ước

Sau nhiều cuộc thương lượng, theo tin từ Bonn ngày 11.4, Đức và Việt Nam đã đạt được thoả thuận về việc sử dụng 20 triệu Đức Mã viện trợ của Đức dành cho việc tái định cư những người Việt đang ở Đức sẽ được đưa về nước theo một chương trình đã được hai bên thông qua hồi tháng 1.95 vừa qua (xem DĐ số 38). Theo chương trình này, 40 000 người Việt đang sống không được coi là hợp pháp ở Đức (công nhân " xuất khẩu lao động " sang Đông Đức cũ hết hạn hợp đồng và những người từ các nước đông Âu khác chạy sang từ 1990) sẽ phải về nước trước năm 2000. Phía Đức sẽ viện trợ tất cả 100 triệu Đức Mã để giúp những người hồi hương tái định cư. Hai bên đã mất hơn ba tháng để đạt thoả thuận về việc sử dụng đợt đầu của số tiền viện trợ này. Chương trình hồi hương do chính phủ hai nước thương lượng đang gặp sức kháng cự của những đương sự và nhiều tổ chức người Việt ở Đức. Tuy nhiên, người ta khó tiên đoán được những đề kháng đó sẽ dẫn đến các hậu quả nào, vì áp lực của xã hội Đức ngày càng cao trong chiều hướng chống ngoại kiều, khiến chính phủ Đức không thể không tìm mọi cách đòi Việt Nam nhận lại những công dân của mình.

Bộ trưởng kinh tế Đức, ông Gunter Rexrodt đã tới Hà Nội ngày 6.4 trong một chuyến đi thăm Việt Nam 3 ngày để tìm cách đẩy mạnh các trao đổi thương mãi giữa hai nước, và tìm cơ hội đầu tư cho các doanh nghiệp Đức. (AFP 6, 11.4.1994).

Phái đoàn quốc hội Úc

Cuối cùng, sau nhiều khó khăn (xem DĐ số 33), một phái đoàn tư vấn của quốc hội Úc gồm 9 nhân vật, do thượng nghị sĩ đảng Lao Động Stephen Loosley dẫn đầu, đã tới thăm Việt Nam 10 ngày từ 4 tới 13.4.1995, vẫn theo chương trình đã thoả thuận trước song tránh không tuyên bố là đến Việt Nam để " điều tra về vấn đề nhân quyền " ! Người đã ra tuyên bố này, ký giả Quang Lưu của đài phát thanh Úc CBS, không có trong đoàn. Tuy nhiên, đoàn vẫn có hai đại diện khác của Việt kiều ở Úc, ông Trang Thomas, và bà Mai Hồ.

Theo một thông báo của toà đại sứ Úc ở Hà Nội ngày 13.4, phái đoàn " *đã đề cập một cách thẳng thắn và không nhập nhằng tới hàng loạt vấn đề, kể cả những vấn đề nhân quyền và tình hình của những người chống đối chính trị và tôn giáo* ". Tuy nhiên, thông báo cũng như tuyên bố của ông trưởng đoàn Loosley không cho biết các trường hợp cụ thể nào đã được nêu ra. Nhiệm vụ chính của đoàn là tìm hiểu về các vấn đề xã hội, tôn giáo và tư pháp ở Việt Nam trong khuôn khổ rộng về các vấn đề nhân quyền.

Đoàn đã đi thăm nhà tù Phú Sơn, cách Hà Nội 100 km, đã gặp các nhà chức trách của quốc hội và chính phủ Việt Nam, các cán bộ công an, tư pháp, cán bộ lao tù, những đại diện của các tổ chức tôn giáo (trong đó có hồng y giáo chủ Hà Nội), những người hoạt động nghiệp đoàn và hoạt động văn hoá. Theo ông Alexander Downer, người phát ngôn về đối ngoại của đối lập Úc, đi trong đoàn, vẫn còn những hạn chế tự do cho báo chí và tôn giáo, song ông ghi nhận có nhiều dấu hiệu tiến bộ. Dầu sao, phải đợi báo cáo chính thức của đoàn tại quốc hội Úc trong tháng tới để có được những thông tin chi tiết hơn.

Ngày 17.4, thống đốc Úc Bill Hayden (người đại diện quốc trưởng Úc, nữ hoàng Elizabeth II) cũng đã đi thăm chính thức Việt Nam, trong một chuyến đi cũng sẽ dẫn ông tới Lào, Cam Bốt, Singapore và Indônêxia. (AFP 8, 13 và 117.4.1995)

Bạch Hổ : bắt đầu khai thác khí đốt

Sau 5 tháng bị chậm lại để khắc phục sự cố, công trình đường ống dẫn khí đốt từ mỏ Bạch Hổ về nhà máy điện Bà Rịa đã hoàn thành, và dự kiến ngày 15.4, Việt Nam sẽ bắt đầu khai thác khí đốt của mỏ này. Hệ thống dẫn khí này, do tập đoàn Huyndai (Hàn Quốc) xây dựng, dài 124 km và có

thể tải khoảng 800 000 m^3 khí mỗi ngày, bằng 1/3 lượng khí sản xuất ra ở mỏ. Lượng khí đốt này cung cấp cho nhà máy nhiệt điện Bà Rịa, sẽ cho phép tiết kiệm mỗi ngày 1,4 tỉ đồng so với việc chạy máy bằng dầu. Công suất của mỏ Bạch Hổ được ước tính tối thiểu là 230 000 tấn khí đốt hóa lỏng (LPG) mỗi năm và, theo các chuyên gia, công suất này có thể duy trì trong ít nhất 15 năm.

Ngoài ra công ty Anh BP cũng sẽ khai thác một mỏ khí với trữ lượng ước tính 57 tỉ mét khối ở ngoài khơi Côn đảo, vì Việt Nam chưa có cơ sở để trực tiếp khai thác. Và tổ hợp Hàn Quốc Korea Petroleum Development Corp. (PEDCO) thông báo ngày 13.4 đã tìm thấy khí đốt trong khi khoan dò dầu mỏ tại vùng biển gần Côn đảo.

Giới chuyên gia cho biết khí đốt có thể mang lại cho Việt Nam nhiều lợi nhuận hơn cả dầu thô. Theo báo Hồng Kông Eastern Express, Việt Nam có triển vọng xuất khẩu khí đốt sang Thái Lan, Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc. Hai công ty British Gas (Anh) và Mitsui (Nhật) đang chuẩn bị một dự án 500 triệu đô la đầu tư liên doanh với PetroVietnam để khai thác khí đốt phục vụ nhu cầu dân dụng nội địa và xuất khẩu. Ngày 3.4, công ty Anh BP cũng đã ký một thoả thuận với PetroVietnam và các công ty Na Uy Statoil, Mỹ Mobil Oil Corp. và Úc BHP Peroleum để nghiên cứu khả thi việc phát triển hạ tầng cơ sở cho kỹ nghệ khí đốt ở Việt Nam. Dự án này cũng được chính phủ Anh hỗ trợ tài chính. (Tuổi Trẻ 14 và 25.3 ; Lao Động 26.3.95 ; AFP 3 và 13.4.95)

Đê Hà Nội : hợp thức hóa 2/3 những vi phạm !

Ngày 16.3. vừa qua, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký quyết định xử lý các vi phạm pháp lệnh đê điều ở Hà Nội, gồm những biện pháp kỹ thuật, di chuyển và pháp luật. Chọn lựa cơ bản của chính phủ thể hiện trong giải pháp kỹ thuật là : Bảo đảm một phạm vi lưu thông từ chân đê ra tối thiểu 5 m và gia cố, bê tông hóa thân đê Yên Phụ - Nhật Tân (với kinh phí ước tính là 28,35 tỉ đồng).

Đọc báo trong nước

Khoa học xã hội : sự lão hóa ghê gớm

Trên báo Lao Động ngày 14.3.1995, người ta đã có thể đọc bài phóng sự dưới đây của phóng viên Nhật Anh về thực trạng ngành khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam.

Theo ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, hiện nay vấn đề nhân lực đang thật sự đáng báo động. Giáo sư Hà Văn Tấn (viện trưởng Viện khảo cổ) nói : " Tình trạng phổ biến của khoa học xã hội và nhân văn hiện nay là nghiên cứu không thấu đáo, không đến nơi đến chốn. Hầu hết cán bộ nghiên cứu đều không vượt qua được bức tường ngoại ngữ, không có khả năng nhận thông tin. Những người " vượt qua " được thì đã bị lão hóa từ lâu. Đó là một sự thật đau lòng : đã từ lâu trong các viện nghiên cứu những người trẻ tuổi hoàn toàn vắng bóng ...".

Quả thực, lời phàn nàn này về khoa học xã hội hiện nay đã đề cập đến đủ mọi mặt từ nhân lực, hiệu quả, khả năng đến sự lạc hậu và bảo thủ. Rồi có ý kiến cho rằng khoa học xã hội bị " bỏ quên " về cả mặt ngân sách lẫn đường lối nghiên cứu. Về hiệu suất, trong vài năm gần đây, khoa học xã hội ít làm ra được những sản phẩm đứng được trên thị trường khoa học. Đất nước " mở cửa " đã làm cho khoa học xã hội vốn quen làm kiểu bao cấp nay phải choáng váng. Không những khoa học xã hội không được khách nước ngoài đặt hàng nhiều mà ngay cả những khu vực thế mạnh trước đây cũng đang có nguy cơ thua kém.

Giáo sư Phan Huy Lê, chủ tịch Hội khoa học lịch sử Việt Nam, nhận xét : " Hiện ngành Việt Nam học cũng đang có những dấu hiệu sa sút. Cho dù về ngành này ta có nhiều thế mạnh nhưng khả năng của ta bị hạn chế, trong khi ở nước ngoài họ mạnh hơn ta cả về phương tiện lẫn phương pháp nghiên cứu. Đã có những nhà khoa học bi quan cho rằng Việt Nam học cũng đã chẳng còn gì nữa rồi. Riêng tôi thì cho rằng đó là một nguy cơ có thật. Trong thời gian tới, nếu ta không làm gì để thay đổi thì chắc chắn những công trình về Việt Nam xuất sắc nhất cũng sẽ không phải do người Việt Nam làm ra. Những trung tâm Việt học danh tiếng nhất sẽ không phải ở Việt Nam " (...)

Còn tại các trường đại học, sự không chú trọng nghiên cứu đã đem lại những hậu quả tất yếu : hiện nay chưa đến 10 % giao viên đại học có hàm học vị. " Chất lượng thầy đang giảm sút nghiêm trọng - giáo sư Hà Văn Tấn nhấn mạnh. Hầu như rất nhiều thầy bây giờ không có khả năng đọc tác phẩm trực tiếp, rất nhiều trong số họ chỉ tầm trích ở trong những tạp chí nước ngoài. Ta cứ trách nạn sinh viên học chạy mà không biết rằng chính các thầy cũng nghiên cứu chạy, dạy chạy. Họ muốn đi đường tắt và cũng chỉ đi được con đường tắt " (...)

Một giảng viên triết ở trường đại học tổng hợp và một phó tiến sĩ ở viện triết đã cùng chung ý kiến : " Chuyện đó thường xảy ra. Có năm nào là chúng tôi không gặp những sinh viên không biết một tý gì đâu. Mà vẫn phải hướng dẫn luận văn, vẫn phải cho tốt nghiệp mới cực chú ".

Trong diễn văn đọc tại hội nghị cán bộ khoa học và công nghệ quốc gia (ngày 10.2.1995), giáo sư tiến sĩ Nguyễn Duy Quý có nhấn mạnh rằng : " Nhiệm vụ cơ bản của khoa học xã hội và nhân văn là nghiên cứu quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội " và chỉ khi làm được như vậy khoa học xã hội mới có thể " trở thành động lực của sự phát triển ".

Nhưng đó chỉ là trên văn bản giấy tờ, trên lý thuyết. Còn trong thực tế, đến bao giờ khoa học xã hội Việt Nam mới trở thành động lực của sự phát triển ? Ai có khả năng trả lời câu hỏi này ?

" Tôi cho rằng sẽ phải còn rất lâu nữa, nền khoa học này mới có thể đạt đến một trình độ hiện đại nào đó - giáo sư Hà Văn Tấn giải thích. Sự lão hóa là sự trì trệ ghê gớm có tầm vóc quốc gia. Điều làm tôi quan tâm nhất hiện nay là làm sao thay đi những suất biên chế chết cứng không còn năng động đang ngày ngày kìm hãm sự phát triển ...".

Tất cả các nhà trong phạm vi cách chân đê 5 m đều phải di chuyển, gồm 307 nhà trong đó 133 nhà phải dỡ bỏ toàn bộ và 174 nhà dỡ một phần. Đối với hộ dân cư ở lâu đời (trước nghị định năm 1990 về đê điều), chính quyền bố trí đất ở nơi khác và hỗ trợ dời nhà. Đối với những hộ dân cư khác, nếu tự dỡ bỏ nhà trước ngày 16.4.1995, thành phố Hà Nội cấp kinh phí dỡ bỏ, giúp đỡ di chuyển và đề nghị cơ quan pháp luật giảm nhẹ hoặc miễn truy cứu trách nhiệm vi phạm pháp lệnh đê điều. Từ 16.4 đến 30.5, thành phố tổ chức cưỡng chế dỡ bỏ những nhà còn lại, và đề nghị cơ quan pháp luật truy cứu trách nhiệm hình sự của các chủ nhà đó. Theo tin AFP, lệnh cưỡng chế này đã bắt đầu có hiệu lực từ ngày 17.4, người ta đã bắt đầu dỡ bỏ 300 ngôi nhà đầu tiên.

Về mặt pháp luật, bộ nội vụ được lệnh xem xét và xử lý tùy theo mức độ sai phạm những chủ nhà đã xây dựng trong phạm vi bảo vệ đê sau ngày công bố nghị định 1990, và những cán bộ đã cấp giấy phép xây nhà, đã quyết định phạt để rồi cho công trình tồn tại, đã quản lý đê điều thiếu trách nhiệm. Vào cuối tháng 3, cơ quan cảnh sát điều tra đã truy tố và bắt giam phó kiến trúc sư trưởng Hà Nội cùng hai đại diện kiến trúc sư trưởng tại quận Ba Đình và huyện Từ Liêm. Đầu tháng 4, bốn viên chức khác thuộc vụ quản lý đê điều, trong đó có vụ trưởng cũng đã bị bắt giữ. Ngoài ra, các chủ tịch UBND hai quận Ba Đình và Từ Liêm đã bị cách chức.

Theo thống kê chính thức, có 1 108 ngôi nhà hiện nay nằm trong hành lang bảo vệ đê, tức là trong phạm vi 25 m cách chân đê theo pháp lệnh đê điều. Khi quy định lại phạm vi lưu thông từ chân đê là 5 m, quyết định ngày 16.3 của chính phủ đã không tôn trọng pháp lệnh đê điều. Và nếu chính phủ ngừng ở quyết định dỡ bỏ chỉ 307 ngôi nhà nằm trong phạm vi đó, tức là mặc nhiên hợp thức hóa hơn 2/3 những nhà đã vi phạm pháp lệnh đê điều. Trong một buổi họp báo ngày 18.3, chủ nhiệm văn phòng chính phủ, ông Lê Xuân Trinh, xác nhận có dư luận trong dân cho rằng : " *do nhà của các « ổng », con cái các « ổng » ở cách chân đê 5 m nên mới có quyết định như vậy* ". Song ông Trinh cải chính tin đồn đó và nói rằng quyết định của chính phủ dựa trên " *những giải pháp khoa học* ".

(Tuổi Trẻ 18, 21 và 28.3 ; Lao Động 19 và 28.3.95)

Thanh niên Hà Nội đua xe thách thức cảnh sát

Liên tiếp các đêm 18, 25 và 26.3 vừa qua, thủ đô Hà Nội đã chứng kiến những cuộc đua xe môtô trái phép ngay trong trung tâm thành phố. Hàng nghìn người, chủ yếu trong giới thanh niên, đã tụ tập ở các khu Hàng Bông, Nguyễn Thái Học, Điện Biên Phủ, Phan Bội Châu, Hai Bà Trưng, Lý Thái Tổ để cổ vũ những đoàn xe gắn máy (phân khối lớn) từ 15 đến 25 chiếc phóng hết ga trên đường phố. Các sự việc thường xảy ra từ 22 giờ, và mãi đến 1 hay 2 giờ sáng, lực lượng cảnh sát di động mới tạm giải tán đám đông. Rồi sau khi lượng cảnh sát rút đi, những cuộc đua xe chớp nhoáng lại diễn ra đến tận 4 giờ sáng.

Những sự kiện trên xảy ra một tuần sau khi tòa hình sự Hà Nội xét xử 13 thanh niên đua xe môtô trong đêm rằm tháng 8 (tháng 9.1994) và tuyên phạt các bị can từ 8 đến 20 tháng tù giam về tội " *gây rối trật tự công cộng* ". Qua những cuộc đua xe cuối tháng 3 vừa qua, một giới thanh niên ở thủ đô không khác nào công khai thách thức chính quyền.

Khởi đầu từ mùa hè 1993, hiện tượng thanh niên đua xe ban đêm ở Hà Nội đã làm cho hơn 15 người thiệt mạng trong người đua và người xem. Cần nói thêm rằng những cuộc đua còn gắn liền với cá độ , và người thắng cuộc đua thường lãnh đến hàng vạn đô la. (Lao Động 14 và 21.3, Người Lao Động và Tuổi Trẻ 28.3, AFP 21.3.95)

Khi Thành phố Hồ Chí Minh lát gạch vỉa hè

Trong kế hoạch làm đẹp thành phố để kỷ niệm 20 năm giải phóng, Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra một chương trình thay đổi bộ mặt của 300 000 m^2 hè phố, mà trọng điểm là công trình lát gạch vỉa hè với kinh phí 30 tỉ đồng. Trong giai đoạn đầu, các xí nghiệp trúng thầu đã được giao cho lát vỉa hè trên một diện tích 120 000 m^2 ở bảy tuyến đường chính của thành phố (Lệ Lợi, Nguyễn Huệ, Hàm Nghi, Đồng Khởi, Pasteur, Lê Duẩn, Nguyễn Thị Minh Khai) với kinh phí 18 tỷ đồng.

Qua cuộc kiểm tra chất lượng thi công, người ta được biết 80 % số gạch lát không đạt chất lượng (ở nhiều nơi gạch đã bắt đầu nứt mẻ) : toàn bộ thiệt hại ước tới 13 đến 14 tỉ đồng (tương đương với hơn 10 000 suất học bổng cho sinh viên nghèo). Dư luận cũng lên tiếng cho rằng không những đã lát dối, lát ẩu mà còn vòi vĩnh làm tiền dân (mỗi khi người dân muốn được lát gạch cho mau lẹ, không chồng chềnh hoặc muốn có bệ đường cho xe lên xuống).

Quyền giám đốc sở công chánh thành phố, ông Nguyễn Đình Vũ, đã phải thốt ra " *chưa có công trình nào lại bê bối như công trình lát gạch vỉa hè* ". Chủ tịch uỷ ban nhân dân Trương Tấn Sang buộc lòng phải thừa nhận chương trình làm đẹp vỉa hè thành phố mà ông đưa ra " *đã gây dư luận xấu trong nhân dân* ". Vấn đề còn lại là : Ai sẽ chịu trách nhiệm ? Hay là, một lần nữa, chỉ có người dân hứng chịu những hậu quả của một tình trạng vô trách nhiệm ? (Người Lao Động 17 và 21.3 ; Tuổi Trẻ 18 và 26.3.95)

Môi trường thành phố : " cam kết không xả rác "

Từ ít lâu nay, trên các nẻo đường Thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện hình ảnh những người ra đường (đạp xe đạp hay lái xe gắn máy) đeo khẩu trang che mũi, bịt miệng vì sợ ô nhiễm khói, bụi. Theo uỷ ban môi trường của thành phố, nồng độ chất ô nhiễm năm 1994 so với năm 1993 đã tăng 50 %. Nạn ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông gây ra ước lượng chiếm tỷ lệ 60 %.

Trong chương trình hành động bảo vệ môi trường năm 1995, uỷ ban nhân dân thành phố có đưa ra một số " công tác trọng điểm " : 1. Giảm thiểu ô nhiễm trong giao thông với các tiêu chuẩn cụ thể về nồng độ khói, tiếng ồn và bụi không được vượt quá ; 2 . Đặt đủ thùng rác ở các nơi công cộng và xây dựng bãi xử lý rác ; lập những nội quy không xả rác ở cơ quan, xí nghiệp, khu phố, công viên và giám sát, xử phạt những vi phạm ; 3. Điều tra, khảo sát chất thải công nghiệp ở 43 xí nghiệp của thành phố ; 4. Triển khai đề án kỹ thuật khắc phục ô nhiễm trong nước sinh hoạt ; 5. Tăng diện tích cây xanh, thảm cỏ, tiến đến mục tiêu 1 m^2/người.

Trước mắt, nỗ lực của uỷ ban nhân dân thành phố tập trung ưu tiên cho cuộc vận động người dân thực hiện " cam kết không xả rác ". Theo sở vệ sinh thành phố, 80 % người dân có thói quen vứt rác ngoài đường, lượng rác xả mỗi ngày khoảng 3 500 tấn (riêng ngày 30 Tết là 8 600 tấn). Kinh phí dự trù cho cuộc vận động không xả rác là 2,7 tỷ đồng. Ngoài ra, người ta vừa được biết Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã quyết định tài trợ 600 000 đô la giúp Thành phố Hồ Chí Minh trong việc soạn thảo chương trình cải thiện môi trường tổng hợp. (Phụ nữ TPHCM 15 và 18.3 ; Lao Động 16.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 30.3.95)

Hạn hán ở Đắc Lắc : 400 tỷ đồng thiệt hại

Theo số liệu của ngành khí tượng thủy văn Tây nguyên, cũng như theo các già làng trên 80 tuổi cho biết, nạn hạn hán đang xẩy ra tại Đắc Lắc là hiện tượng chưa từng có ở vùng này. Từ sau Tết nguyên đán, những giòng sông, con suối, các giếng nước ngầm độ sâu 20 m và hơn 350 hồ đập lớn, nhỏ đã cạn kiệt một cách nhanh chóng. Thành phố Buôn Ma Thuột hiện chỉ được đáp ứng 25 % nhu cầu nước sinh hoạt (người dân phải đi mua thêm từng phuy nước, giá mỗi phuy 200 lít là 15 000 đồng). Nhà máy thủy điện Dray H'Ling đã phải ngưng hoạt động hai trên ba tổ máy. Nạn đói và bệnh dịch đã xuất hiện ở một số vùng dân tộc ít người và vùng kinh tế mới.

Trên diện tích 15 700 hecta lúa xuân, khoảng 4000 ha không cho thu hoạch, sản lượng bị mất ước chừng 20 000 tấn lúa. Trên diện tích 39 000 hecta cà phê kinh doanh, khoảng 8 000 ha không cho thu hoạch, sản lượng bị mất lên đến 16 000 tấn cà phê. Thiệt hại về trồng trọt vào khoảng 400 tỷ đồng, bằng hai năm ngân sách của tỉnh Đắc Lắc.

Nguyên nhân cơ bản gây ra hạn hán kéo dài là nạn phá rừng trong các năm qua : từ năm 1978 đến nay bình quân có 10 000 ha rừng bị đốt phá làm cho độ che phủ của thảo mộc, độ ẩm của đất giảm dần. Trong khi đó lượng mưa năm 1994 chỉ bằng 80 % lượng trung bình các năm trước, mùa mưa lại kết thúc sớm. Một nguyên nhân khác là các công trình thủy lợi (hơn 530 công trình) đang xuống cấp, chính quyền không đầu tư sửa chữa, nước bị rò rỉ nhiều gây lãng phí lớn. Trong khi đó nhu cầu dùng nước tưới cho lúa và cà phê ngày càng tăng : hiện nay, cuộc " chiến tranh về nước " đang diễn ra giữa các nông dân, nông trường với nhau...(Tuổi Trẻ 23.3 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 30.3.95)

Sốt rét

Số trường hợp bị sốt rét ở Việt Nam đã giảm đáng kể trong những năm qua. Theo các giới thẩm quyền, trong năm 1994 còn 604 người chết vì sốt rét, thay vì 1061 người vào năm 1993, 2658 người năm 1992 và 4600 người năm 1991. Năm 1994, khoảng 860 000 người bị bệnh thay vì hơn 1,1 triệu người trong năm 1991. Trong mấy năm gần đây, Việt Nam đã hưởng hơn 8 triệu đôla viện trợ của các tổ chức quốc tế để chống sốt rét. Ngân quỹ chính phủ dành cho chương trình y tế này là 6 triệu đôla năm 1994, sẽ được tăng lên thành 7 triệu trong năm nay. Theo các chuyên viên y tế Việt Nam, chiến dịch phòng, chống sốt rét đã mang lại kết quả khả quan ở 21 trên 53 tỉnh, nhưng tình hình xuống cấp ở khoảng mười tỉnh khác. Trên 72 triệu dân Việt Nam, khoảng 35 triệu người còn bị sốt rét đe doạ. (AFP 27.3.95)

Giải thưởng Koizumi Fumio 1994 : Trần Văn Khê

Tại Tokyo ngày 10.4, giải thưởng dân tộc nhạc học Koizumi Fumio năm 1994 đã được trao cho giáo sư Trần Văn Khê, cựu giám đốc Trung tâm nghiên cứu quốc gia Pháp CNRS và thành viên danh dự Hội đồng quốc tế âm nhạc UNESCO, vì có công nghiên cứu và phổ biến âm nhạc phương Đông trong suốt 40 năm qua.

Đồng thời, giáo sư Trần Văn Khê được mời làm cố vấn cho chương trình viện trợ của Nhật Bản nhằm khôi phục lại nhạc cung đình Huế, và sẽ cùng với phái đoàn Nhật đến Việt Nam để bàn về các việc sưu tầm, bảo tồn và tổ chức một trường học để các nghệ nhân truyền nghề và phổ biến thể loại nhạc này.

TIN NGẮN

✔ Ngày 7.3 1995 ở Hà Nội, một con **rùa** lớn đã nổi trên mặt **Hồ Gươm**. Theo nhiều người đến xem bàn tán thì đây là một " cụ " rùa, thỉnh thoảng mới nổi lên, và là một điềm lành. Nhưng cũng có nhiều người cho rằng, do Hồ Gươm bị ô nhiễm nặng, nên rùa khó thở, phải nổi lên mong tìm chút không khí trong lành.

✔ Trong tháng 3, bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh đã trao lại cho **nhà thờ Trà Cổ** quả chuông mẹ bị lấy cắp rồi bán sang Trung Quốc và vừa được thu hồi lại. Được đúc năm 1926, chuông mẹ cao 1,4 mét và nặng 900 kg.

✔ Theo thống kê của bộ nội vụ và bộ lao động xã hội, từ 1990 đến hết quý 1 1995, đã có 112 933 hộ gia đình (542 000 người) di cư từ các tỉnh miền Bắc **vào Tây nguyên** và miền Đông Nam bộ.

✔ Theo AFP ngày 3.4, thuật lại lời Hồng y Claudio Celli, Việt Nam đã từ chối **không thông qua** việc tấn phong **4 giám mục mới** mà Vatican vừa đề nghị (theo thoả thuận giữa Hà Nội và Roma tháng 3.1994). Hồng y Celli đã được phép cử lễ tại nhà thờ lớn Hà Nội ngày chủ nhật 28.3, song việc tấn phong giám mục vẫn nghẽn trong vấn đề người kế vị tổng giám mục Nguyễn Văn Bình.

✔ Tính đến cuối năm 1994, Việt Nam có 13 640 **doanh nghiệp tư nhân**, trong đó có 5 103 công ty trách nhiệm hữu hạn và 132 công ty cổ phần, với tổng số vốn khoảng 6 530 tỉ đồng. So với năm 1993, số doanh nghiệp tư nhân đã tăng gấp 10 lần và tổng số vốn pháp định tăng 5,2 lần. Tuy nhiên, chỉ có 38 % số doanh nghiệp hiện kinh doanh có hiệu quả.

✔ Việt Nam hiện có 7 công ty **kiểm toán** (audit), trong đó có ba công ty nước ngoài. Theo bộ tài chính, cả nước có khoảng 600 nhân viên kiểm toán.

✔ Chính phủ đã ra nghị định cho phép phát hành **trái phiếu quốc tế** (gồm ba loại : trái phiếu chính phủ, trái phiếu ngân hàng thương mại quốc doanh, trái phiếu doanh nghiệp nhà nước) để vay vốn trên thị trường vốn quốc tế.

✔ Theo một báo cáo của bộ lao động và xã hội, Việt Nam có hơn 181 ngàn người nghiền **ma túy** và hơn 2700 chủ chứa

chích. Bản báo cáo ước tính mỗi ngày cả nước có từ 3 đến 4 tỉ đồng bị tiêu hủy vì ma túy.

✔ Tại Thành phố Hồ Chí Minh, kể từ ngày 15.3 1995, tất cả mọi người từ 15 tuổi trở lên, khi **ra khỏi phường, xã** nơi mình ở, **phải mang theo giấy chứng minh nhân dân** (hoặc giấy tờ tùy thân có giá trị thay) để xuất trình khi công an kiểm tra. Người vi phạm sẽ bị xử lý theo thể lệ hành chính, trường hợp nghi vấn sẽ bị đưa về trụ sở công an để xác minh.

✔ Theo một nghị định về trật tự giao thông đang được chuẩn bị, người lái xe gắn máy có phân khối từ 70 cc trở lên, cũng như người ngồi trên xe này, phải đội **mũ bảo hiểm** khi đi đường trường (ở ngoài thành thị).

✔ Trong tháng 5, công ty **điện thoại** Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiến hành đổi các số điện thoại từ 6 số lên 7 số. Theo Thông tấn xã Việt Nam, thành phố Hà Nội có dự án đưa tổng số đường dây điện thoại từ 80 000 hiện nay lên 140 000 vào cuối năm nay. Tháng 9.94, cả nước có 360 000 số điện thoại.

✔ Theo một thứ trưởng bộ nội vụ, Hà Nội đã quyết định **ân xá** 500 tù nhân vào dịp kỷ niệm 30.4 và 3 500 người khác vào dịp lễ quốc khánh 2.9. Báo Nhân Dân đưa tin này ngày 4.4 không đả động gì tới những tù nhân chính trị, tuy nhiên theo một số nguồn tin, Hà Nội cũng có thể dùng biện pháp đặc xá này để đáp ứng một số đòi hỏi của các tổ chức quốc tế đấu tranh cho nhân quyền mà không tỏ ra đã nhượng bước.

✔ Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã **tịch thu và cho bán đấu giá hai ngôi nhà** của nguyên bí thư Thành uỷ Đà Nẵng Nguyễn Minh Hùng và nguyên chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng Trần Hoàng Hoanh **xây cất trái phép** trên đất công, thu 1,2 tỷ đồng cho công quĩ.

✔ Thành ủy và uỷ ban nhân dân thành phố Nha Trang đã quyết định **kỷ luật** phó bí thư thành ủy kiêm chủ tịch UBND Nguyễn Thiện Dư về việc hành hung cán bộ thuộc quyền đến bị thương tích. Quyết định chỉ cảnh cáo ông Dư đã không được số đông người dân ở Nha Trang đồng tình, vì đây là lần thứ 6 người đứng đầu thành phố uống rượu rồi có cử chỉ bất nhã đối với nhân viên.

✔ Những cuộc kiểm tra về **đất đai** ở thủ đô **Hà Nội** đã phát hiện hàng triệu mét vuông đất bị chính quyền cấp sai, gây thất thoát cho nhà nước khoảng từ 600 đến 700 tỉ đồng. Những người cấp đất sai thẩm quyền là chủ tịch và phó chủ tịch uỷ ban nhân dân của nhiệm kỳ trước.

✔ Hà Nội đã khởi công xây dựng một thành phố trong thành phố mang tên **Trấn Sông Hồng** tức Sông Hồng City, với tổng diện tích xây dựng 260 000 m^2, bao gồm 4 tòa nhà 26 tầng và một khách sạn 5 sao. Đây là dự án liên doanh giữa thành phố Hà Nội và công ty Antara Koh của Xingapo, với tổng số vốn đầu tư là 260 triệu đô la.

✔ Dự án cải tạo **nhà hát lớn Hà Nội** đã được chính phủ thông qua. Việt Nam hy vọng kiếm được tài trợ từ nước ngoài cho dự án, với phí tổn ước tính 15 triệu đôla. Bộ Văn hoá đã đưa dự án ra tham khảo ý kiến của một số kiến trúc sư Pháp, Ý, và việc xây dựng cũng sẽ được gọi thầu quốc tế.

✔ Một liên doanh giữa Thành phố Hồ Chí Minh và tập đoàn Jin Wen của Đài Loan đang chuẩn bị xây dựng trên diện tích 100 300 m^2 một **cụm quần thể** kết hợp **thương mại và văn hóa** , gồm 5 khu : thương xá và khu vui chơi, khách sạn du lịch và khu bách hóa, nhạc nước và đường hầm, công viên. Với tổng số vốn đầu tư 524 triệu đô la, dự án mang tên Trung tâm văn hóa thương mại Sài Gòn.

✔ Thành phố Vũng Tàu đã khai trương khu vực **sân golf** và khu vực vui giải trí trên biển trong khu vui chơi xây dựng ở Bãi Sau và mang tên Paradise. Khi hoàn thành tổng dự án sẽ trị giá 100 triệu đô la.

✔ Toà án tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã kết án hai phụ nữ 8 và 12 năm tù vì tội **buôn phụ nữ** sang Trung Quốc. Hai tội phạm này đã lừa bắt vào tháng 4 năm ngoái 3 người con gái thuộc dân tộc Cà Dong ở huyện Trà Mỹ, đem bán mỗi người 200 đôla.

✔ Ngân hàng phát triển châu Á đã chấp thuận dự án xây dựng **trục đường Bangkok - Phnom Pênh - Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu**, dài 1500 km, với tổng kinh phí 130 triệu đô la.

✔ Bà Nguyễn Thị Bình, phó chủ tịch nước, đã cho rằng " sự bình đẳng của **phụ nữ** về căn bản chỉ tồn tại trên giấy tờ ". Bà đề nghị với chính phủ thành lập một bộ phụ nữ để bảo đảm sự đối xử bình đẳng với phụ nữ ở thành thị cũng như ở nông thôn.

✔ Một ê-kíp bác sĩ của Viện Quân y 175 ở Thành phố Hồ Chí Minh vừa qua đã phẫu thuật thành công một ca mổ **tạo hình** mới dương vật cho một người đàn ông 40 tuổi bị vợ cắt đứt lìa bộ phận sinh dục

✔ Lần thứ ba tới thăm Việt Nam vào cuối tháng 3 vừa qua, cựu thủ tướng Singapore **Lý Quang Diệu** đã cảnh báo chính phủ Hà Nội rằng các nhà đầu tư sẽ bỏ đi nếu các thủ tục hành chính phiền hà không mau chóng được gỡ bỏ.

✔ Ngoại trưởng **Iran**, ông Ali Akbar Velayati trong chuyến đi thăm Hà Nội đầu tháng 4.95 đã tỏ ý sẵn sàng hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực lọc dầu, sản xuất phân bón từ dầu khí...

✔ Tạp chí Anh The Geographical Magazine trong số tháng 4.1995 đưa tin một đoàn thám hiểm Anh-Pháp, do ông Michel Peissel cầm đầu, đã tìm ra **nguồn sông Mê-Kông** hồi tháng chạp vừa qua, ở độ cao 4975 mét, trong tỉnh Thanh Hải (Trung Quốc).

✔ Một giống **ốc bươu** vàng được nhập và nhân giống ở đồng bằng sông Cửu Long từ năm 1989, đã ăn hết 31 000 ha mùa màng trong năm nay. Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ra lệnh đóng các trại nuôi ốc từ tháng 9.94, nhưng vụ lụt mùa thu vừa qua đã tạo điều kiện cho ốc tiếp tục nảy nở.

✔ Năm 1994, ngành hải quan đã phát hiện 8 500 vụ **buôn lậu và trốn thuế**, trị giá 290 tỷ đồng, tăng gấp ba so với năm 1993.

✔ Một tập đoàn Xingapo - Nhật Bản - Malaysia đã ký hợp đồng để xây dựng một **bến cảng** nước sâu ở **Vũng Tàu** trị giá 637 triệu đô la.

✔ Theo bộ giao thông vận tải, Việt Nam hiện còn 721 xã **chưa có đường ôtô** tới trung tâm xã.

Nhà đất : Hai bước tiến, một bước lùi...

Hải Vân

Trong những năm qua, nhà nước Việt Nam đã ban hành hàng loạt văn bản pháp lý về nhà đất với những qui định tương đối thoáng, song rối rắm tới mức mà ngay các cán bộ ngành nhà đất, sau khi được học văn bản, cũng không biết xử lý. Tháng 4 1994, trên hơn 300 cán bộ nhà đất thuộc các tỉnh phía Nam làm bài thi sau lớp tập huấn, không có ai đáp đúng tất cả những câu hỏi ; còn ở các tỉnh phía Bắc, chỉ có một đơn vị đã hiểu đúng những văn bản...

Từ đó tới nay, có thêm một số văn bản khác ra đời – pháp lệnh 14.10.1994 của uỷ ban thường vụ quốc hội, nghị định 18 của chính phủ, thông tư 02 của bộ tài chính, công văn 478 của uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ...–, và người ta như " *lạc vào một mê hồn trận* " bởi vì những qui định mới lại mâu thuẫn với pháp lệnh nhà ở, trái với luật đất đai, vi phạm cả hiến pháp ! Giám đốc sở địa chính Thành phố Hồ Chí Minh, ông Huỳnh Phú Sang, phải thú thực trên báo Tuổi Trẻ ngày 11.3.1995 : " *Việc làm, qui định, tinh thần chỉ đạo cứ mâu thuẫn nhau làm cho chúng tôi không biết nên hiểu và nên làm theo cái nào* ".

1. Các tổ chức kinh doanh không còn được nhà nước giao quyền sử dụng đất ? Theo pháp lệnh 14.10.94 của uỷ ban thường vụ quốc hội, được nghị định 18 của chính phủ triển khai, kể từ đầu năm 1995, tất cả đất đai sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh, ngoài nông lâm ngư nghiệp, phải chuyển sang chế độ thuê đất. Từ nay, các tổ chức kinh doanh chỉ có quyền thuê đất và không còn được hưởng chế độ nhà nước giao đất với các quyền sử dụng và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng. Trong khi đó hiến pháp năm 1992, luật đất đai năm 1993 và luật khuyến khích đầu tư trong nước năm 1994 đều xác định nguyên tắc nhà nước giao đất cho các tổ chức và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài, được chuyển quyền sử dụng đất đã giao. Dựa theo hệ cấp pháp luật (nghị định không thể trái với pháp lệnh, pháp lệnh không thể trái với luật, luật không thể trái với hiến pháp), luật gia Phạm Đình Nhường cho rằng pháp lệnh và nghị định nói trên là vi hiến (Thời báo kinh tế Sài Gòn 30.3.95).

Hơn thế nữa, nghị định 18 lại có hiệu lực hồi tố, nghĩa là tất cả đất đai được nhà nước giao trước năm 1995 cũng phải chuyển sang hình thức thuê, và tiền sử dụng đất nộp trước đây sẽ được trừ dần vào tiền thuê đất. Như giới doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh có cảnh báo, tính chất hồi tố này gây ra hàng loạt xáo trộn trong vốn đầu tư của các doanh nghiệp. Bởi vì khi được giao đất, các tổ chức kinh doanh đã đóng, ngoài tiền sử dụng đất, nhiều khoản tiền khác (tiền đền bù, thực chất là tiền mua đất ; tiền ủng hộ địa phương ; tiền nộp cho nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng...) lớn hơn nhiều so với lệ phí sử dụng đất : nay, chuyển chế độ từ giao đất sang thuê đất, các khoản tiền này kể như các doanh nghiệp mất trắng. Ngoại ra, quyền sử dụng đất thường đã được các doanh nghiệp đưa đi thế chấp để vay vốn ngân hàng : nay, khi quyền sử dụng đất không còn, ngân hàng sẽ khó lòng thu hồi được số vốn cho vay. Trong tình huống đó , có nguy cơ đổ vỡ đối với nhiều doanh nghiệp và cả với một số ngân hàng : một trong các nhà doanh nghiệp tư nhân lớn nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh, ông Tăng Minh Phụng, đã cho biết có thể ông phải làm thủ tục phá sản (Tuổi Trẻ 9 và 21.3.95).

2. Khi được nhà nước giao đất, phải trả tiền hai lần ? Theo thông tư 02 của bộ tài chính, mọi đối tượng khi được nhà nước giao đất, hoặc cho chuyển mục đích sử dụng đất, đều phải đóng tiền sử dụng đất bằng 100 % trị giá khu đất đó – trừ đất nông lâm ngư nghiệp và đất sử dụng vì công ích (quốc phòng, trường học, bệnh viện...). Song, ngoài trường hợp đất bỏ trống, đất đai nhà nước giao đều có người đang sử dụng, và người được giao đã phải thương lượng đền bù người đang sử dụng trước khi nhà nước làm thủ tục chứng nhận sự chuyển giao tay đôi giữa hai bên.

Như vậy, với thông tư 02, trên thực tế người được " giao " đất phải " mua " khu đất đến hai lần : lần đầu, mua của người đang sử dụng, theo giá thị trường ; lần sau, mua từ cơ quan địa chính cấp giấy giao đất, theo giá quy định. Từ đầu năm 1995, giá quy định đối với đất đô thị đã tăng lên gấp 15 đến 20 lần : ở các quận Thành phố Hồ Chí Minh, đất đai nằm ở mặt đường phải nộp tiền sử dụng từ 1,8 đến 13,8 triệu đồng/m^2. Giá đất tăng vọt, kéo giá nhà ở xây trên đất tăng theo : ở quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, giá một căn hộ chung cư dành cho dân nghèo từ 62 triệu đồng đã lên hơn 71 triệu đồng, tăng 15 %. Và khi, như hiện nay, giá nhà đất bắt đầu vượt ngoài khả năng mua của số đông, thì thị trường địa ốc bước vào " thời kỳ băng giá " : nhà được xây mới nhưng không có người mua. Lối thoát trước đây cho các doanh nghiệp kinh doanh địa ốc là chuyển quyền sử dụng đất ; nay không còn quyền sử dụng đất nữa, các nhà doanh nghiệp có cơ bị phá sản (Thời báo kinh tế Sài Gòn 9.3.95).

3. Tư nhân không còn được kinh doanh địa ốc ? Theo công văn 478 của uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – ghi rõ là " *thực hiện ý kiến của thủ tướng chính phủ* " –, kể từ đầu tháng 3, công ty tư nhân trong nước không còn được giao đất để xây dựng, kinh doanh nhà ở, chỉ có công ty quốc doanh mới được kinh doanh địa ốc. Trong khi đó, theo pháp lệnh nhà ở năm 1991 và nghị định 61 của chính phủ, mọi cá nhân và tổ chức kinh tế quốc tịch Việt Nam, không phân biệt thành phần kinh tế, đều được phép kinh doanh nhà ở dưới các dạng : cho thuê, mua bán, nhận quyền sử dụng đất xây nhà ở để bán hoặc cho thuê, đầu tư hạ tầng cơ sở để chuyển quyền sử dụng đất, làm các dịch vụ liên quan đến nhà đất.

Điều rõ ràng là có một sự thay đổi chủ trương nhằm trở lại tình trạng độc quyền của các doanh nghiệp quốc doanh trong hoạt động xây dựng, kinh doanh nhà. Nhưng liệu một mình thành phần kinh tế quốc doanh có đáp ứng nổi nhu cầu về nhà ở đang bùng nổ ở các thành phố lớn hiện nay hay không ? Ở Thành phố Hồ Chí Minh, phó giám đốc sở nhà

đất, ông Nguyễn An Bình, cho rằng, nếu không huy động được nguồn lực của thành phần kinh tế tư nhân, chương trình phát triển nhà ở của thành phố không làm sao thực hiện nổi : không những mức phấn đấu về nhà ở bình quân 7 m^2/người không đạt được năm 2000, mà có khả năng mức bình quân 5,8 m^2/người hiện nay còn tiếp tục sụt giảm với tốc độ tăng dân số của thành phố (Tuổi Trẻ 21.3.95).

4. Hạn chế sự phát triển của thành phần tư doanh nội địa ? Sự bất nhất của các chính sách nay mở mai khép biểu hiện cuộc tranh chấp quyền lực trong ban lãnh đạo Đảng cộng sản Việt Nam hiện nay đã trở nên gây gắt. Đằng sau pháp lệnh 14.10.94 và các văn bản dưới luật khác vừa ban hành là sự phản công của lực lượng " bảo thủ " nhằm thay đổi pháp luật hiện hành về nhà đất : từ nay, quyền sử dụng đất với 5 quyền qui định trong luật đất đai năm 1993 chỉ được áp dụng cho các cá nhân và hộ gia đình, còn các tổ chức kinh doanh thì phải thuê đất. Trên báo Lao Động ngày 30.3 1995, luật gia Phạm Quốc Hưng giải thích rằng, trong thời gian qua, " *vì các quy định pháp luật về đất đai chưa đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ, nên có sự ngộ nhận hay cố tình ngộ nhận* " : sau khi trả tiền sử dụng đất và các khoản khác để được nhà nước giao đất, các doanh nghiệp đã đem thế chấp giá trị đất để vay những số tiền lớn gấp nhiều lần số bỏ ra ban đầu, và đã đem chuyển nhượng, kinh doanh đất, thu lợi tức siêu ngạch bất chính. Pháp lệnh 14.10.94 và nghị định 18 nhằm chấm dứt tình trạng này và khẳng định lại " *chế độ sở hữu toàn dân về đất đai và định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế* ". Trong nghĩa đó, các văn bản dưới luật nói trên là " *phù hợp với thực tế và thực sự cần thiết* ".

Cùng ngày đó, trên báo Tuổi Trẻ, thủ tướng Võ Văn Kiệt khẳng định nguyên tắc hệ cấp pháp lý : " *Luật đã ban hành rồi thì những văn bản dưới luật không được khác luật. Chỉ khi nào dân phản ánh luật đó không phù hợp với cuộc sống thì mới xem xét lại luật. Những văn bản dưới luật, kể cả pháp lệnh, nghị định mà trái với luật thì dứt khoát phải sửa* ". Được chất vấn về những phản ánh phê bình đối với nghị định 18 và thông tư 02, ông Kiệt trả lời : " *Những phản ứng của dư luận và báo chí là tốt và tích cực. Chỉ sợ không có phản ứng nào hết* " (!). Nghị định 18 của chính phủ có tước quyền sử dụng đất của các tổ chức kinh tế hay không ? " *Nếu đã tước quyền đó của họ thì phải trả lại cho họ, phải sòng phẳng* ". Còn về công văn của uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo từ nay tư nhân không còn được kinh doanh địa ốc nữa (trước khi có văn bản chính thức của chính phủ), thủ tướng đáp giả vờ : " *Ở Thành phố Hồ Chí Minh à ? Điều này, tôi chưa được nghe báo cáo* "(!!). Điều hiển nhiên ở đây là, bị thất thế trong bộ chính trị và ban bí thư trung ương của đảng cộng sản, ông Võ Văn Kiệt và phe " cải cách " đang tìm chỗ dựa nơi báo chí và dư luận.

Như nhiều nhà quan sát dự kiến, bước vào giai đoạn chuẩn bị đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt Nam (dự kiến họp vào quí 2 năm 1995), phe " cải cách " trong chính phủ đã phải lùi một bước dưới sức ép của phe " bảo thủ " nắm trong tay bộ máy đảng, và chấp nhận một số biện pháp giới hạn hoạt động kinh tế thị trường, hạn chế sự phát triển của thành phần tư doanh nội địa, khoanh nó trong phạm vi kinh tế gia đình. Bước lùi này, phe " bảo thủ " áp đặt nó trước hết trong hoạt động về nhà đất là lĩnh vực có tính đầu cơ, đã tăng trưởng nhanh nhất trong những năm qua.

Nhưng chính vì nhà đất đã trở thành hoạt động tài chính hàng đầu và có tính đầu cơ, cuộc tranh chấp giữa hai phe trong ban lãnh đạo đảng cộng sản không thể tiến hành vô trách nhiệm, bất kể những mối tương quan của nền kinh tế thị trường. Các nhà bình luận đều cho rằng một cuộc khủng hoảng tài chính trong lĩnh vực nhà đất sẽ truyền sang ngay hệ thống tín dụng và ngân hàng với những hậu quả không thể lường được.

Hải Vân.

Một vấn đề bức xúc :

Xử lý chất thải

Cả nước ta hiện nay có 458 đô thị lớn nhỏ với hơn 14 triệu dân. Lượng chất thải rắn mỗi ngày ở các đô thị là 9 100 m3, trong đó chủ yếu là rác sinh hoạt, song mới chỉ thu gom được 44 %.

Hầu hết các cơ sở công nghiệp ở nước ta hiện nay không có phương tiện xử lý chất thải, hoặc nếu có thì cũng sơ sài, hư hỏng. Khu công nghiệp lớn nhất Hà Nội là Thượng Đình, mỗi ngày có khoảng 60 tấn chất thải rắn (chỉ thu gom được 40-45 %) ; 22 000 m3 nước thải công nghiệp (nước thải từ các nhà máy có phân xưởng mạ gây ra nguồn ô nhiễm khá nghiêm trọng) ; 45 nhà máy trong khu vực đều tự do thải khí vào không khí.

Ở các bệnh viện, tình hình cũng không sáng sủa hơn. Trong số các bệnh viện trên địa bàn Hà Nội, có lẽ chỉ có một số như Việt Đức, Viện nhi Thuỵ Điển, Bệnh viện Hữu nghị, Viện 108 (quân y)... có hệ thống xử lý chất thải. Hầu như những bệnh viện khác, chất thải y tế đều không được phân loại, chỉ tập trung vào bể chứa để vài ba ngày một lần, Công ty Môi trường đô thị tới lấy đi. Hàng trăm mét khối nước thải của các bệnh viện mỗi ngày vẫn cứ đổ vào đường ống thoát nước chung của thành phố, cũng không hề qua một hệ thống xử lý đặc biệt nào !

Diện tích bãi đổ rác của Hà Nội hiện giờ là 22 ha, Thành phố HCM : 60 ha, Hải Phòng : 10 ha... Bãi chôn rác Mễ Trì ở Hà Nội rộng 5,2 ha sắp phải đóng cửa vì đã đầy, bãi Lâm Du (Gia Lâm) đang được xử lý để đưa vào hoạt động. Song nhìn chung, các bãi chôn rác đều chưa thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, thiết kế chưa thích hợp. Ở Hà Nội và TP HCM có các nhà máy chế biến phân hữu cơ, song năng lực của các nhà máy này chỉ xử lý được 3 % chất thải hàng ngày. Xí nghiệp phân tổng hợp Hóc Môn (TPHCM) do Đan Mạch giúp đỡ xây dựng năm 1981 cũng đã ngừng hoạt động từ 5 năm trước đây do thiết bị hư hỏng, chi phí sản xuất quá cao !

Cho đến nay, đã có không dưới 10 công ty nước ngoài đề nghị với Việt Nam xây dựng những dây chuyền công nghệ xử lý chất thải, tập trung vào chất thải rắn, với hai phương pháp xử lý chính : đốt và chế biến rác hữu cơ thành phân tổng hợp compost. Từ nay đến năm 2000, Hà Nội dự tính sẽ xây thêm hai nhà máy sản xuất phân compost mới với khả năng xử lý được 30 % rác của thành phố (bên cạnh xí nghiệp chế biến phế thải Cầu Diễn)...

(trích Lao Động 23.3.1995 ; bài của **Mỹ Hằng**)

TÀI LIỆU

Đòi xét lại " vụ án xét lại "

Hà Nội, ngày 3 tháng 2 năm 1995

Kính gửi :

– Đồng chí Tổng bí thư
– Các đồng chí trong Bộ Chính trị và Ban Bí thư
– Các cố vấn Ban chấp hành Trung ương
– Các đồng chí trong Ban Kiểm tra Trung ương
– Các đồng chí trong Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ
– Các đồng chí Viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao, Chánh án Toà án tối cao

Đề nghị : *Cứu 32 đảng viên bị xử trí oan khuất gần 30 năm nay* trong cái gọi là " Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài ".

1. Tôi là NGUYỄN TRUNG THÀNH, nguyên là cán bộ thuộc Ban Tổ chức Trung ương (1951-1988), nguyên là *Vụ trưởng Vụ Bảo vệ Đảng* (1962-1988), nguyên là *Uỷ viên thường trực tiểu ban bảo vệ Đảng trung ương* (1977-1979) và chuyên viên giúp Ban Tổ chức Trung ương về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nay đã về hưu, được xếp chuyên viên 9.

Tôi đã có *tham gia các công tác sau đây :*

– Giúp phát hiện và sửa chữa *những sai lầm trong chỉnh đốn tổ chức, cải cách ruộng đất đợt 4 và đợt 5* (1955-1956).

– Giúp Trung ương *xem xét về mặt chính trị* của cán bộ dự kiến bầu vào trung ương, *ở các kỳ Đại hội III, IV, V, VI* và kiện toàn bộ máy các cơ quan Nhà nước.

– Giúp *thẩm tra 10 cán bộ cấp cao* có bị nghi vấn về chính trị.

Chúng tôi đăng tải trong hồ sơ số này 3 tài liệu đang được phổ biến trong nước dưới dạng photocopie. Hai tài liệu đầu liên quan tới vụ án " xét lại ", mà bạn đọc Diễn Đàn đã biết tới qua bài viết của ông **Hoàng Minh Chính** (số 23), bà **Phạm Thị Tế** (quả phụ **Vũ Đình Huỳnh**) (số 30), ông Lê Xuân Tá (số 27):

1. Thư của ông **Nguyễn Trung Thành** gửi tổng bí thư Đỗ Mười và cấp lãnh đạo Đảng, yêu cầu giải oan cho các nạn nhân vụ này. Điều rất có ý nghĩa : đây là lần đầu tiên, một cán bộ tham gia việc xử trí oan công khai đứng ra yêu cầu.

2. Thư ngỏ gửi ông Nguyễn Trung Thành của ông **Phùng Văn Mỹ**, bút hiệu Cam Lụ, một trong những nạn nhân của vụ án " xét lại ". Khoảng 65 tuổi, ông Phùng Văn Mỹ trước khi bị bắt (năm 1967) là cán bộ giảng dạy (triết học) tại Trường đại học Bách khoa, và cán bộ nghiên cứu (mỹ học) tại Viện triết học. Ông bị giam tù cho đến năm 1973, sau đó bị quản thúc nhiều năm ở xa Hà Nội.

Tài liệu thứ **3** là lá thư của ông **Trần Độ** gửi tổng bí thư Đỗ Mười và Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, góp ý kiến về văn kiện chuẩn bị Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (họp tháng 1.95). Ông Trần Độ (71 tuổi) sinh tại Tiền Hải (Thái Bình). Sĩ quan cấp tướng, làm báo, viết văn và mê văn nghệ. Uỷ viên trung ương, đã làm trưởng ban Văn hoá văn nghệ Trung ương trong thời kỳ đổi mới (86-90) trước khi bị cách chức và về hưu.

– Góp phần và trực tiếp phát hiện và giải quyết một số vụ *án sai, bắt oan* nhiều cán bộ, đảng viên vô tội.

2. Từ năm 1963, tôi được phân công giúp việc cho Ban bí thư, Ban tổ chức Trung ương, theo dõi và làm một phần trong Vụ án nói trên trong nhiều năm với sự phối hợp của các đồng chí : Trần Hữu Đắc (Uỷ ban Kiểm tra Trung ương), Trần Quyết, Cục trưởng, Hoàng Thao, Phó cục trưởng và các cán bộ thuộc Bộ Công an nay là Bộ Nội vụ, Kinh Chi, Cục trưởng (Tổng cục chính trị).

Trong *hàng chục năm trước đây, do chỗ chỉ được biết từng bộ phận riêng lẻ* của tài liệu, nên tôi *vẫn tin rằng các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đối với Vụ án là đúng đắn, là chính xác.*

3. Gần đây, do có nhiều đơn khiếu nại liên tục của những người bị xử trí và thân nhân trong vụ án, do có thư đề nghị của nhiều cán bộ đảng viên, và theo chỉ thị của trên, đồng chí NGUYỄN ĐÌNH HƯỜNG, Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ có giao cho tôi nắm lại toàn bộ vụ án để báo cáo với Ban bí thư Trung ương. Trong hơn một năm qua, *tôi có điều kiện và đầy đủ thời gian nghiên cứu lại toàn bộ* các hồ sơ tài liệu của vụ án, đi sâu phân tích các tài liệu, so sánh đối chiếu các *tài liệu điều tra*, các *lời khai cung*, các *biên bản* những cuộc họp của Ban chỉ đạo vụ án, các đơn khiếu nại trước và nay v.v...

4. Qua nghiên cứu lại một cách *tỉ mỉ, nghiêm túc* và *thận trọng*, tôi *nhận thấy một cách có căn cứ* rằng Bộ Chính trị và Trung ương Đảng trước đây khi kết luận về vụ án *đã tin vào những báo cáo của Ban chỉ đạo vụ án.* Những báo cáo đó *đã không dựa vững chắc* trên những *cơ sở khách quan có thực*, mà *chỉ dựa vào một số lời khai* (bản thân những lời khai này có nhiều mâu thuẫn giữa người này với người khác và giữa lời khai trước và sau của cùng một người) *mà không được xác minh cẩn thận.* Hơn nữa, *lời khai của can phạm khi đang bị công an bắt giữ không có giá trị pháp lý đích thực.* Ngay lúc công bố kỷ luật, có người đã chối *không công nhận kết luận.* Sau này hầu hết bọn họ và thân nhân *đều khiếu oan.*

Do báo cáo của Ban chỉ đạo *thiếu những cơ sở chứng cứ*, nên *các kết luận của Bộ Chính trị và của Trung ương đều thiếu căn cứ xác thực.*

5. Từ việc phân tích, đối chiếu các tài liệu điều tra và các bản khai cung, rõ ràng *không thể quy* cho những người bị bắt về *những tội chống Đảng, chống Nhà nước, có tổ chức, có cương lĩnh, cung cấp tình báo cho nước ngoài* v.v...

Nhiều đồng chí bị bắt đã phạm một số sai lầm so với những quy định trong Điều lệ Đảng, nhưng *họ không phạm tội so với những điều khoản pháp luật.*

(xem tiếp trang 16)

Thư ngỏ gửi ông NGUYỄN TRUNG THÀNH

Thưa Ông,

Trước hết, tôi xin phép tự giới thiệu : tôi là PHÙNG VĂN MỸ, bút danh : CAM LY, một người viết báo không có tên trong danh sách hội viên của Hội nhà báo quốc doanh, một trong số mấy chục nạn nhân của cái gọi là " Vụ án Tổ chức chống Đảng, chống Nhà nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài ".

Sau khi đọc lá thư của Ông đề ngày 3/2/1995 gửi các quan chức cấp cao của Đảng và Nhà nước, tôi thật sự xúc động. Không xúc động sao được vì từ mấy chục năm nay, đây là lần đầu tiên tôi được đọc một lá thư " xưa nay hiếm " của một quan chức có quyền lực đã có lòng tự trọng và dũng khí tự phủ định mình để trở về đứng bên những người dân lành. Điều này không thể không nói ra vì đã từ lâu rồi, một số khá đông quan chức tự cho mình cái quyền đứng trên vai quần chúng ban phát những lời dạy bảo, những ân huệ lặt vặt và tự cho mình cái quyền không thèm trả lời những đơn từ kêu oan kêu khổ của người dân. Đối với các quan chức của Đảng thì xin miễn nói, tôi chỉ muốn đề cập đến quí vị trong các cơ quan dân cử luôn luôn tự nhận mình là " của dân, do dân, vì dân " và không ngớt rao giảng câu thần chú " dân biết, dân làm, dân kiểm tra ". Tôi cũng không muốn nói đến những vị thần được Trời giao cho cai quản việc thi hành phép nước nhưng vì mắt các ngài quen đeo kính râm, miệng các ngài mại nốc rượu sâm banh và nhấm nháp các vị đặc sản, tai các ngài mải lắng nghe những lời dặn dò, huấn thị nên cán cân công lí cứ nghiêng hoài về phía tội ác.

Cùng với các bạn tôi và nhiều công dân khác, tôi thành thật cảm ơn Ông vì tiếng nói nghiêm túc, thận trọng, trung thực, có căn cứ phát ra ngày hôm nay của Ông — một cán bộ chủ chốt có trọng trách, có quyền lực (ngót 40 năm trong ban Tổ chức Trung ương, ngót 30 năm là Vụ trưởng Vụ bảo vệ Đảng) — chắc chắn là tiếng nói của sự thật. Vì nằm trong chăn lâu ngày nên Ông rất am hiểu qui luật sinh hoạt và vận hành của những con rận.

Tôi không thuộc Lênin lắm, chỉ mang máng nhớ rằng Lênin đã từng nói : « *Chỉ có đảng nào vĩ đại mới dám công khai bộc lộ những khuyết điểm của mình, và chỉ có đảng nào thấp hèn mới che giấu tội lỗi mà thôi* ».

Như vậy thì làm sao chúng tôi lại không hoan nghênh Ông !

Sau những dòng phi lộ trên, tôi xin được bàn về chữ **cứu** và **oan** trong đề nghị của Ông : *cứu* 32 đảng viên bị xử trí *oan* khuất gần 32 năm nay...

Chữ **cứu** nếu được nói cách đây 25 năm thì đẹp và quí biết chừng nào ! Có lẽ không ai thấm thía ý nghĩa câu " *Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại* " bằng những người không bị một Toà án nào luận tội mà cứ phải nằm dài trong xà lim cá nhân suốt mấy nghìn ngày, trong khi vợ con họ ở ngoài tù bị ruồng bỏ, xa lánh như những con hủi, do chính sách phân biệt đối xử.

Còn ngày nay, chữ **cứu** chẳng có ý nghĩa gì vì chữ thì vẫn thế, mà thời thì đã khác xa rồi !

Hiện nay về đời sống vật chất, có thể nói anh em chúng tôi tạm đủ sống như những người dân bình thường, có nghĩa là không đến nỗi đứt bữa, không đến nỗi rách rưới, nhếch nhác. Còn về mặt tâm hồn thì chúng tôi đang sống một cuộc sống thanh thản, không còn bị trói buộc vào một cơ chế máy móc nào. Chúng tôi đang thực hiện lời dạy của người xưa : *Phú quí bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất.* Và như thế thì cần gì phải có ai **cứu** nữa ! Cứu để rồi được trở lại cách sống cũ ư ? Quả là một điều hãi hùng !

Có người nói : cứu là cứu sinh mạng chính trị. Câu nói ấy cách đây hai mươi năm thì còn có ý nghĩa vì sinh mạng chính trị được hiểu là đứng trong tổ chức Đảng, do đó được hưởng nhiều thứ bổng lộc, nhiều thứ quyền lợi đặc biệt. Ngày nay, cách hiểu ấy không còn đúng nữa. Cái thước đo giá trị một con người là phẩm chất đích thực của người ấy chứ đâu phải là chỗ ngồi trong một chiếu cỗ hay ở nấc thang trong bộ máy quyền lực và hưởng thụ. Có phải ngẫu nhiên đâu mà những kẻ tham nhũng cỡ bự và siêu bự hầu hết lại là đảng viên ! Và đâu có phải là chuyện bịa đặt hay vu khống khi người dân thường nói oang oang giữa chợ rằng " *những người hay lui tới nhậu nhẹt trong cách khách sạn, nhà hàng sang trọng, những người đú đởn, phè phỡn trong các hộp đêm quí phái, tung tiền qua cửa sổ hàng triệu, hàng triệu mỗi ngày hầu hết là đảng viên cả đấy !* ".

Kể ra, nếu chúng tôi có thêm thu nhập về vật chất để đời sống đỡ khó khăn hơn thì cũng tốt (mà nếu không có thì suốt mấy chục năm qua cũng chẳng chết !). Nhưng cứ nghĩ đến cái cảnh phải xếp hàng trông chờ vào bàn tay tế độ của những ngài " hảo tâm " sau khi chờ đợi được xét duyệt lý lịch thì thật đáng sợ !

Tại sao chúng ta lại không có quyền được hiểu chữ **cứu** theo một cách khác ? Thí dụ **cứu** đây là cứu dân tộc, để trong dân tộc đau thương và ngàn lần yêu quý của chúng ta không còn tái diễn cái cảnh xô xuộng vực khổ ải hàng ngàn, hàng vạn người vô tội khác. Hoặc thí dụ **cứu** đây là cứu Đảng. Nếu Đảng còn muốn lãnh đạo đất nước trở thành một đất nước giàu mạnh, công bằng, văn minh thì không thể khác là trước hết Đảng phải tự cứu mình. Hoặc **cứu** đây là cứu những kẻ hoặc cố ý hoặc vô tình đã bày đặt ra chuyện này chuyện khác mà người đời gọi là vu oan giá hoạ cho nhau để duy trì quyền lực kèm theo danh lợi. Được như vậy thì những ai từng nhúng tay vào tội ác, nếu còn sống, sẽ đỡ đi bao nhiêu năm tháng dằn vặt, cắn rứt của lương tâm ; nếu có chết đi cũng được thanh thản nhắm mắt và để rồi cái quả sẽ phải hứng chịu sau này cũng được Trời Phật giảm cho đến mức ít nhất.

Với cách hiểu như trên, chúng tôi sẵn sàng làm cái việc **cứu** đó. Sẵn sàng thi ân cởi oán để cùng nhắm vào lợi ích chung : Tổ quốc trên hết, nhân dân trước hết.

Trong những năm tháng ôm mối hờn giận (sao lại không ?), chúng tôi không hề trở thành những kẻ vong ân, quên đi cái " ân huệ " mà các ngài nắm giữ các cơ quan quyền lực đã dành cho. Thật vậy, nhờ các ngài ấy, chúng tôi mới được trở lại cuộc sống đích thật của con người, dù có hàng núi vàng dễ gì đã mua được. Bởi nếu cuộc đời của chúng tôi cứ bị buộc phải trôi theo dòng sông quan liêu thì chắc gì chúng tôi không trở thành những kẻ hãnh tiến, những tên tham nhũng... hoặc may mắn hơn, chỉ mãi mãi cam phận làm những cái đinh ốc vô hồn trong một cỗ máy hay làm công chức " sớm vác ô đi tối vác về ".

Cái guồng máy cơ chế cứ quay, ai đi ngược chiều nó sẽ bị nó nghiến nát ; các ngài quan chức và tất cả mọi người dân đều phải xoay chiều theo nó, đều là nạn nhân. Vậy oán trách nhau liệu có ích gì !

Nay xin nói đến chữ **oan**.

Trên đời thường có cái oan *cộng nghiệp* và cái oan *biệt nghiệp*. Cộng là cái oan chung cho cả một dân tộc, một cộng đồng. Biệt là cái oan riêng cho từng người. Vì cái chung của dân tộc nên chúng tôi mắc vòng *oan nghiệt*, gánh chịu nó thay

cho nhiều người. Thế thì cái oan đâu chỉ là uất hận mà nó còn là cái thiện, cái mĩ. Nếu không có cái oan của Nguyễn Trãi, Thị Lộ thì niềm tự hào dân tộc dựa vào đâu để nói lên sự chính trực và nhân nghĩa soi sáng cho đương thời và mãi mãi về sau ?

Đối với nỗi oan biệt nghiệp, những con người có tấm lòng nhân ái chẳng nỡ làm ngơ. Vì thế, đời mới sinh ra những Bao Công, những Tô Hiến Thành. Vậy thì đối với những nỗi oan cộng nghiệp, chắc chẳng ai nỡ để chúng bị chìm đắm trong sự lãng quên lạnh giá vì bất kể ai trong cộng đồng, dù điều kiện xã hội khác nhau, dù chính kiến, tôn giáo khác nhau cũng đều mang một nỗi đau chung.

Hiểu như thế nên chúng tôi chẳng bận tâm nhiều đến nỗi oan của riêng mình. Vả lại, có gì là oan khi mình đã làm cái điều mà mình cho là hợp lẽ ! Có cái hợp lẽ nào mà chẳng vấp phải sự chống trả quyết liệt, tàn khốc của cái không hợp lẽ ? Sự đời là như vậy.

Từ nhiều năm nay, nhân dân đã làm cái việc giải oan cho chúng tôi rồi. Giải oan thật sự chứ không phải là màn trình diễn ảo thuật hay một tiết mục sân khấu. Đông đảo những con người trung thực và tốt bụng đều dành cho chúng tôi những nụ cười thông cảm, những lời nói chân tình, những tình cảm thắm thiết và một thái độ kính trọng. Có những người đã quá yêu chúng tôi khi nói rằng : nếu không có những người như các ông đã tự nguyện làm những viên đá lót đường cho lịch sử đi lên thì không biết đất nước mình đến bao giờ mới đi tới chặng đường hôm nay !

Chúng tôi xin thành thật bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những ai đã hiểu chúng tôi.

Vậy thì rốt cuộc những anh em nạn nhân trong " Vụ án xét lại " này đã mất hay được ? Nếu nói chỉ có được mà không mất thì thật là giả dối và lên gân một cách kệch cỡm. Chúng tôi mất nhiều lắm chứ ! Mất cả một phần đời gồm những năm tháng sung sức nhất cả về thể lực lẫn tinh thần. Hơn chục người trong Vụ đã chết vì nghèo đói, vì kiệt sức, vì tâm trạng đau đớn. Bao nhiêu gia đình đã bị tan nát hoặc sống nheo nhóc, vất vưởng vì bị bao vây. Đó là sự thật trần trụi không thể và không được phép tô son trát phấn để hoá trang.

Nhưng triết lí cuộc sống đã cho thấy :

Có cái mất để trở thành cái được

Cuộc sinh nào mà tránh khỏi cơn đau !

Đúng là chúng tôi cũng đã được và cái được lại rất lớn, đến nỗi nó át cả cái mất nữa. Khổ thay vì cái mất thì sờ sờ ra trước mắt, ai cũng nhìn thấy, còn cái được thì thầm lặng, khó thấy nên một số không ít bà con, anh em, bè bạn thường cứ ái ngại cho chúng tôi.

Trong cái mất, chúng tôi thấy cái được, và cái được lớn nhất, vô giá, đó là sự tự giải thoát. Vì thế, quả là bất công nếu có ai đó mang lòng thương hại chúng tôi. Tự do ở thời nào cũng quí nhưng thứ tự do có được bằng sự đổi chác hay áp đặt thì không đáng giá một xu. Chỉ có sự tự tại mới là thứ tự do mang tính tuyệt đối.

Thưa ông Nguyễn Trung Thành, tôi xin gửi Ông lời chào kính trọng và tin cậy.

Thân ái,

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 1995

PHÙNG VĂN MỸ
Tập thể Tổng cục quản lý ruộng đất
Nhà B1, Căn 9
Đường giải phóng
Phường Phương Mai
Quận Đống Đa
HÀ NỘI

Thư của ông Nguyễn Trung Thành

(tiếp theo trang 14)

Trong những người bị bắt, bị xử trí, *phần lớn là cán bộ cao cấp, trung cấp* (4 uỷ viên Trung ương, 1 thiếu tướng thứ trưởng, 4 vụ trưởng, 3 đại tá). Một số là cán bộ *hoạt động trước cách mạng tháng 8/1945*, đã bị thực dân Pháp *bắt và cầm tù nhiều năm.*

6. Với sự thôi thúc của *lương tâm hàng ngày hàng giờ bị cấn rứt*, tôi cho rằng *vấn đề cấp bách hàng đầu hiện nay* là *phải khẩn thiết giải oan cho những đồng chí đã bị bắt và xử trí oan.* Điều đó *chỉ có lợi cho uy tín của Đảng*, cho *sự đoàn kết* trong và ngoài Đảng, *cho sự ổn định chính trị hiện nay.* Đảng ta chính đại quang minh đã từng thừa nhận khuyết điểm trước toàn dân, đã sửa chữa nhiều vụ án bắt oan sai, và *qua đó đã vững mạnh lên.*

7. *Các vấn đề cấp bách thuộc quyền lợi cần giải quyết ngay cho số đồng chí bị bắt và xử trí oan là :*

+ Xếp một mức lương thoả đáng với từng trường hợp, làm căn cứ định *lương hưu*, và được truy lĩnh từ tháng 1 năm 1994.

+ Với những người đã tham gia cách mạng trước tháng 12/1944, được hưởng *các chế độ ưu đãi, thâm niên hiện hành*, thâm niên quân đội.

+ Tuỳ từng trường hợp cụ thể, có thể cấp *một khoản trợ cấp đền bù.*

+ Tuỳ trường hợp cụ thể, có thể hoặc cấp nhà, hoặc bổ sung diện tích, hoặc giúp cơi nới cải tạo *nơi ở.*

+ Được hưởng chế độ *khen thưởng tương ứng.*

+ *Hoà nhập vào sinh hoạt các Hội, Đoàn* tương ứng (nhà tù, hưu trí, câu lạc bộ, hội cựu chiến binh v.v...)

8. *Để xác định lại* những nhận xét trên đây của tôi, và cũng để *thẩm tra lại* toàn bộ công việc điều tra và xử lý vụ án trước đây, tôi đề nghị với Bộ Chính trị cho *lập ra một Ban Thẩm tra* vụ án nói trên, qua đó rút ra những *bài học cho Đảng ta* sau này. *Tôi xin sẵn sàng phục vụ vô điều kiện.*

✿

Với lòng *trung thực*, với ý thức trách nhiệm đối với *việc bảo vệ Đảng và bảo vệ sinh mệnh chính trị* của Đảng viên, tôi tha thiết kính mong Bộ Chính trị, Ban Bí thư có những *quyết định dứt khoát để sớm cứu các đồng chí bị xử trí oan* trước lễ kỷ niệm 105 năm ngày sinh của Bác Hồ và 50 năm Cách mạng Tháng Tám.

Kính,

đã ký

NGUYỄN TRUNG THÀNH
10C, Dốc Ngọc Hà, Phòng 201+202
Hà Nội
Điện thoại : 258261/3746

Trần Độ

Nhà nước pháp quyền hay Đảng toàn trị ?

Hà Nội, ngày 03/01/1995

Kính gửi Anh Đỗ Mười, Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN
Các đồng chí trong Bộ chính trị
Các đồng chí Trung ương uỷ viên,

Tôi có được đọc một bản văn kiện chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần thứ 8 về vấn đề " *Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước...* ". Đây thật là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Lâu nay ta đã quan tâm khá nhiều đến sinh hoạt dân chủ trong Đảng và trong xã hội, các cơ quan đã xử lý một số việc thể hiện xu thế " dân chủ hoá " của Đảng và Nhà nước ta. Đó là điều đáng mừng. Nhưng khi tôi đọc văn kiện thì tôi thấy sự kiểm điểm và nhận định tình hình tỏ ra rất tản mạn và vụn vặt, nhiều mâu thuẫn nhau. Và xét ra tinh thần của người soạn thảo không quan tâm gì đến Hiến pháp, nhất là đoạn 2 điều 4 của Hiến pháp : « *Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và Luật pháp* », Bộ Chính trị cũng là một tổ chức của Đảng.

Đây là một vấn đề rộng lớn, phức tạp có quan hệ đến nhiều vấn đề lý luận, nguyên tắc và tâm tư tình cảm của nhân dân.

Ở đây với trách nhiệm một đảng viên, tôi chỉ xin gấp rút phát biểu ý kiến về hai vấn đề căn cốt và cơ bản để góp ý với Ban chấp hành Trung ương.

Đó là :

A. *Vấn đề thứ nhất* : Nhà nước ta là Nhà nước gì ?

Cần phân biệt khái niệm " Đảng lãnh đạo " và " Đảng cầm quyền ".

" Đảng cầm quyền " đồng nhất với " Đảng trị ", " Đảng cầm quyền " thì cơ quan Đảng là cơ quan Nhà nước và cao hơn cơ quan Nhà nước, điều khiển sai bảo cơ quan Nhà nước, quyết định và chọn lựa cán bộ và tổ chức Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước giải quyết việc đều phải xin ý kiến Đảng. Như thế là Đảng toàn trị.

" Đảng lãnh đạo " thì phải có Bộ máy Nhà nước tương đối độc lập. " Đảng lãnh đạo " phải bảo đảm cho Bộ máy Nhà nước có hiệu lực, dân chủ và thực hiện được dân làm chủ. Như vậy phải có một Nhà nước dân chủ pháp quyền.

Đó mới thật là Nhà nước do dân vì dân của dân. Không thể để trở thành Nhà nước của Đảng do Đảng và vì Đảng. Văn kiện có nói : « Đại hội giữa nhiệm kỳ đề ra : Một trong những nhiệm vụ chủ yếu hiện nay là " tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam " ». Câu ấy và những câu về tính chất Nhà nước trong Hiến pháp 1992 (Điều 2, Điều 8) còn có giá trị không ?

Nhưng tiếp sau đó văn kiện lại viết : « Một Nhà nước... như vậy về thực chất là Nhà nước chuyên chính vô sản. Trong nội bộ Đảng cần khẳng định rõ ràng ». Vậy là ta làm chuyên chính vô sản và chỉ biết với nhau trong Đảng, còn không cho dân biết. Một Nhà nước thế nào mà dân không biết, không làm, không công nhận, không kiểm tra được thì có còn là của dân, vì dân do dân nữa không ?

Nếu ta quyết định thực hiện chuyên chính vô sản thì phải sửa Hiến pháp, để dân thảo luận và dân đồng ý thì ghi vào Hiến pháp, như thế mới có cơ sở pháp lý đàng hoàng.

Đây là một vấn đề nguyên tắc quan trọng cơ bản quan hệ đến toàn dân, không thể tuỳ tiện.

B. *Vấn đề thứ hai* là vấn đề Đảng lãnh đạo Nhà nước.

Trong văn kiện dự thảo có ý định quy định chính thức cách lãnh đạo cụ thể trong mối quan hệ giữa Bộ chính trị của Đảng và các cơ quan cao nhất của Nhà nước. Nếu theo những quy định như vậy thì lại vi phạm Hiến pháp một điểm to nữa. Vì như thế thì các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp cao nhất không còn cao nhất nữa, không có khả năng giám sát lẫn nhau nữa, và các cơ quan này cũng mất khả năng quan hệ với dân, và dân không giám sát được nữa. Nhà nước không thể là Nhà nước pháp quyền được nữa. Vì Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Bộ máy của Đảng trở thành một siêu Nhà nước và thực hiện thống nhất cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp cao nhất không có bất cứ một sự giám sát nào. Và như thế Đảng thực hiện chuyên chính vô sản một cách thực sự và nhân danh giai cấp vô sản (như Lênin nói).

Phải trở lại bàn quan niệm " Đảng lãnh đạo " Nhà nước hay Chính quyền là lãnh đạo những gì và lãnh đạo thế nào ? Làm thế nào để Nhà nước là của dân, do dân, vì dân một cách thực sự và trong thực tế. Muốn thế Đảng phải trở thành nơi tập hợp và thu hút toàn bộ trí tuệ trong xã hội, bàn và quyết định những vấn đề phương hướng đường lối, chính sách cơ bản và được toàn dân biết rõ và ủng hộ. Rồi các cơ quan Nhà nước (cả ba mặt) đều dùng quyền hạn và quyền lực của mình thực hiện một cách độc lập và có giám sát.

Phải có một sự cải cách cơ bản chế độ bầu cử và ứng cử, bảo đảm chọn được các nhân tài thực sự, không chỉ kêu gọi tăng thêm thành phần không Đảng trong các cơ quan dân cử, và hô hào khuyến khích tự do ứng cử.

Cần phải dứt khoát lựa chọn một trong hai tư tưởng chỉ đạo sau đây :

a) Hoặc thực hiện chuyên chính vô sản, mà Đảng là đại diện và nhân danh.

b) Hoặc thực hiện một Nhà nước dân chủ pháp quyền, một Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Không thể cứ nói nửa nọ nửa kia, nhập nhằng và không thể chỉ ghi trong Nghị quyết của Đảng mà phải thể hiện rành mạch trong Hiến pháp được toàn dân công nhận.

Tôi thấy đây là một vấn đề cực kỳ quan trọng có liên quan đến vận mệnh của dân tộc, đất nước nếu không có sự lựa chọn rõ ràng dứt khoát thì chưa nên bàn và chưa có Nghị quyết.

Đây là tâm huyết của một Đảng viên lâu năm đã gần trọn đời đấu tranh cho Đảng, nghĩ về Đảng và đất nước. Mong các đồng chí lưu ý.

Đầu tư nước ngoài ở châu Á và bước đầu so sánh với Việt Nam

Lê Việt Đức, Nguyễn Văn Quỳ

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

I. Mở Đầu

Trong điều kiện hiện nay, các quan hệ kinh tế đối ngoại đã trở thành một yếu tố rất quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của mỗi nước ; đặc biệt có ảnh hưởng quyết định tới đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế của các nước lạc hậu kém phát triển. Ở các nước này thu nhập quốc dân đầu người thấp, chưa bảo đảm được những nhu cầu thiết yếu, hầu như chưa có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế, việc khai thác các tài nguyên và sử dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất gặp rất nhiều khó khăn. Một trong các nguyên nhân chủ yếu làm các nước này chưa vượt qua được trạng thái khó khăn đó là do thiếu vốn cần thiết. Kinh nghiệm 30 năm qua của nhiều nước trên thế giới đã chứng minh rằng thông qua quan hệ kinh tế đối ngoại và vốn đầu tư nước ngoài, các nước kém phát triển có điều kiện tăng thêm nguồn vốn và đổi mới được công nghệ để sớm vươn lên tương xứng với trình độ sản xuất hiện đại. Ngày nay ở nhiều nước kém phát triển, nhất là các vùng Đông Á và Đông Nam Á, vốn nước ngoài và viện trợ là một trong những bộ phận cấu thành quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế. Mấy năm gần đây, nhận rõ tác dụng của vốn đầu tư nước ngoài, các nước nghèo đang cố gắng thu hút nhiều vốn vào nước mình, do đó đầu tư nước ngoài đang trở thành vấn đề thời sự trong đời sống kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên việc thu hút vốn nước ngoài trong bối cảnh hiện nay đang có những chuyển biến mới. Một mặt, nợ nước ngoài của các nước đang phát triển đã trở nên quá lớn đang gây ảnh hưởng rõ rệt tới tăng trưởng kinh tế vì hàng năm các quốc gia này phải dành một khoản tiền đáng kể để thanh toán nợ. Mặt khác, cuộc khủng hoảng nợ cũng làm cho giới chủ nợ lo ngại và việc vay vốn trên thị trường tư nhân ngày càng khó khăn hơn. Nguồn vốn chính thức (do các chính phủ và các tổ chức tài chính cho vay) có xu hướng trở thành nguồn chủ yếu trong thập kỷ vừa qua. Những năm gần đây, cùng với đà phát triển kinh tế và nâng cao quan hệ kinh tế, các nước châu Á đang tăng nhanh đầu tư vào nhau để tận dụng lợi thế so sánh, làm cho vai trò của các nguồn vốn ngoài khu vực châu Á bị thay đổi. Để góp phần tìm hiểu vấn đề đầu tư nước ngoài và đối chiếu với nước ta, bài viết này sẽ :

– Nhìn lại những xu hướng lớn của đầu tư nước ngoài vào khu vực châu Á, nghiên cứu vai trò của nó đối với sự tăng trưởng kinh tế và nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của các nước đang phát triển trong khu vực.

– So sánh đầu tư nước ngoài ở Việt Nam với các nước trong khu vực.

II. Xu hướng đầu tư nước ngoài vào châu Á

Để xem xét đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển châu Á, người ta có thể căn cứ vào nhiều nguồn thông tin khác nhau.Trong bài viết này, sẽ sử dụng các số liệu của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế được dẫn lại trong báo cáo hàng năm của Ngân hàng phát triển châu Á. (Bảng 1)

Bảng số liệu 1 (xem cuối bài) cho thấy trong 10 năm 77-87 vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển khu vực châu Á đạt mức cao nhất là 22,3 tỷ đô la năm 1981, sau đó giảm dần và chỉ còn 11,8 tỷ đô la năm 1985, nguyên nhân của hiện tượng này là việc giảm các nguồn đầu tư tư nhân do hậu quả của khủng hoảng nợ, trong đó giảm mạnh nhất là đầu tư trực tiếp của nước ngoài và tín dụng xuất khẩu. Từ năm 1986 đầu tư nước ngoài tăng nhanh, đạt 23,3 tỷ USD năm 1988 và 30,1 tỷ USD năm 1989. Đây là một hiện tượng gây ấn tượng rõ rệt vì trong những năm gần đây vốn nước ngoài đưa vào các nước đang phát triển vẫn tăng chậm và ở châu Á, nhiều nước bắt đầu trả dần những khoản nợ nước ngoài của mình.

Số liệu trong bảng cũng cho thấy vai trò của các loại vốn đầu tư vào các nước đang phát triển châu Á cũng có những thay đổi. Trong thời kỳ 1970 - 1981, tỷ trọng vốn chính thức có xu hướng giảm đi trong khi vốn tư nhân tăng lên. Quan hệ vốn chính thức/ vốn tư nhân giảm từ 3,41 lần năm 1977 xuống còn 0,96 lần năm 1978. Tuy nhiên từ năm 1981 do bùng nổ cuộc khủng hoảng nợ trong đó nhiều nước không trả được nợ, dẫn tới gây tâm lý lo lắng cho các nhà đầu tư tư nhân, làm vốn đầu tư tư nhân giảm đột ngột. Năm 1982 so với năm 1981 vốn tư nhân giảm 45,5%. Suốt từ năm 1982 đến năm 1988 vốn đầu tư tư nhân tăng tới 2,34 năm 1988 và giảm còn 1,47 lần năm 1989 do vốn đầu tư tư nhân phục hồi trở lại đỉnh cao 1981. Tuy nhiên nhìn chung từ năm 1982 tới nay vốn chính thức có xu hướng trở thành nguồn tài chính cơ bản cung cấp cho các nước đang phát triển châu Á.

Về cơ cấu nguồn vốn đầu tư, bảng 2 (xem cuối bài) cho thấy trong những năm 70 - 75 hầu như toàn bộ vốn nước ngoài vào khu vực Nam Á (Bangladesh, Ấn Độ, Miến Điện, Nepan, Pakistan và Srilanka) là từ quỹ hỗ trợ phát triển (viện trợ không hoàn lại và cho vay ưu đãi). Gần đây một số nước trong khu vực này đã mở rộng thu hút thêm nguồn vốn chính thức không ưu đãi và đầu tư tư nhân. Tuy nhiên đến nay vốn đầu tư của quỹ hỗ trợ phát triển chính thức vẫn chiếm tới 3/4 tổng lượng vốn đem vào khu vực Nam Á. Ở khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Indonexia, Philippin và Malaixia) lúc đầu, vốn từ quỹ hỗ trợ phát triển chính thức chiếm 46,9% tổng lượng vốn,sau đó giảm dần, còn 27,7% năm 81 - 82, nhưng rồi tăng lên rất nhanh và đạt 56,9% năm 1987 - 1988. Đặc biệt vốn chính thức không ưu đãi tăng liên tục, tỷ trọng từ 10,1% năm 70 - 75 lên 40,1 năm 1987 - 88. Nguồn vốn chính thức rất quan trọng đối với Indonexia và Philippin trong khi Thái Lan và Malaixia thu hút nhiều vốn

đầu tư trực tiếp và đầu tư chứng khoán hơn. Ở các nước công nghiệp mới (Hồng Kông, Singapo, Đài Loan và Nam Triều Tiên), tỷ trọng vốn chính thức rất thấp trong khi đầu tư nước ngoài trực tiếp rất cao. Từ năm 1983, nhiều tỷ trọng âm vì các nước này bắt đầu đẩy mạnh trả nợ nước ngoài.

Phân tích các số liệu trên bảng 2 cũng cho thấy có sự liên quan chặt chẽ giữa trình độ kinh tế và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài. Đối với những nước có thu nhập thấp (các nước Nam Á), vốn cho vay và viện trợ từ quỹ hỗ trợ phát triển chính thức đóng vai trò cơ bản, trong khi ở các nước có trình độ phát triển cao hơn (các nước Đông Nam Á) vốn chính thức không ưu đãi và đầu tư tư nhân trực tiếp trở nên quan trọng hơn. Ở các nước công nghiệp mới, đầu tư tư nhân đã trở thành nguồn vốn nước ngoài cơ bản. Như vậy kinh tế càng phát triển tỷ trọng vốn chính thức càng giảm và tỷ trọng tín dụng tư nhân càng tăng.

Một đặc điểm rất đáng ghi nhận trong những năm gần đây là đầu tư và ngoại thương trong nội bộ khu vực châu Á đã tăng lên rõ rệt. Tổng giao dịch thương mại (xuất cộng nhập) giữa 15 nước châu Á chính tăng 30% năm 87 so 86 và 31% năm 88 so 87. Trong năm 1988 xuất khẩu từ các nước công nghiệp mới sang các nước Đông Nam Á (4 nước kể trên) tăng 50% (đạt 15,5 tỷ đôla) trong khi buôn bán giữa các nước công nghiệp mới tăng 46% (đạt 23,3 tỷ đôla). Còn các nước Đông Nam Á đã xuất khẩu sang các nước công nghiệp mới 13,6 tỷ đôla (tăng 12%). Sự tăng nhanh về thương mại này đã kéo theo và thúc đẩy sự tăng nhanh vốn đầu tư trong nội bộ các nước châu Á để tận dụng lợi thế so sánh của nhau và tận dụng lợi thế về chi phí sản xuất tại các nước đang phát triển châu Á thấp hơn so với Nhật Bản và các nước công nghiệp. Quá trình này cũng có giá trị to lớn trong đổi mới công nghệ và kỹ thuật tại các nước đang phát triển châu Á.

Bình luận về tình hình kinh tế khu vực châu Á, nhiều nhà kinh tế đã đặc biệt nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với mở rộng buôn bán trong nội bộ khu vực và thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Vốn đầu tư nước ngoài từ mọi nguồn kết hợp với bầu không khí kinh doanh sôi động, môi trường chính sách thuận lợi, tự do lưu chuyển vốn, công nghiệp hoá và mở rộng ngoại thương sẽ đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế. Ngược lại tăng trưởng nhanh và mở rộng buôn bán sẽ kích thích tăng cường đầu tư trong vùng. Chính sách quan hệ này đã góp phần quyết định làm cho các nước đang phát triển châu Á tăng trưởng nhanh và ổn định trước những biến động quốc tế. (Bảng 2)

III. Vai trò của đầu tư nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế :

Hiện nay vẫn đang có nhiều cuộc thảo luận về vai trò của vốn đầu tư nước ngoài đối với sự tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển. Nếu giả thiết rằng toàn bộ dòng vốn nước ngoài đem vào là để đầu tư và hệ số ICOR không đổi thì người ta chỉ ra rằng đầu tư nước ngoài có hiệu quả tốt đối với tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên trong thực tế nhiều khi không phải như vậy. Do có nguồn vốn nước ngoài, các chính phủ thường giảm cố gắng thu thuế, tăng chi phí tiêu dùng chính phủ và tự do hoá nhập khẩu (để thu hút vốn nước ngoài) do đó tiết kiệm nội địa sẽ giảm đi. Mặt khác vốn nước ngoài cũng có thể làm giảm hiệu quả kinh tế do nhập khẩu các kỹ thuật, công nghệ và hệ thống quản lý không thích hợp. Như vậy vốn nước ngoài có thể gây hậu quả không tốt tới các quá trình tăng trưởng kinh tế.

Về vai trò của các loại vốn nước ngoài và ngoại thương, hiện nay cũng là vấn đề đang được thảo luận. Trong khi các nước đang phát triển thường nhận thấy ngoại thương có hiệu quả tốt với tăng trưởng kinh tế và nhấn mạnh các khoản vốn ưu đãi, kể cả viện trợ không hoàn lại cả các nước giàu có vai trò quan trọng giúp đỡ các nước nghèo phát triển thì các nước công nghiệp phát triển lại không thừa nhận quan điểm này. Các nước công nghiệp cho rằng các nước nghèo cần phải tự thân vận động và việc xây dựng một cơ chế thị trường phát triển là hướng ưu tiên hàng đầu. Để tự thân vận động, các nước đang phát triển cần tự do hoá ngoại thương, thả nổi tỷ giá và thực hiện các chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài...

Để phân tích quan hệ giữa vốn nước ngoài và tăng cường kinh tế thường có hai cách tiếp cận. Một là xem xét quan hệ giữa vốn nước ngoài, tiết kiệm nội địa và vốn đầu tư. Hai là xem xét quan hệ giữa vốn nước ngoài, hiệu quả đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Đôi khi người ta còn xem xét mối quan hệ trực tiếp giữa vốn nước ngoài và tăng trưởng kinh tế.

1 - Theo cách tiếp cận thứ nhất :

Người ta đã xây dựng một số mô hình để phân tích quan hệ giữa tiết kiệm nội địa và vốn nước ngoài trong các nước đang phát triển châu Á. Từ mô hình với chuỗi thời gian 1960 - 80, M.Frg thấy rằng ở tất cả bốn nước Thái Lan, Nepan, Nam Triều Tiên và Bangladesh, vốn nước ngoài có hiệu quả âm tới tiết kiệm nội địa, nghĩa là vốn nước ngoài có phần nào thay thế tiết kiệm nội địa. Trong một nghiên cứu sử dụng số liệu của 18 nước đang phát triển châu Á, người ta thấy rằng trong khi vốn đầu tư tư nhân có ảnh hưởng tốt tới tiết kiệm nội địa thì vốn chính thức lại có hiệu quả xấu.

Về quan hệ giữa vốn nước ngoài và vốn đầu tư trong nước, người ta thấy rằng vốn nước ngoài đã làm tăng vốn đầu tư. Sử dụng số liệu của 13 nước đang phát triển châu Á thời kỳ 1968 - 1982 có thể chỉ ra rằng tăng 1% vốn nước ngoài vào sẽ làm tăng 0,2% vốn đầu tư của các nước đang phát triển châu Á. Ngoài ra có thể sử dụng hệ số ICOR để nghiên cứu hệ quả vốn đầu tư. Quan hệ giữa ICOR và vốn nước ngoài dương chứng tỏ vốn nước ngoài có ảnh hưởng tốt tới hiệu quả đầu tư.

2 - Theo cách tiếp cận thứ 2 :

Nhiều nghiên cứu theo cách tiếp cận này đã chứng minh rằng ở các nước đang phát triển châu Á :

a) Vốn nước ngoài có ảnh hưởng tích cực, làm tăng hiệu quả đầu tư, trong đó vốn đầu tư tư nhân có ảnh hưởng tới hiệu quả đầu tư tốt hơn so với vốn chính thức.

b) Các loại vốn nước ngoài và tỷ lệ tiết kiệm nội địa đều có ảnh hưởng tốt tới tăng trưởng kinh tế, trong đó vốn nước ngoài có ảnh hưởng tốt hơn so với tỷ lệ tiết kiệm nội địa.

Tuy nhiên các nghiên cứu trước đây có hai nhược điểm lớn. Một là các hàm hồi quy chưa tính đủ đến các yếu tố tăng trưởng kinh tế bao gồm cả ngoại thương, và hai là các mô hình chỉ gồm hàm hồi quy đơn giản chưa phản ánh được các mối quan hệ nhân quả giữa các biến trong mô hình. Để tránh các nhược điểm này, các chuyên gia của Ngân hàng phát triển châu Á đã đưa ra một mô hình mới gồm hai phương trình quan hệ tăng trưởng và tiết kiệm :

$$GR = a_0 + a_1 AID + a_2 FPI + a_3 S + a_4 CX + a_5 CLF$$

$$(a_1 > 0 ; a_2 > 0 ; a_3 > 0 ; a_4 > 0 ; a_5 > 0)$$

$$S = a_6 + a_7 + a_8 FPI + a_9 CX + a_{10} GDPN + a_{11} GR$$

$$(a_7 > 0 ; a_8 > 0 ; a_9 > 0 ; a_{10} > 0 ; a_{11} > 0)$$

GR : Nhịp độ tăng trưởng của GDP

AID : Vốn chính thức, phần trăm của GDP

FPI : Đầu tư nước ngoài tư nhân, phần trăm của GDP

CX : Tỷ lệ xuất khẩu so với GDP

CLF : Gia tăng lực lượng lao động

GDPN : GDP đầu người.

Mô hình trên đã được ước lượng theo chuỗi số liệu từ 1965 đến 1988 cho một số lớn các nước đang phát triển châu Á. Sau đây là bảng tính toán ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài và xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế, tiết kiệm nội địa và hiệu quả đầu tư (xem bảng 3 ở cuối bài). Quan hệ âm giữa vốn chính thức và tỷ lệ tiết kiệm cho thấy phần nào có sự thay thế lẫn nhau giữa hai loại vốn. Tương tự quan hệ âm giữa vốn chính thức và hiệu quả đầu tư cho thấy có sự gia tăng nhanh vốn vào khu vực sản xuất. Ở đây cần nhấn mạnh vai trò tích cực toàn diện của đầu tư tư nhân và xuất khẩu trong đó các hệ số ảnh hưởng của luồng vốn tư nhân là lớn nhất đã chứng tỏ việc thu hút vốn tư nhân có tác dụng cao hơn so với các yếu tố khác.

Có thể bổ sung thêm một số nhân tố nữa trong tính toán để xem xét vai trò của đầu tư nước ngoài đối với tăng trưởng kinh tế. Khi bổ sung thêm biến về lao động gia tăng và tổng sản phẩm trong nước đầu người, chúng ta có kết quả như trong bảng 4 (xem cuối bài)

Kết quả này cho thấy tỷ lệ tiết kiệm có ảnh hưởng quyết định với tăng trưởng kinh tế, vai trò của vốn tư nhân bị tụt xuống hàng thứ hai.

Như vậy việc mở rộng mô hình đã cho một số kết quả khác với những nhận định đã có. Một là vốn nước ngoài có ảnh hưởng tốt tới tăng trưởng và hiệu quả đầu tư tuy nhiên đó là vốn tư nhân, còn vốn chính thức có ảnh hưởng xấu tới tỷ lệ tiết kiệm và hiệu quả đầu tư. Thứ hai, vốn nước ngoài và tỷ lệ tiết kiệm nội địa có ảnh hưởng tốt tới tăng trưởng song tỷ lệ tiết kiệm nội địa có ảnh hưởng quan trọng hơn so với vốn nước ngoài. Tương tự có thể thấy lao động, xuất khẩu cũng có ảnh hưởng tốt tới tăng trưởng kinh tế. Từ các số liệu trên, có thể rút ra kết luận rằng các yếu tố trong nước có vai trò quan trọng hơn vốn đầu tư nước ngoài và vốn nước ngoài không phải là nhân tố quyết định để đạt tốc độ tăng trưởng cao và ổn định.

IV. Về vốn nước ngoài ở Việt Nam

Như đã phân tích ở trên dòng vốn đầu tư nước ngoài vào các nước đang phát triển gồm nhiều loại vốn khác nhau. Vốn chính thức do các chính phủ và tổ chức tài chính, ngân hàng quốc tế hỗ trợ. Chúng gồm viện trợ không hoàn lại, cho vay ưu đãi và cho vay không ưu đãi. Vốn tư nhân gồm đầu tư trực tiếp, đầu tư qua chứng khoán và tín dụng xuất khẩu. Ở Việt Nam thời gian qua nguồn tài trợ qua dòng vốn chính thức bị hạn chế do cấm vận kinh tế của Mỹ ; dự báo một số năm tới nguồn này cũng chưa mở ra nhiều. Do đó nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và sẽ trở thành nguồn đầu tư quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Do nguồn số liệu và để tiện phân tích, ở đây sẽ xem xét hai khía cạnh :

– Vốn nước ngoài nói chung

– Vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp.

1. Vốn nước ngoài ở Việt Nam :

Nhìn chung diễn biến của vốn nước ngoài ở Việt Nam phù hợp với xu thế chung của thế giới, tuy nhiên về giá trị tuyệt đối thì thấp hơn nhiều. Vốn nước ngoài vào Việt Nam trong thời gian trước khi thực hiện luật đầu tư nước ngoài đạt đỉnh cao là 458,6 triệu USD năm 1978 và 445,7 triệu USD năm 1979, sau đó vốn này giảm dần tuy vẫn còn trên 200 triệu USD vào năm 80 - 81. Nguyên nhân của giảm đầu tư sau năm 1979 là việc cấm vận của thế giới do sự can thiệp của Việt Nam vào Campuchia, và sau năm 1981 còn do hậu quả của cuộc khủng hoảng nợ trên thế giới làm cho việc vay vốn trở nên khó khăn hơn. Trong suốt 8 năm từ 1982 đến 1989, nếu không tính đến vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp thì vốn nước ngoài vào Việt Nam chỉ trên dưới 100 - 150 triệu USD/ năm, nhỏ hơn nhiều lần so với các nước Đông Nam Á khác. Nếu lấy Thái Lan để so sánh thì có thể thấy trong 10 năm từ 1982 đến 1989, vốn nước ngoài ròng vào Việt Nam chỉ là 1156 triệu USD bằng 10,0% so với vào Thái Lan, tức là trung bình mỗi năm chỉ bằng 1/10 của Thái Lan. Đáng lưu ý là Thái Lan còn dành một nguồn vốn đáng kể để đầu tư ra nước ngoài.

Về vai trò của các loại vốn đầu tư, có thể thấy tình hình ở Việt Nam cũng diễn ra tương tự ở các nước châu Á. Trước năm 1980, vốn tư nhân mặc dù nhỏ về giá trị tuyệt đối song tăng lên nhanh, còn vốn chính thức tăng chậm. Do vậy tỉ trọng vốn tư nhân có xu hướng tăng. Quan hệ giữa vốn chính thức/vốn tư nhân giảm từ 4,35 năm 1977 xuống 3,95 lần năm 1979. Tuy nhiên so với các nước đang phát triển châu Á, quan hệ này giảm chậm. Từ sau năm 1980 tình hình có khác. Vốn chính thức có giảm đi nhưng mức độ không nhiều trong khi vốn tư nhân giảm nhanh và trở thành âm. Vốn này âm chứng tỏ các nhà đầu tư đang tìm cách rút vốn ra khỏi Việt Nam. Vốn tư nhân hầu như âm liên tục từ năm 1980-1987. Nhìn chung đến trước năm 1989 vốn chính thức vẫn là nguồn vốn nước ngoài cơ bản đầu tư vào Việt Nam. (Bảng 6)

Nếu theo tiêu chuẩn sản xuất thì có thể xếp Việt Nam tương đương về trình độ với nhóm các nước phát triển thấp (các nước Nam Á). Song trước năm 1979 vốn tư nhân của Việt Nam chiếm tỉ trọng cao trong tổng nguồn vốn (19,4% trung bình của ba năm 1977 - 1979) trong khi ở các nước

Nam Á tỉ trọng này thấp hơn (-0,1% năm 70 - 75 ; 2,6% các năm 76 - 80...). Từ năm 1980 tình hình ngược lại, vốn tư nhân chiếm tỉ trọng rất thấp tương tự như các nước Nam Á.

Việc đánh giá hiệu quả dòng vốn đầu tư chính thức hoặc tư nhân trước năm 1989 rất khó khăn vì giữa vốn này và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô không có quan hệ tương quan. Từ tính chất không có quan hệ này có thể thừa nhận quan điểm của nhiều nhà kinh tế và chính trị Việt Nam cho rằng dòng vốn này đã hầu như không có vai trò trong việc nâng cao tăng trưởng kinh tế và hiệu quả sản xuất ở nước ta.

2. Đầu tư nước ngoài trực tiếp ở Việt Nam

Có lẽ số liệu về đầu tư nước ngoài trực tiếp là loại số liệu tương đối đầy đủ và chính xác nhất về vốn nước ngoài ở Việt Nam. Vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp đang được ưa chuộng ở hầu hết các nước đang phát triển vì loại vốn này gắn liền với công nghệ tiên tiến và tiêu thụ sản phẩm, đồng thời tận dụng được lợi thế so sánh của từng nước. Một ưu điểm nữa là vốn này chỉ bị đòi trả nếu nó đem lại lợi nhuận và việc trả lợi nhuận cho nhà đầu tư còn bị điều chỉnh bởi hệ thống thuế và các chính sách kiểm soát khác. Việc giảm thuế đối với nguồn tái đầu tư cũng khuyến khích các nhà đầu tư giảm chuyển vốn về nước.

Mặc dù vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp có nhiều ưu điểm so với các luồng vốn khác song kinh nghiệm diễn ra ở các nước đang phát triển cho thấy ảnh hưởng của loại vốn này tới các nền kinh tế khác nhau cũng khác nhau. Những gì đang diễn ra ở châu Á - Thái Bình Dương lại trái ngược lại cái đang diễn ra ở nước Mỹ la tinh. Các nước Mỹ la tinh ngày càng phụ thuộc vào nguồn vốn nước ngoài, ngày càng tăng thất nghiệp và bán thất nghiệp, sử dụng kém hiệu quả nguồn vốn nước ngoài đem vào nước họ. Còn các nước châu Á - Thái Bình Dương thì phát triển nhanh chóng từ nguồn vốn này. Các nhà kinh tế đã đưa ra quan điểm là sự khác nhau đến mức trái ngược này là do sự khác nhau về chiến lược phát triển và môi trường kinh tế trong nước sở tại.

Kinh nghiệm của các nước đang phát triển vùng châu Á - Thái Bình Dương chỉ ra rằng các nhân tố sau có tầm quan trọng đặc biệt tới ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài trực tiếp tới phát triển kinh tế nước sở tại :

– Chiến lược phát triển công nghiệp hoá hướng về xuất khẩu hay thay thế nhập khẩu, rất quan trọng. Một nước theo chiến lược hướng ngoại sẽ có môi trường kinh tế nội địa ít được bảo hộ hơn, do đó các xí nghiệp nước ngoài thích tăng cường đầu tư để thu được lợi nhuận cao.

– Để thu lợi nhuận cao nhất của vốn đầu tư nước ngoài, nước sở tại phải có hệ thống các chính sách để vận dụng mọi lợi ích do vốn nước ngoài đem lại, bao gồm cả hoà nhập hoạt động của các công ty trong nước với các công ty nước ngoài.

– Đầu tư vào con người rất quan trọng ; có tác dụng động viên nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế trong nước và khả năng của các xí nghiệp nội địa để tiếp thu công nghệ mới và phong cách quản lý tiên tiến. Các quốc gia càng đầu tư nhiều vào con người thì càng có thể thu được lợi nhuận cao do đầu tư nước ngoài trực tiếp và nâng cao khả năng độc lập của mình.

Để so sánh chính sách đầu tư nước ngoài và môi trường đầu tư của các nước, người ta thường nhìn theo một số tiêu thức so sánh điều kiện đầu tư của một số nước châu Á. (xem bảng 7)

Đối chiếu với các tiêu thức trên, có thể thấy các điều kiện để mở ra khả nă,g thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp vào nước ta còn bị hạn chế. Mặc dù chúng ta tạo điều kiện cho người nước ngoài tham gia vào cả ba hình thức (xí nghiệp liên doanh, hợp đồng hợp tác liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài) song những điều kiện khác còn khó khăn, nhất là cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên qua bốn năm thi hành luật đầu tư đã có hàng trăm công ty từ khắp các nước trên thế giới đến Việt Nam để thăm dò và tìm kiếm khả năng đầu tư. Tính đến cuối tháng 1/92 đã có 383 dự án đầu tư được cấp giấy phép với tổng số vốn đầu tư là 2763 triệu USD. Riêng trong tháng 1/1992 đã cấp giấy phép cho 20 dự án. Tháng 3 và đầu tháng 4 ta sẽ cấp tiếp giấy phép cho 5 dự án khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía Nam. Đây là những dự án rất có triển vọng với số vốn đầu tư của mỗi dự án từ 40-60 triệu USD.

Xét về cơ cấu dự án, có tới 32% dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp ; 30% thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 24% thuộc du lịch - khách sạn ; 9% thuộc giao thông bưu điện, 4% thuộc lĩnh vực dầu khí và 1% thuộc lĩnh vực ngân hàng. Song nếu xét theo cơ cấu vốn đầu tư thì công nghiệp chỉ chiếm 13,9% tổng vốn, nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm 28,2% ; khai thác dầu khí 21,3% ; du lịch dịch vụ 25,6%, giao thông vận tải và bưu điện 25,6% và xây dựng 0,2%.

So sánh vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta từ khi có luật đầu tư nước ngoài, chúng ta thấy số vốn vào ta khá cao và tăng nhanh. Năm 1988 : 360 triệu USD, 1989 : 514 triệu USD : 1990 : 589 triệu USD và năm 1991 : 1234 triệu USD. Nhưng nếu so sánh với dòng vốn đầu tư này vào Thái Lan, Malaixia cũng trong thời kỳ 1988-1990 thì chúng ta còn kém xa. (Bảng 7)

Điều tra ở thành phố Hồ Chí Minh cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài còn rất thận trọng khi bỏ vốn vào Việt Nam (xem bảng 8).

Theo các chuyên gia thì vì môi trường đầu tư của Việt Nam kém nên không thể cạnh tranh với các nước khác trong khu vực và các nhà đầu tư không dám đầu tư 100% vốn mà thường liên doanh với số vốn ít nhằm giảm bớt rủi ro trong quá trình kinh doanh trên thị trường Việt Nam.

V. Kết luận :

Qua các phân tích trên, có thể thấy vai trò tác dụng của các loại vốn nước ngoài trong khu vực châu Á. Rõ ràng chúng có tác dụng tích cực đối với quá trình tăng trưởng và ổn định kinh tế của các nước trong khu vực. Mặt khác cũng có thể thấy nguồn vốn nước ngoài vào nước ta còn rất thấp, điều đó đòi hỏi chúng ta phải có những nỗ lực mới để tăng cường khai thác nguồn vốn này trong tương lai.

Lê Việt Đức và Nguyễn Văn Quỳ

(Hội thảo Một số vấn đề kinh tế vĩ mô và thống kê kinh tế,
Hà Nội 18-19.3.1992)

Bảng 1 : Khối lượng tài chính đầu tư vào các nước đang phát triển Châu Á và Thái Bình Dương thời kỳ 1970-1989. (Triệu đôla Mỹ)

	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89
1. Vốn từ các nước và tổ chức quốc tế													
- Vốn từ các nước	5131	6963	8469	9933	16691	11802	11238	13082	6549	8063	14357	16346	22558
+ Nhật	1238	2687	2705	2752	5927	3724	3727	5255	4332	6039	8793	9733	13147
+ Mỹ	254	1130	1446	1812	3813	3040	3065	3084	-2224	-3430	-151	1853	2686
+ Tây Âu	2430	1919	4579	4090	5986	3927	5294	3571	3770	4294	4049	3973	4750
+ Khối OPEC	490	372	81	373	100	134	52	127	104	124	-11	-48	-33
- Từ các tổ chức quốc tế	2059	2615	3001	4242	4102	5249	5495	5279	4992	4841	5353	6366	6770
+ Ngân hàng phát triển Châu Á	306	378	382	458	523	640	763	807	775	761	769	1276	1527
+ Ngân hàng quốc tế tái thiết và phát triển	586	862	1004	810	1441	1803	2144	1821	1573	1286	1660	1892	2530
+ IDA	633	553	765	966	1198	1430	1499	1648	1615	1834	1743	1955	1556
+ Liên hợp quốc	275	336	486	545	621	692	688	693	649	656	737	765	716
2. Vốn chính thức và tư nhân	7695	10299	12494	16061	22283	17592	17172	18651	11820	13209	20152	23272	30083
- Vốn chính thức	5970	7705	8678	11029	10826	11124	11616	11207	10216	11270	10813	16300	17869
+ Viện trợ	2005	2557	3016	4138	3720	3630	3720	3901	3734	4793	5205	5910	6170
+ Cho vay	2233	2845	2917	3576	4090	3760	3615	3727	3963	4878	5149	6288	6113
- Vốn tư nhân	1748	2597	3717	3862	11293	6274	5326	7420	1567	1870	9270	6884	12107
+ Đầu tư trực tiếp	592	1291	913	2065	5749	1687	1672	3490	258	2049	7689	6809	8380
+ Đầu tư chứng khoán	-58	633	1217	-148	1204	2655	3418	2994	1191	-133	1873	287	1955
+ Tín dụng xuất khẩu	1214	574	1475	1962	4284	1924	258	922	96	-5	-264	-220	1723

Nguồn số liệu của Bảng 1 :
- Các chỉ tiêu cơ bản của các nước đang phát triển châu Á và Thái Bình Dương, tập 22, 7.1991, Ngân hàng Phát triển châu Á
- Phân bố địa lý của vốn tới các nước đang phát triển, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế.

Bảng 6 : Khối lượng tài chính ròng đầu tư vào Việt Nam (triệu đôla)

	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
1. Tổng nguồn tài chính	305,2	458,6	445,7	201,7	302,6	137,8	76,7	103,7	93,3	122,8	83,7	161	147,0	
+ Vốn chính thức	248,1	369,6	356,1	227,1	252,0	135,5	106,3	11,2	115,1	146,9	112,6	148,3	139,7	
- Từ quỹ trợ phát tiển	247,6	369,6	335,9	228,1	242,0	135,5	105,9	108,8	114	146,5	111,0	147,8	128,6	
+Vốn tư nhân	57,1	89,0	90,2	-25,4	60,6	2,3	-29,6	-5,5	-21,8	-24,2	-28,2	12,7	7,3	
- Đầu tư nước ngoài trực tiếp		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	359,1	513,6	589,2
2. Tổng nợ nước ngoài							4776,0	4899,0	5428,0	7894,0	10076,0	11597,0		
+ Nợ dài hạn							4605,0	4749,0	5208,0	7472,0	9625,0	11052,0		
+ Nợ ưu đãi/nợ dài hạn (%)				75,9			48,0			95,7	95,8	96,7,9		
+ Dịch vụ nợ đối với nợ dài hạn						252,0		36,0	160,0	252,0	358,0	317,0		
+ Trả lãi/nợ dài hạn (%)										2,4	3,1	1,8		
3. Đầu tư nước ngoài trực tiếp vào các nước ASEAN														
+ Malaixia										654,0	818,0	863,0	3194,0	4286,0
+ Thái Lan										953,0	2634,0	6249,0	7996,0	5635,0
+ Philippin										78,0	167,0	473,0	904,0	603,0
+ Indonesia										826,0	1457,0	4409,0	4719,0	4451,0

Bảng 2 : Cơ cấu khối lượng tài chính ròng đưa vào các nước đang phát triển Châu Á (%)

Loại vốn	1970-75	1976-90	1981-82	1983-86	1987-88
Các nước Nam Á					
- *Vốn chính thức*					
. Vốn viện trợ	31,8	44,5	44,3	40,3	37,1
. Cho vay ưu đãi	67,9	50,5	40,9	42,1	36,3
. Cho vay không ưu đãi	0,4	2,5	5,3	7,9	16,1
- *Vốn tư nhân*					
. Đầu tư trực tiếp	2,3	1,2	2,1	1,5	2,2
. Vốn khác	-2,4	1,4	7,5	8,2	8,1
Các nước Đông Nam Á :					
- *Vốn chính thức*					
. Viện trợ	15,5	13,8	10,1	19,0	26,6
. Cho vay ưu đãi	30,8	23,2	15,6	17,1	30,3
. Cho vay không ưu đãi	10,1	23,1	19,5	32,7	40,1
- *Vốn tư nhân*					
. Đầu tư trực tiếp	33,0	16,0	24,8	3,4	14,9
. Vốn khác	10,9	13,9	30,0	27,9	-11,9
Các nước công nghiệp mới					
- *Vốn chính thức*					
. Viện trợ	7,4	2,2	1,6	6,4	5,9
. Cho vay ưu đãi	16,7	5,5	3,0	- 4,2	-3,8
. Cho vay không ưu đãi	31,1	30,5	21,4	8,8	-83,9
- *Vốn tư nhân*					
. Đầu tư trực tiếp	19,8	23,4	37,6	113,2	249,6
. Vốn khác	24,9	38,3	36,4	-24,2	-67,9

Bảng 3 : Ảnh hưởng của các loại vốn và xuất khẩu :

Ảnh hưởng tới (%)	Khi tăng thêm 1% của		
	AID	FPI	CX
Tăng trưởng	0,101	0,732	0,074
Tỷ lệ tiết kiệm	- 0,085	0,715	0,049
Hiệu quả đầu tư	- 0,633	1,169	0,256

Bảng 4 : Ảnh hưởng nhân từ khi tăng 1% của các yếu tố :

Chỉ tiêu	Vốn chính	Vốn tư nhân	Xuất khẩu	Lao động	GDP đầu người	Nhịp độ tăng trưởng	Tỷ lệ tiết kiệm
Nhịp độ tăng trưởng	0,047	0,119	0,097	0,137	O,40	O,053	0,803
Tỷ lệ tiết kiệm	-0,016	0,032	0,016		0,40	0,053	0,803

Bảng 8 : Tỉ trọng đầu tư theo loại xí nghiệp (%)

Loại xí nghiệp	TP Hồ Chí Minh		Thái Lan	
	Số giấy phép	Số vốn đầu tư	Số giấy phép	Số vốn đầu tư
Xí nghiệp liên doanh	79,0	87,0		
Hợp đồng hợp tác liên doanh	14,6	12,4		56,9
Xí nghiệp 100% vốn nước ngoài	6,4	0,6		43,1
Cộng	100	100	100	100

Bảng 7 : Điều kiện đầu tư tại một số nước châu Á

Tiêu thức	Bangladesh	Ấn Độ	Pakistan	Sri Lanka	Thái Lan	Malaixia	Indonexia	Philipin
Luật đầu tư nước ngoài	Luật đầu tư tư nhân nước ngoài		Luật đầu tư tư nhân nước ngoài	Luật đầu tư nước ngoài	Luật đầu tư	Luật đầu tư	Luật đầu tư nước ngoài	Luật đầu tư tổng quát
Người nước ngoài tham gia	Không hạn chế	Cơ bản là 40 % tối đa 51% phụ thuộc vào tỉ lệ sản xuất hàng xuấtkhẩu	Không hạn chế tuy nhiên chính phủ hướng dẫn dưới 49 %	Không hạn chế	Có thể tham gia 100% trong công nghiệp và xuất khẩu	Có thể tham gia 100% trong công nghiệp và xuất khẩu	Có thể tham gia tới 95% trong nông nghiệp và xuất khẩu	Có thể tham gia 100% trong công nghiệp và xuất khẩu
Cơ quan tư vấn	Ban đầu tư	Ban thuký về pháttriển công nghiệp	Ban đầu tư	Ban đầu tư	Ban đầu tư phát triển công nghiệp	Ban lãnhđạo đầu tư vốn	Ban phốihợp	Ban đầutư
Tiền lương tháng trong xí nghiệp có đầu tư nước ngoài - Công nhân - Nhà quản lý - Kĩ sư	31-62 USD	62-123 USD 247-308 USD 123-370 USD	49-97 USD 273-292 USD Xung quanh	83-139 USD 111-127 USD	Khoảng 136 USD Hơn 1167 USD hơn 389 USD	Khoảng 129 hơn 110 USD hơn 554 USD	Khoảng 28 USD hơn 226 USD hơn 169 USD	Khoảng 138 USD hơn 322-368 hơn 276-322
Cơ sở hạ tầng - Điện - Nước c.nghiệp - Liên lạc viễn thông - Cảng biển	 Trung bình Rất tốt Rất tốt Tốt	 Trung bình Trung bình Trung bình Trung bình	 Kém Kém Kém Trung bình	 Trung bình Kém Rất tốt Rất tốt	 Tốt Tốt Tốt Trung bình	 Tốt Rất tốt Rất tốt Rất tốt	 Trung bình Trung bình Kém Tốt	 Trung bình Trung bình Kém Tốt

nguồn : theo điều tra của Mitsui Tatyo Kobe Institute, Nhật Bản

Xa lộ thông tin ở Việt Nam : tắc nghẽn vì LOẠN SEX ?

Theo tuần báo ***Vietnam Informatics Review*** (VIR, theo tin AFP, 1.4.95), dịch vụ *on-line* Vietnam Prodigy đã phải tạm ngưng sau một tháng hoạt động.

Vietnam Prodigy, do công ti IBM quản lý, là một dịch vụ thông tin điện tử, nằm trong cái gọi là *xa lộ thông tin* (xem bài của Hàn Thuỷ, *Diễn Đàn* số 40). Khoảng một nghìn cơ quan và cá nhân ở Việt Nam đã ghi tên vào mạng lưới này, qua đó có thể trao đổi thư từ điện tử (*E-mail*), tham gia những *diễn đàn thông tin điện tử* và trực tiếp đối thoại *on-lai* (on-line) với nhau bằng máy tính điện tử. Tung dịch vụ *Vietnam Prodigy* vào Việt Nam, IBM (với 2 triệu người mua dịch vụ *on-lai* trên thế giới) hi vọng giành thế thượng phong trên thị trường Việt Nam.

Nhiều dấu hiệu chứng tỏ công ti khổng lồ IBM nắm đúng thời cơ : Việt Nam vừa thông qua chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho năm 2 000 (ngân sách dự trù : 1 tỉ đôla), mạng lưới thông tin điện tử bước đầu triển khai (văn phòng thủ tướng Võ Văn Kiệt đã nối vào mạng lưới *E-mail* với địa chỉ badinh.ac.vn ; uỷ ban nhân dân và thành uỷ ĐCS Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã đặt mạng lưới *thư tín điện tử* tới các quận và huyện) và nối thử với mạng lưới thông tin điện tử quốc tế qua hai ngõ ANU (của trường Đại học Quốc gia Úc, Canberra) và AIT (của trường Đại học công nghệ Á châu, Bangkok).

Theo tuần báo VIR, dịch vụ Vietnam Prodigy mới chạy thử nhưng đã được hưởng ứng khá nhiệt tình những cơ quan và cá nhân có máy vi tính bắt đầu thấy thuận lợi của *E-mail* (rẻ và tiện hơn điện thoại và fax rất nhiều).

Thế nhưng sau một tháng hoạt động, dịch vụ *Vietnam Prodigy* đã phải tạm ngưng. Lý do cũng khá bất ngờ : trong 85 % các thư tín trao đổi, chữ SEX đã xuất hiện nhiều lần, do đó chương trình chống ngôn ngữ tục tĩu đã tự động kiểm duyệt, làm cho việc trao đổi thông tin bị tắc nghẽn. Số là để ngăn ngừa người sử dụng *E-mail* mang ngôn ngữ dâm đãng vào mọi diễn đàn điện tử, hãng IBM đã lập một chương trình tự động kiểm duyệt các thông báo có chứa đựng quá nhiều chữ SEX. Và dịch vụ Vietnam Prodigy cũng dùng chương trình ngăn ngừa ngôn ngữ tục tĩu (*anti-smut monitoring*) này.

Tại sao thư tín giữa các cơ quan chính quyền, cơ sở kinh doanh và cơ sở khoa học kỹ thuật lại lắm SEX như vậy ? Câu trả lời thuộc về nhà truyền giáo Alexandre de Rhodes và Tổng cục Bưu điện Việt Nam ! Mọi người đều biết, để thể hiện 5 dấu thanh của tiếng Việt, các giáo sĩ thừa sai Tây Âu đã phải dùng các dấu *sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng,* ít dùng (sắc, huyền, ngã) hoặc không có (hỏi, nặng) trong chữ viết La tinh, nên không có trên bàn phím máy chữ và máy tính thông dụng. Để giải quyết vấn đề này trong truyền tin, bưu điện Việt Nam đã dùng một số quy ước : dấu huyền được thay bằng chữ F, dấu sắc S, hỏi R, ngã X, nặng J, đặt ở cuối mỗi chữ. Mặt khác, những phụ âm và nguyên âm đặc biệt của Việt Nam cũng được viết theo các quy ước : Đ = DD, Ă = AW, Â = AA, Ê = EE, Ơ = OW, Ô = OO, Ư = UW. Với quy ước đó, Nguyễn Du sẽ phải mở đầu Truyện Kiều như sau :

TRAWM NAWM TRONG COIX NGUWOWIF TA
CHUWX TAIF CHUWX MEENHJ KHEOS LAF GHETS NHAU.

Trong nhiều năm, khách hàng của bưu điện Việt Nam đã lắm phen nhức đầu giải mã các bức điện tín viết theo quy ước ấy. Cho đến khi bưu điện buộc nhân viên phải " dịch " cho khách hàng. Trong những năm gần đây, do sáng kiến của một nhóm chuyên gia tin học Việt Nam tại Đức, bưu điện Việt Nam đã sử dụng một chương trình mã hoá và giải mã tự động : khách hàng viết điện theo lối bình thường, bưu điện mã hoá tự động và truyền tin dưới dạng mã hoá, khi tới nơi, máy nhận tự động giải mã, và khách hàng nhận được bức điện dưới dạng bình thường.

Giải pháp này đã được sử dụng trong nhiều chương trình Việt ngữ cho máy tính ở Việt Nam, vì nó có nhiều thuận lợi (không cần thêm phím cho dấu thanh và nguyên âm...).

Song cũng chính vì vậy, mà trong các văn bản, chữ SẼ được máy tính truyền đi dưới dạng SEX, gây ra loạn SEX như đã kể trên. Báo hại hãng IBM phải tạm ngưng dịch vụ Vietnam Prodigy, sửa lại chương trình *chống dâm* quá máy móc kia. Câu chuyện tưởng như đùa này có những hệ quả kinh tế của nó : trong khi IBM phải tạm ngưng để điều chỉnh chương trình Vietnam Prodigy thì công ty NIFTY-Serve của Nhật Bản tìm cách nhảy vào thị trường dịch vụ điện tử *on-lai*. Với một chủ bài mà IBM không có : hệ thống của Nhật có thể dùng cả chữ Hán, rất thuận lợi cho việc giao dịch buôn bán với Đài Loan, Hồng Kông, cũng như cho việc soạn thảo gia phả, tộc phả đang rất thịnh hành ở Việt Nam !

Trở lại Truyện Kiều của Nguyễn Du. Cách đây một thế kỷ, Tự Đức dường như đã muốn xếp nó vào loại dâm thư. Với chương trình IBM, nhà vua sẽ có thêm nhiều bằng chứng.

Thật vậy, trong đoạn Kim Trọng đang mơ màng giấc xuân thì Thuý Kiều *vì hoa nên phải đón đường tìm hoa* :

Sinh vừa tựa án thiu thiu
Dở chiều như tỉnh, dở chiều như mê

bỗng :

Tiếng sen sẽ động giấc hoè.

Với chương trình IBM, *tiếng sen SEX* sẽ báo động ngay cái cảnh tự do luyến ái này.

Đến đoạn Thúy Kiều bị Giám Sinh đưa vào lầu xanh của Tú Bà cũng vậy :

Cổi xiêm lột áo chán chường
Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lầm rầm.

Không phải chỉ ở nhà Tú Bà mới có SEX. Đến đoạn Kiều nghe lời Giác Duyên sang trú chân nhà Bạc Bà, bị mụ này trao ngay cho tên ma cô Bạc Hạnh bằng một câu :

Thế nào nàng cũng phải nghe,
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai

viết theo quy ước bưu điện là :

THEES NAOF NANGF CUNGX PHAIR NGHE
THANHF THAAN ROOIF SEX LIEEUJ VEEF CHAAU THAI

Hi vọng rằng khi chương trình Vietnam Prodigy hoạt động trở lại, nó không bị Ban văn hoá tư tưởng thay chữ SEX bằng những chữ DAAN CHUR. Kẻo sẽ bị DAAN CHUWIR.

PHONG QUANG

Cả ngàn cuốn sách văn học, tiếng Việt, tiếng Pháp, tiếng Nga, là xuất bản phẩm từ đầu thế kỷ đến nay, đã bị đem bán cân cho người mua ve chai với giá 800 đ/Kg. Đó là chuyện có thật, xảy ra vào giờ làm việc buổi sáng 14-1-1995 tại Nguyễn Du Hà Nội, trụ sở (cũ) của Hội Nhà văn Việt Nam. Người được giao thực hiện việc bán là nhân viên thư viện Hội.

Vì sao sách quý bị bán làm giấy loại ?

Lại Nguyên Ân

Tôi là một trong số những người được thấy tận mắt, và tiếc thay, thấy quá muộn. Khoảng hơn 10 giờ sáng, tôi từ phòng làm việc ở gác hai đi xuống tầng trệt, chỗ phòng hành chính Nhà xuất bản Hội Nhà văn, thì thấy bạn tôi, Vương Trí Nhàn, trời rét mà bỏ áo khoác ngoài, tay chân quần áo bụi bặm, đang loay hoay với mấy cuốn sách cũ vừa mang ở đâu về, nét mặt cau có. Tôi hỏi sách ở đâu ra, anh bảo : ở ngoài kia, bên thư viện Hội đang bán cân sách cũ. Tôi vội chạy ra phòng mà trước kia là phòng khách của Hội, trông thẳng ra cổng. Hai người đàn bà mua giấy cũ đang chuyển từng bao tải ra các xe xích lô. Tôi vội vào xin cô nhân viên cho xem sách, nhân thể nếu được thì xin giữ lại vài cuốn làm tài liệu. Chỉ kịp tháo dây xem qua vài ba bó, tôi thấy tiếc ngẩn người vì trước mắt tôi những cuốn sách bị bán đổ bán tháo này không phải đều bị mối xông hay rách nát. Những cuốn bị rách nát, rách vừa hay mối xông cũng có, nhưng chỉ là phần ít. Chỉ có điều tất cả đều là sách cũ, bụi bám dày. Khá nhiều cuốn đóng bìa cứng.

Các sách báo bị bán đều là sách báo văn học, điều này dễ hiểu, vì đây là thư viện Hội Nhà văn. Sơ bộ phân loại trong khi lục xem, tôi thấy các sách báo bị bán gồm trong các loại sau :

1. Sách và tạp chí tiếng Nga : loại này không rách, không quá cũ, còn dùng tốt, trừ những cuốn bị mối xông. Hội Nhà văn Liên Xô trước đây tặng Hội Việt Nam khá nhiều, và số người dùng được tiếng Nga ở gần Hội thì hơi ít.

2. Sách văn học Pháp gồm rất nhiều tác phẩm cổ điển của Balzac, V. Hugo, A. Camus, L. Aragon và nhiều tác giả lớn khác. Tác phẩm có, sách nghiên cứu có, đủ loại. Ít cuốn bị mối xông hay rách. Chỉ cũ thôi. Tôi thấy cuốn *Dịch hạch* của Camus, bản in khá cũ, khoảng những năm 60, thấy *Những khu phố giàu* của L. Aragon, sách còn nguyên vẹn, có thể coi là mới...

3. Sách văn học Việt Nam chiếm phần lớn nhất. Trong đó nhiều nhất là các cuốn viết và in ở miền Bắc từ 1954 đến 1980, của các cây đại thụ ngay trong Hội. Xin khẳng định : sách bị mối xông hay rách nát chỉ độ 1/4 hay 1/3, còn lại phần lớn đều lành lặn. Ngay sáng 14-1 ấy, tôi đã gọi anh Nguyễn Kiên đang làm việc ở tầng trên xuống xem đống sách đang đem bán cân và bảo anh, nửa đùa nửa thật : Tôi vừa gặp lại lần lượt đủ mặt các cuốn sách của Vũ Tú Nam, Nguyễn Kiên trong đống sách này, khá đủ để làm toàn tập cho hai vị mà không phải đi tìm, đi tra, đi chụp ở đâu khác, nếu đống sách được giữ lại !

Phần sách văn học ở miền Nam trước 1975 cũng không ít. Một loạt cuốn " chưởng " lẻ bộ, phần lớn rách nát, vì tôi biết trong cơ quan Hội có nhiều người từng " nghiền " , để giải trí. Nhưng nhiều cuốn khác không mối xông, không rách, chỉ cũ thôi. Có những cuốn hình như đã bị liệt vào loại chống cộng, để lại cho người nghiên cứu dùng cũng được, sao lại để lọt ra ngoài bằng con đường ve chai ? Lại có nhiều cuốn bình thường, thậm chí là bản in lần đầu, của những Võ Hồng, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Hạnh, v.v và v.v sao không giữ lại ?

Những phần quý nhất theo tôi, là sách trước 1945 và trước 1954. Lẽ ra loại này phải được giữ lại bất kể lành rách, bị mối hay không, do tính chất *hiếm* của nó. Tôi chỉ kịp ghi nhớ một số cuốn bị đem bán cân ấy :

Cẩm hương đình, Ngô Tất Tố dịch thuật, Nghiêm Hàm ấn quán, Tản Đà thư cục, Hà Nội, 1923 (đóng bìa cứng, còn tốt). *Lều chõng* của Ngô Tất Tố, Mai Lĩnh, Hà Nội, 1941 (cuốn thứ 210 trong số 273 cuốn giấy gió, toàn đợt đầu in 3000 cuốn) . *Vàng và máu* của Thế Lữ, Đời Nay, 1942. *Chiếc cáng xanh* của Lưu Trọng Lư, Tân Dân, 1941. *Nằm vạ* của Bùi Hiển, Đời Nay, 1943 (riêng cuốn này bị rách, mất bìa). *Quê hương* (tức *Thiếu quê hương* của Nguyễn Tuân, có bút tích Nguyễn Tuân đề tặng Bùi Huy Phồn, sách in lần đầu 1943. *Thanh Đức* của Khái Hưng, Đời Nay, 1943. *Vài quan điểm văn học nghệ thuật* của Jdanov, Xuân Trường dịch, Văn Nghệ, 1951. *Du kích Tam Tỉnh* của Hoàng Công Khanh, Minh Đức, 1951. *Văn nghệ lãng mạn Việt Nam* của Phan Xuân Hoàng, Liên đoàn Văn hoá kháng chiến miền Nam Trung bộ xuất bản, 1948 (có bút tích " Kính tặng Hội Văn nghệ Việt Nam " của tác giả đề ngày 9-8-49 ; sách in giấy bồi, bìa cứng, còn lành) v.v...

Buổi trưa hôm ấy, khi những chiếc xích lô đã mang cả đống sách báo đi, tôi và Vương Trí Nhàn vẫn ngẩn ngơ túc tối, như người bị mất của, cháy nhà. Chúng tôi toan đạp xe đuổi theo xem đống sách bị đưa về đâu, nhưng lại thôi, đành bất lực trước sự việc đã rồi.

Chứng kiến cuộc biến sách văn học thành giấy thải loại này, trong tôi nảy ra hàng loạt thắc mắc không sao giải đáp được :

1 - Có tiến hành kiểm kê từng cuốn trước khi quyết định cho bán đi hay không ? Ai làm và làm thế nào mà lại cho bán tống bán tháo hàng trăm bản sách hiếm quý, hàng ngàn cuốn sách và tài liệu văn học mà tình trạng ấn bản nói chung là còn dùng được, dùng tốt như thế ? Vấn đề tài sản của một thư viện cơ quan là việc nhỏ, vấn đề trách nhiệm bảo quản các di sản, chứng tích văn hoá ngôn từ, văn hoá " phi vật thể " – như đề tài một hội thảo quốc gia gần đây – mới là việc lớn.

2 - Nếu thư viện của Hội không đủ sức bảo quản số sách nói trên, tại sao không đặt vấn đề với các Thư viện Quốc gia, Viện Thông tin KHXH, Lưu trữ Quốc gia, Viện Văn học... – để có thể chuyển tới một trong số các cơ quan ấy ? (Tại Thư viện Quốc gia, chúng tôi được sử dụng những bản sách còn ở tình trạng cũ nát hơn, nhưng vẫn được lưu giữ cẩn thận vì đã là sách hiếm, quý).

3 - Nếu cần phải loại bớt do diện tích kho chứa có hạn của Thư viện Hội, vì sao không thông báo cho hội viên ở gần, hoặc thông báo và bày bán rộng rãi trong dăm ba ngày – cách này tôi chắc thu được tiền nhiều hơn cách bán cân, mà lại đảm bảo sách vẫn được lưu giữ và sử dụng như là sách, chứ không đem xé gói hàng như số phận chung của sách bán cân ?

Khả năng lô sách văn học này bị xé làm giấy gói, nghiền làm bột giấy vẫn nhiều hơn quả là một sự mất mát khó lòng bù đắp được. Tôi chợt nhận ra rằng, chuyện mất mát thư tịch ở ta không phải bao giờ cũng do " binh hoả " ; phần nhiều hơn, như tôi thấy lần này, là do " nhân hoạ " !

Tôi không rõ các nhà văn liệu có muốn đem các cuốn sách mới in của mình gửi tặng Thư viện Hội Nhà văn với những lời đề tặng trân trọng nữa hay không, nếu biết rằng những dòng bút tích và cả quyển sách in tác phẩm của mình, sớm muộn gì rồi cũng bị thải loại, bị bán làm giấy lộn, trước cặp mắt vô tình của người đời ?

(Phụ nữ thành phố HCM, ngày 1.2.1995)

Dòng họ Lý từ Đại Việt đến Đại Hàn

Bùi Quang Tung*

Nhà nghiên cứu lão thành Bùi Quang Tung đọc qua bài g.s. Phan Huy Lê trả lời phỏng vấn về " dòng họ Lý ở Hàn Quốc " cho rằng tác giả " đặt câu hỏi độc giả ai có biết trong trường hợp nào mà ông hoàng Lý Long Tường vượt biển mà đi xa vậy.", dựa theo sử Việt Nam mà trả lời. Và mong g.s. Phan Huy Lê sẽ đem tài liệu để phổ biến vấn đề này.

Diễn Đàn xin trân trọng đăng nguyên bài vừa mới nhận được.

Vừa đọc qua tờ Diễn Đàn số 37, tháng 1.95, về vụ hoàng tử Lý Long Tường vượt biển, từ Việt Nam qua xứ Cao Ly. Tác giả bài ấy đặt câu hỏi độc giả ai có biết trong trường hợp nào mà ông hoàng tử Lý Long Tường vượt biển mà đi xa vậy ?

Dựa theo sách Đại Việt sử ký toàn thơ (1) và bộ sách Khâm định Việt sử cương mục (2) cho chúng ta chi tiết sau đây :

Vào đời vua Lý Huệ Tông vua ấy bị bệnh loạn óc, chứng bệnh này càng ngày càng nặng, thuốc chữa mãi cũng không công hiệu, vì vậy nên triều đình gởi vua ở trong chùa Chân giáo. Ông không có con trai thừa tự, nên triều đình truyền ngôi cho con gái ông là Lý Phật Kim mới có bảy tuổi, lấy niên hiệu là Lý Chiêu Hoàng. Vì Lý Chiêu Hoàng vị thành niên nên quyền bính đều ở trong tay Trần Thủ Độ. Y mưu mô đem một người cháu trai là Trần Cảnh tám tuổi vào hầu cận Lý Chiêu Hoàng. Chiêu Hoàng lấy làm vui mến. Thường đêm triệu vào hầu, vui đùa thoả thích. Trần Cảnh đem chuyện kể lại cho Trần Thủ Độ biết. Một hôm Lý Chiêu Hoàng lấy cái khăn trầu ném cho Trần Cảnh. Trần Cảnh lạy rồi nhận lấy, bèn mách cho Trần Thủ Độ hay. Trần Thủ Độ bèn đem gia thuộc và họ hàng vào trong cung cấm, sai đóng các cửa thành lại.

Trăm quan tiến triều không được vào chầu, Trần Thủ Độ nhân thế loan báo cho mọi người rằng bệ hạ đã có chồng rồi.

Ngày 21 tháng 12 năm Giáp Thân** (1225) bầy tôi tiến triều lạy mừng. Nhà vua xuống chiếu truyền ngôi cho Trần Cảnh. Tờ chiếu ấy đại lược như sau :

" Họ Lý ta vâng mạng cao sáng từ trời, có cả bốn biển, liệt thánh kế tiếp làm vua hơn hai trăm năm, chẳng may gặp vận gian truân, giặc cướp trỗi lên như ong, nhân dân không được yên ổn. Thượng hoàng mắc bịnh, không người nối dõi, trẫm xét thấy ngôi báu rất là trọng đại mà trẫm là vua đàn bà phải gánh vác lịch số do trời giao cho, riêng những nơm nớp lo sợ, như sắp sa vực sâu. Nghĩ sao tìm được hiền nhân để giúp đỡ về chánh trị. Duy có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, uy nghi đường hoàng, thực có phong độ bậc quân tử, có thể nhường cho ngôi báu để chống đỡ trong buổi gian nguy. Vậy rất mong Trần Cảnh đồng lòng hiệp sức, dẹp loạn lạc, cứu vớt sanh linh, để cùng hưởng phúc thái bình. "

*

* *

Trần Thủ Độ thấy dân chúng còn thương nhớ đến họ Lý nên dùng đủ cách để ly tán lòng dân. Trước hết, y đem các cung nhân " gả ép " cho tù trưởng trong xứ. Thứ nhì là mưu sát tôn thất nhà Lý. Năm Nhâm Thìn (1232) nhân dịp làm lễ cho họ Lý ở làng Hoa Lâm (Bắc Ninh), Thủ Độ cho đào một cái hầm sâu, trên thì xây một cái nhà. Đến khi tế lễ, tôn thất họ Lý tới đầy đủ, làm cho sụp cái nhà, chôn sống các người dự lễ. Thứ ba là muốn cho hậu thế không nhớ đến họ Lý, Thủ Độ ra lịnh họ Lý phải đổi ra là họ Nguyễn.

Mặc dầu có lịnh nghiêm khắc như vậy, một số con cháu họ Lý còn sống sót, chạy ra biển đóng thuyền để tỵ nạn. Nhóm này do hoàng tử Lý Long Tường con của vua Lý Anh Tông (1138 - 1175) cầm đầu, vượt qua biển Đông (Mer de Chine) và biển Nhật Bản (Mer du Japon), đổ bộ vào duyên hải Cao Ly lập nghiệp tại đó, sanh con đẻ cháu, tồn tại đến ngày nay.

*

* *

Vì sao Lý Long Tường vượt biển đến Cao Ly chớ không ghé nước nào gần hơn, Trung Quốc hoặc Chiêm Thành (Champa), là hai nước láng giềng với Đại Việt (tên cũ của Việt Nam).

Nhìn thế cuộc thời buổi ấy, chúng ta có thể trả lời như sau : Trung Quốc thì bị Mông Cổ xâm lược, tình hình trong nước chưa ổn định, còn Chiêm Thành chống đối với Đại Việt trên con đường Nam tiến.

Con cháu họ Lý hiện giờ sống rải rác ở Nam Hàn và Bắc Hàn, trong ấy có ông cựu quốc trưởng Lý Thừa Vãn, có viếng thăm Việt Nam vào đời Ngô Đình Diệm.

Bùi Quang Tung

khảo soạn mùa xuân năm 1995

(1) **Đại Việt sử ký toàn thơ** của Ngô Sĩ Liên, bản dịch của nhà xuất bản Xã hội, Hà Nội 1983.

(2) **Việt sử thông giám cương mục** do nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội 1959, *chánh biên, tập IV và V.*

** Lời chú của người đánh máy : Ngày 21 tháng 12 năm **Ất Dậu** (1225) là ngày Lý Chiêu Hoàng xuống chiếu truyền ngôi cho Trần Cảnh. Năm Giáp Thân (1224) là năm vua Huệ Tông xuống chiếu lập công chúa Chiêu Thánh làm hoàng tử và truyền ngôi cho. (xem **Đại Việt sử ký toàn thơ**, *Bản kỷ, Kỷ nhà Lý, Huệ Tông và Chiêu Hoàng*).

* *Nguyên thành viên Trường Viễn Đông bác cổ (Ecole Française d'Extrême Orient)*

Bán *ordinateur portatif* ***Samsung S520****, processeur 286, DD 33 Mo, mémoire 4 Mo, năm 1989.*
2500 FF
Đ. T. (1) 30 80 73 55 (giờ làm việc)

Nguyễn Thị Thu Huệ

HẬU THIÊN ĐƯỜNG

truyện ngắn

Tôi cứ tưởng là mình đã quên mọi chuyện từ lâu. Bỗng dưng, chiều nay, tất cả ùa về. Đầy ắp ứ, như thể có ai đó đã thu gom mọi thứ vào một cái bao tải to tướng, buộc chặt nút lại. Và nay, đem mở oà ra trước tôi. Đủ đầy, nguyên vẹn.

Khi tôi chợt hiểu ra ở đời, mọi sự đều có thể xảy ra như thế cả thì cũng muộn quá rồi. Tuổi già sầm sập chạy đuổi sau lưng. Tôi thì quyết giở trò ú tim với nó bằng cách làm sao chạy trốn được nó càng lâu càng tốt.

Hôm nay sinh nhật con gái. Nó tròn mười sáu tuổi. Mặt con gái tôi giống người bố của nó. Nó không bao giờ biết điều đó vì khi nó hiện hữu trên đời này thì người thực sự là bố nó đã ở một nơi xa tít tắp. Bây giờ, khi tôi bốn mươi tuổi, chợt thấy tại sao lâu nay mình để tuổi thơ của con trôi qua trong nỗi buồn của sự cô đơn, và hứng chịu nỗi cay đắng của một người đàn bà bị phụ bạc. Bỗng nhiên. Lâu lắm rồi, tôi lại thấy tội nghiệp nó. Ngày xưa, đã một lần tôi thấy tội nghiệp nó, khi nó chạy ra đón tôi đi họp về. Nó với tay tôi đỡ lấy bó hoa của tôi, và ngã lăn xuống cầu thang. Máu trên đầu nó loang xuống mặt. Nó không khóc, chỉ mím môi lại và bảo : " Không sao đâu mẹ ạ. Con không đau đâu. Mẹ về, con mừng quá ". Tôi đỡ nó dậy và nói : " Thì đã bao giờ mẹ không về đâu. Chỉ sớm hay muộn thôi ". Nó hơi cố cười, dù tôi biết lúc ấy nó rất đau : " Mẹ về sớm, hôm nay lại là sinh nhật của con. Mẹ mua hoa cho con, con sung sướng quá nên chạy ra đón ". Tôi cay đắng nhận ra là con nói với tôi bằng tất cả tình cảm và sự mong chờ tình yêu của tôi với nó. Còn tôi. Lúc ấy, tôi không hề nhớ rằng hôm nay là sinh nhật của nó. Bó hoa ấy cắm ở hội nghị. Tan họp, hai, ba người đàn ông loe xoe lôi nó ra khỏi những cái lọ và kính cẩn tặng tôi. Họ rất biết kết hợp những nhu cầu của bản thân và hoàn cảnh khách quan bên ngoài, làm sao vừa được lòng những người đàn bà như tôi, và họ thì chẳng mất gì cả. Chỉ có con tôi là khổ thôi. Cái sự sinh ra nó trên đời này cũng vậy. Ngày ấy, khi sung sướng, chúng tôi chỉ nghĩ đến mình. Nhưng khi đau khổ, tôi lại hay mang nó ra mà so, mà ngắm, và nhìn nó như một chướng ngại vật cản trở tôi trên bước đường đời. Nó chẳng có tội gì. Nó là sản phẩm của nỗi đam mê. Ai sướng, ai hạnh phúc ? Nó không biết. Chỉ được biết và được hưởng sự cô đơn, nỗi bị dằn vặt mà thôi.

Tôi cho con gái một trăm nghìn để làm sinh nhật. Mặt nó dại đờ đi vì sung sướng trước một hành động đẹp nhưng hiếm hoi của tôi. Tôi nuôi nó tương đối đầy đủ nhưng không mấy khi chăm sóc. Mà con gái lớn thì thích được chăm sóc. Khi ở nhà thì bố mẹ, khi lớn lên thì người tình và sau đó là của chồng. Nó bảo : " Con sẽ được mua những gì con thích, phải không mẹ ? ". Tôi gật : " Phải. Con mua gì tuỳ ý con. Chỉ có điều con không nên làm ầm ĩ, mẹ không thích những gì lộn xộn ".

Giọng nó run run : " Vâng. Tuyệt lắm mẹ ạ ! Chúng con sẽ lên Hồ Tây, thuê thuyền bơi và liên hoan luôn ở đó ".

Tôi ậm ừ vì thấy con vui. Lâu lắm rồi, nó mới cởi mở với tôi như vậy. Thực ra, tôi và nó ít khi gặp nhau. Tôi đi làm. Nó đi học. Buổi chiều, thỉnh thoảng tôi ăn cơm với nó. Buổi tối, tôi thường vắng nhà. Nó có một khuôn mặt đợi chờ. Nó hay nhìn tôi, bằng cái vẻ mặt đợi chờ đó. Nếu tôi lạnh lùng thì nó lảng đi. Tôi vui vẻ và tỏ ý muốn gần nó, cái vẻ mặt ấy thoắt biến đi, thay vào bằng khuôn mặt tràn trề hạnh phúc. Bao nhiêu năm, tôi luôn nhìn nó để tỉnh táo hơn trước đàn ông và mọi cạm bẫy.

Bỗng dưng hôm nay, mọi sự đó tan biến trong tôi. Con gái tôi lớn quá rồi. Sao lâu nay tôi không biết rằng ngực nó đã đội lên sau lớp áo và hông nó đã nở nang hơn. Khuôn mặt nó đầy lên, loáng thoáng có cái trứng cá. Mặt nó vẫn còn trong sáng lắm. Nó đang loay hoay thay cái áo này, mặc cái quần kia, hồi hộp như cô dâu sắp về nhà chồng.

– Hôm nay mẹ có đi nhảy không ? — Nó hỏi.

– Không. Mẹ mệt mỏi rồi con ạ ! — Tôi thở dài. Chợt thấy chán ngắt mọi chuyện. Nhạc dìu dặt. Những ngọn đèn mờ ảo và ngào ngạt trăm nghìn loại nước hoa. Hình như nó không làm tôi đam mê nữa. Thực ra, cũng nhờ đó mà trôi đi bớt những ngày đau khổ của tôi. Tôi luôn luôn ở ngoan ngoãn trong tay hết người đàn ông này đến người đàn ông khác, nhưng của ai cụ thể thì không. Tôi nhìn tôi trong gương. Khuôn mặt đàn bà sang tuổi bốn mươi. Mí mắt bắt đầu sụp xuống. Biết là mình vẫn còn đẹp nhưng cũng bắt đầu nhầu nhò rồi.

Con gái chào : Con đi chơi mẹ nhé.

Tôi gật : Chúc con vui.

Hai chân nó ríu vào nhau vì quần là áo lượt. Nó đánh tí môi son, má hồng và ít quầng xanh ở mắt. Hình như nó phải chui vào đâu đó để làm những việc ấy vì tôi chưa cho phép.

Cánh cửa đóng sập lại. Tôi nằm ngả ra giường. Đắng ngắt. Thế nào nhỉ ? Bốn mươi tuổi, tôi đã có cái gì cho mình. Tiền tài thì vô vẩn, chỉ đủ ăn và sống một cuộc sống đạm bạc. Một vài cái váy, áo để đi dạ hội và nhẩy đầm. Công việc diễn ra đều đều và nỗi nghi ngờ đàn ông. Dù thiếu họ, nhiều khi cuộc sống của tôi lắm lúc gay gay. Có những kẻ yêu tôi thật thì tôi không ngửi được họ. Còn một vài người tôi yêu họ thì họ chỉ xuê xoa " chơi " với tôi thôi. Biết làm sao được. Con cá trượt thường là con cá to. Không có cái gì trong tay mình là nhất cả. Bỗng dưng, tôi thấy sập xuống người mình một nỗi trống trải hoang vắng khủng khiếp.

Hàng tối. Khi ông A, ông B đưa tôi về, con gái ra mở cửa và đỡ lấy chiếc xe cho tôi, vác qua phòng khách nó đã lau bóng loáng để cất vào bếp. Rồi nó pha cho tôi một chậu nước ấm ấm và đưa hộp sữa rửa mặt cho tôi rửa sạch những thứ đã bôi lên mặt. Rồi hai mẹ con đi ngủ. Thi thoảng, có đêm tôi ôm con gái, bàn tay sục vào gáy nó. Đến khi lùa tay vào mớ tóc dài và dầy của nó, mới chợt thảng thốt tỉnh ra đấy là con gái mình chứ không phải người đàn ông hồi tối.

Lâu lắm rồi, tối nay tôi là người ở

nhà và con gái thì đi chơi. Người bạn nhảy của tôi cũng không đến. Anh ấy là người luôn rạch ròi mọi chuyện. Vợ con anh ấy là một cái lô cốt chắc chắn mà hàng ngày, hàng giờ anh ta cần mẫn nhặt nhạnh tí vôi, tí xi măng, xây xây trát trát. Và cái lô cốt của anh ngày càng to béo, vững chắc. Thi thoảng, để xả hơi và nạp nhiên liệu cho công việc xây dựng của mình, anh đi nhảy đầm. Rất galant với phụ nữ và lúc nào cũng mang một vẻ mặt thành kính. Tác phong giống như thể anh đang gù gù hệt con chim câu tha những cọng rơm đi dệt tổ ấm, chỉ thiếu con chim cái thôi. Có những lúc tôi bỗng thấy cần anh ta một cách ghê gớm. Tôi đạp xe đến cổng nhà anh, và nhìn vào. Anh đang ăn cơm. Xúc cho con một thìa, gắp cho vợ một miếng. Say sưa và sung sướng như thể họ là tất cả cuộc đời anh, không như anh phàn nàn với tôi. Anh hỏi tôi : " Đố em : con gì ăn lắm nói nhiều, chóng già lâu chết ? ". Tôi nghĩ mãi không ra lắc đầu chịu thua. Anh bảo : " Đấy là con vợ ". Rồi thỉnh thoảng tôi có việc cần gặp anh buổi tối. Tôi nhờ trẻ con gọi và đợi anh ở đầu đường. Một lúc, anh hiện ra. Chiếc quần đùi vải lõng thõng, anh cởi trần, lê đôi dép rách và tay xách một thùng rác. Chớp nhoáng vài câu và anh quay quả bước về, sau khi đã hoàn tất một trong nhiều nghĩa vụ với gia đình.

Tôi lại bàn học của con gái. Nét chữ nó tròn xoe, nắn nót và hàng lối rất nghiêm chỉnh. Con người nó chắc cũng như những dòng chữ nó viết. Một là một, hai là hai, chó không hai cộng hai bằng năm như tôi. Nó đã yêu hay ghét, chỉ là thế chứ không bao giờ thay đổi. Một quyển sổ con ở góc bàn. Ngoài bìa là mấy câu thơ. Sổ nhật ký. Hoá ra con gái tôi lớn hơn tôi tưởng rất nhiều. Trong sổ, nó ghi lung tung nhiều chuyện, chẳng đâu vào đâu cả. Cãi nhau với đứa này, khen đứa kia có đôi dép đẹp. Nó ao ước những cái con con vặt vãnh. « *Ngày... Hôm nay đang ngồi trong lớp đợi mưa tạnh, chợt thấy cuối đường một chị che cái ô đỏ. Đẹp thế không biết. Trong mưa, màu đỏ là màu đẹp nhất. Giá mình có một chiếc nhỉ ?* ». « *Ngày... Có một người đàn ông cởi trần, mặc quần đùi, mang một chậu tã lót đầy phân ra máy nước giặt. Mình thì thấy kinh kinh, thế mà ông ta vừa giặt vừa cười một mình. Lắm lúc môi nhọn ra như trêu ai, lại huýt sáo nữa. Chắc ông ta yêu vợ con lắm* ». « *Ngày... Sao mẹ hay về khuya thế. Mình mà như mẹ, mình sẽ lấy chồng. Chọn người nào hiền lành và hơi ngu một tí để lấy và không cần đi làm nhà nước, chỉ cần biết một nghề gia công gì đó như ông Chiu hàn nhôm đằng trước. Mẹ sẽ sướng hơn là ở thế này. Mình thích những người thông minh nhưng ở với họ thì sợ lắm. Những buổi chiều chủ nhật, vợ chồng người ta đi chơi, mẹ thì ở nhà. Còn đi chơi như mẹ, mình chẳng thích* ». « *Ngày... Anh T. ở trường bên cạnh, là giáo viên sang dạy hộ văn nghệ, thể dục cho lớp mình, hôm qua rủ mình đi xem phim. Mình cũng muốn đi nhưng chưa xin phép mẹ. Hai người đi cả, nhỡ hai con mèo chạy mất thì sao. Mình thích anh ấy vì mắt anh ấy rất đẹp. Mặt thì lúc nào cũng buồn buồn như ngẫm ngợi điều gì. Những người đàn ông mặt lúc nào cũng hơn hớn lên, mình cũng thích nhưng lại ngại. Họ hớn hở với mọi người như với mình, tin sao được. Không biết từ bao giờ mà mình có thói quen là cứ gặp anh ấy thì cả ngày mình vui lắm. Hôm nào không nhìn thấy anh ấy, mình cứ thấy vắng vắng thế nào ấy* ».

Tôi thẫn người. Lâu nay, tôi cứ trượt trên những cái dốc nào ? Sao không bao giờ tôi hỏi đến cuộc sống nội tâm của con. Lâu lắm rồi, hình như tôi chưa dừng lại ngoảnh về đằng sau để xem nhỉ, chỉ tiến thôi.

Tôi đọc tiếp.

« *Ngày... Tự nhiên hôm qua anh ấy đi ngang lớp mình, vẫy mình ra rồi bảo : Triệu người quen có mấy người thân. Khi lìa trần có mấy người đưa ? Mình nóng bừng cả người. Anh ấy bỏ đi, mặt buồn rũ rượi. Cả ngày, chẳng vào đầu mình được chữ nào* ».

« *Ngày... Con Cúc " xoe " thì thầm : Tao hôn rồi đấy. Mình hỏi : Nó thế nào ? Cúc bảo : Lúc ấy, tao cảm giác như rơi tòm xuống ao, chìm nghỉm đi. Vừa nói, nó vừa nhắm nghiền mắt lại, xuôi hai tay và lăn huỳch xuống sàn nhà. Rồi nó lại vùng phắt dậy, mắt tít lên. Hôn hay lắm mày ạ. Thử đi, không chết đâu mà sợ, chỉ sợ rồi nghiện thôi. Thử đi.*

Mình cười ngượng : Thử thì thử với ai ? Tự nhiên đang yên đang lành bỗng đè người ta mà bảo : Ông làm ơn cho tôi hôn thử ông một cái xem hôn nó mồm ngang mũi dọc thế nào à ? Họ lại chả tát cho vào mặt ấy và bảo rằng : Đấy, hôn nó thế đấy.

Rồi mình và Cúc cười lăn ra. Kể ra, nếu biết hôn nó thế nào cũng hay ».

Tôi lặng người. Con tôi lớn thật rồi. Sao đến bây giờ tôi mới biết đến điều đó nhỉ ? Những người đàn ông đi qua đời tôi như thể bất chợt họ gặp cơn mưa rào, mà họ thì không mang vải nhựa để che. Tôi là một cái hiên rộng để họ có thể chạy vào đó, yên tâm, tưng tửng chờ cho qua cơn mưa. Rồi về nhà. Hoá ra lâu nay, tôi đi đường tôi, còn con gái tôi thì tự tìm một đường mà đi. Liệu nó có đi lại con đường của tôi không nhỉ ?

« *Ngày... Mình nhớ anh ấy quá. Hai ngày không thấy anh ấy đâu. Hay anh ấy ốm rồi. Đi học về, mình cứ thấy ngơ ngác thế nào ấy. Bỗng anh hiện ra ở đầu đường : " Bé con, mấy ngày vừa rồi anh phải có phi vụ làm ăn. Nhớ em quá, phải đón em tại đây ". " Ôi giời ơi, sao mình sung sướng thế. Mình yêu anh ấy mất rồi. Lúc ấy, mình không còn thấy cái gì ở trên đời này quan trọng bằng anh ấy. Thế là mình và anh ấy đi chơi với nhau. Bây giờ, mình mới thấy việc mẹ suốt ngày đi vắng là rất hay. Nếu mẹ hay ở nhà, có lẽ sẽ chẳng bao giờ mình đi chơi với anh ấy được như thế. Mẹ mắng chết. Vì mẹ bảo cái bọn đàn ông rặt một loại đểu cả, đừng nên tin ai. Mình thì thấy ai cũng đáng tin hết, nhất là anh* ».

« *Ngày... Cái Cúc" xoe " bảo : Anh chàng của cậu được đấy. Trông giống chàng Lu-ít [1] lắm. Tớ thích đàn ông phải như Hoan Manuen [1], vừa bàn nhau tống tiền người ta xong, lại mê đắm bên cái đàn pianô ngay. Đàn ông phải có hai bộ mặt, vừa tử tế, vừa đểu giả, thế mới quyến rũ. Chàng Lu-ít của cậu thì tớ thấy gian gian. Mình chẳng nói gì. Gian, đểu hay tốt, mình không quan tâm nữa, chỉ biết rằng anh ấy là người tuyệt nhất trần gian* ».

Tôi lặng người. Đầu bỗng đau buốt. Bỏ quyển nhật ký của con ở đó, tôi đi ra sân. Mùa đông năm nay lạ lắm, ban ngày thì nắng hoe hoe vàng, tối đến thì gió lộng như mùa hè. Tôi cảm giác như mình đang bắt đầu đứng ở cuối con đường, nhìn thấy con mình đang dẫm chân lên những nơi mà tôi đã đi qua, nhưng không ngăn nó dừng lại được.

Thời gian trôi đi nhanh thật. Thoáng

---

[1] Hai nhân vật trong bộ phim TV nhiều kỳ *Người giàu cũng khóc* của Mexico đã chiếu nhiều tháng trên truyền hình Việt Nam, rất đông người xem.

cái, con gái đã biết yêu. Mới ngày nào nó còn lẫm chẫm chạy đi chạy lại bằng đôi giầy đỏ. Ra khỏi bệnh viện khi con bị viêm ruột thừa, bà kế toán cùng phòng bảo tôi : " Thương lấy nó một tí em ạ. Dù sao nó cũng là con mình. Bây giờ thì em chưa thấy cần nó đâu, nhưng sau này, lúc nào đó, nó sẽ là cái gậy cho em chống đấy ".

Lúc ấy, tôi cười nhạt và không buồn tranh cãi với bà ta. Hoá ra bây giờ, cái sự đó cũng gần gần đến rồi.

Mười một giờ. Đồng hồ nhà hàng xóm đong đưa thả nhịp. Con gái vẫn chưa về. Thì ra lâu nay nó đã đi và thường xuyên về muộn, tôi lại không hề biết vì tôi cũng thường về muộn hơn nó. Lòng tôi nóng như lửa đốt. Chẳng có một lý do gì để nó có thể về khuya đến như vậy. Sinh nhật từ chiều cơ mà. Xung quanh, hàng xóm ngủ im thin thít. Đường vắng hoe hoắt. Tôi quay vào nhà. Đến gần bàn học của con gái, định ngồi xuống, nhưng tự nhiên cảm thấy hãi hãi trước những gì con ghi trong sổ. Thôi, thà không đọc nữa còn hơn là phải biết những gì khủng khiếp đang xảy ra với con mình. Tôi hồi hộp đợi nó về gần như hồi hộp chờ người tình giờ hò hẹn.

Mười một giờ ba mươi. Con về. Mặt nó nhợt nhạt phấn son. Tóc nó bông lên sau vai chứng tỏ có bàn tay xối vào đó. Nó cụp mắt xuống tránh ánh mắt tôi. Thôi. Xong rồi con ơi. Mẹ đã qua những gì mà con đang đến. Không bao giờ chỉ nói chuyện và đùa cười lại nhạt cả phấn ở má và quầng xanh ở mí mắt. Tóc lại rối lên thế kia. Tôi cay đắng nghĩ và nhìn con. Sao tôi thương nó thế không biết. Vội vã thế con. Cuộc đời dài lắm, mà những cái hoan lạc mà con người ai cũng trải qua thì ngắn vô cùng. Vội mà làm gì. Hai mươi tư tuổi, mẹ mới biết thế nào là hạnh phúc thì lập tức một chuỗi đau khổ kéo theo. Thế mới hay, ai cũng nhem nhẻm nói rằng mọi thứ ở đời đều có giá của nó. Hoặc trồng cây gì thì ăn quả đấy, hay gieo gì gặt đấy. Nhưng tôi, tôi có gieo gì đâu mà sao đời tôi gặt toàn cỏ dại ? Chẳng lẽ, một phút xiêu lòng mà lại khốn khổ đến thế này sao ?

– Con xin lỗi mẹ. Con đã để mẹ phải chờ ! — Nó lúng búng trong mồm.

– Vui không con ? — Tôi hỏi và chỉ muốn ôm nó vào lòng. Bỗng nhiên, nước mắt dâng ấp ứ trên mắt tôi.

– Cũng vui mẹ ạ ! — Nó trèo lên giường và chui vào chăn, quay mặt vào tường.

– Sao lại cũng vui ? Phải rất vui chứ ?

Im lặng. Rồi tôi hỏi thêm vài câu nữa, nó đều không trả lời. Tôi lại giường, đập tay vào vai nó. Nó quay phắt ra, ngơ ngác. Chứng tỏ từ nãy đến giờ nó không hề nghe câu hỏi của tôi.

– Gì đấy mẹ ? — Nó hỏi, mắt tròn xoe.

Tôi lặng người nhìn nó. Thôi, xong rồi. Con gái tôi thành đàn bà mất rồi. Cái mặt nó ngây dại vì hạnh phúc, và ánh mắt nó như người có lỗi, ngượng ngùng và đờ đẫn. Đấy là ánh mắt của tôi mười mấy năm về trước. Lúc ấy, tôi như đi trên chín tầng mây mười tầng gió. Tôi không nhìn thấy ai hết, không biết gì hết ngoài việc là tôi đang hạnh phúc. Tôi vừa bước vào một thiên đường của đời người mà anh — người đàn ông đầu tiên trong đời đã mở cho tôi và dìu tôi vào trong đó. Người đàn ông đó, vừa mở cửa để cho tôi kịp nhìn thấy những vòng hào quang của nỗi đam mê thì lập tức, sau đó sáu tháng, anh ta dẫn tôi đến một cái hang sâu hun hút và đẩy tôi vào đó. Đến tận bây giờ.

Đứa nào nhỉ, đứa nào mang khuôn mặt đợi chờ của con gái tôi đi mất và trả cho nó khuôn mặt đàn bà, vừa đằm thắm vừa non nớt của cô bé tuổi mười sáu ? Nó đã đến tuổi thành niên đâu cơ chứ. Tôi đau đớn nhìn con và nước mắt chảy dài xuống má.

– Mẹ làm sao thế ? — Nó hốt hoảng, khuôn mặt đã trở lại bình thường.

– Không sao cả con ạ ! — Tôi quay đi, không muốn con gái nhìn thấy mình khóc trước mặt nó. Đấy là một hành động hiếm hoi của tôi.

Tôi lặng lẽ ra sân. Trăng mùa đông lạnh lẽo hắt ánh sáng từ đâu đó. Người tôi thoắt lạnh thoắt nóng. Rồi bắt đầu run. Con gái đứng sau lưng.

– Vào nhà đi mẹ. Con xin lỗi đã làm mẹ buồn.

– Con yêu người con trai ấy lắm phải không ? — Tôi hỏi.

Im lặng. Rồi một lúc, nó khe khẽ trả lời : Vâng ạ !

– Con nhớ anh ấy lắm phải không ?

– Vâng ạ !

– Lâu chưa ?

– Gần bốn tháng mẹ ạ ! — Nó có vẻ đỡ sợ hãi hơn.

– Và hai người đã gắn bó với nhau ?

Im lặng. Kể ra, khi bắt đầu hỏi đến câu đó, tôi cũng nghĩ là con gái không trả lời được. Không một người đàn bà nào trả lời câu đó cả.

– Con năm nay mới mười sáu tuổi, sao vội vàng thế ? — Tôi cay đắng hỏi nó.

– Hai năm nữa. Chúng con sẽ cưới nhau. Khi ấy con đủ tuổi để lấy chồng rồi ! — Nó hớn hở dần lên.

– Đấy chẳng lẽ là tất cả cuộc sống của con hay sao ? — Tôi hỏi, tim buốt nhói vì một lần nữa, tôi lại chậm.

– Đấy là thiên đường, mẹ ạ ! — Nó ngẩng nhìn tôi, mắt loé sáng — Chúng con sẽ đi làm. Sẽ chỉ có nhau và những đứa con. Con sẽ không bao giờ phải buồn giống mẹ.

Tôi im lặng. Người lạnh ngắt. Con tôi bước vào cái gọi là thiên đường của tôi, cách đây 16 năm. Lại vẫn những vòng hào quang như tôi đã gặp. Đến lúc nào, sẽ là một cái hang sâu hun hút ?

– Chúng con sẽ ở cùng mẹ. Mẹ sẽ không phải buồn vì được làm bà ngoại của một lũ cháu ! — Nó vẫn say sưa.

Tôi có cảm giác như mình bỗng hoá thành đá. Thiên đường. Hình như ai trong đời cũng đã từng đặt chân tới đó. Chỉ khác nhau là thiên đường của họ là cái gì, và đem lại cho họ hạnh phúc ra sao. Có người thì chạy hết từ thiên đường này tới thiên đường khác, có khi vừa lao vào rồi lại chạy tọt ra ngay vì kinh hãi. Tôi đã từng gặp một người đàn bà và một người đàn ông từ thiên đường về. Mặt ông ta bạc phếch, tóc tai dựng từ phía, môi nhạt thếch và đang ngấu nghiến nhai. Ông ta ăn như thể bị chết đói hàng thế kỷ. Hai con mắt đang đờ dại sinh động dần lên. Những sợi phở xào thun thút chui vào miệng anh ta, kèm rau sống, cà chua, như thể trong bụng anh ta có một tảng nam châm và các đồ ăn là cục sắt hút nhau vậy. Chui từ từ, chui dần dần, ngon lành. Người đàn bà thì ngược lại. Mỏi mệt, ngơ ngác và không đói. Bà ta chỉ ngồi ngáp vặt. Tôi hỏi, hai người đi đâu về mà mệt mỏi thế ?

Người đàn bà hơi cười, nụ cười nhếch nhác như mếu. Người đàn ông tiếp tục nhai nốt miếng dở, nuốt đánh ực rồi tớp một ngụm rượu, khà một cái và bảo : *Vừa lên thiên đường về*. Rồi ông ta tiếp tục ăn như thể cái thiên đường ấy nó vặt trụi hết mọi sinh lực của anh ta vậy.

Tôi cười : Vừa lên thiên đường về, và bây giờ thì ở đâu ?

– Địa ngục ! — Anh ta lẩm bẩm, mồm vẫn nhai. Đôi môi dầy bóng loáng mỡ, những vụn mì bám li ti ở hàng râu con kiến.

Về sau này, tôi có gặp lại anh ta và người đàn bà ấy (Họ ở cùng một cơ quan với nhau, và tôi thì làm ở bên cạnh). Họ lấy nhau. Hai bên đều bỏ vợ, bỏ chồng vì cái gọi là hậu thiên đường nó to dần lên trong bụng người đàn bà. Người đàn ông trông nhầu nhò hơn, giống như nắm giẻ lau. Và người đàn bà thì lúc nào cũng nhăn nhúm như quả táo tầu. Rồi họ đẻ ra một đứa con, quặt quẹo vì bố mẹ chúng cũng mệt mỏi lắm rồi.

– Vào ngủ đi mẹ— Con gái nói. Gà gáy sáng rồi đấy !

– Mẹ không ngủ được.

Con gái im lặng và quay vào.

Xa xa, có tiếng gà te te gáy. Gần sáng rồi.

❖

Tôi trở thành một người khác. Hình như cái sự già nó sập xuống vai tôi rồi. Tôi không còn chơi trò ú tim với nó nữa. Mọi tâm trí, nghị lực và sức chịu đựng, tôi dành cho con gái. Tôi sợ. Tôi không thể yên tâm ở cơ quan đến chiều và đi thông tầm đến tối như trước nữa. Lúc nào tôi cũng tưởng tượng ra cảnh con gái tôi, 16 tuổi, nước mắt nhoè nhoẹt trên mi " Anh ấy bỏ con rồi " hoặc " Con sắp chết rồi mẹ ơi ". Lúc nào tôi cũng chỉ thấy nó, đang bò từ bờ vực này đến bờ vực khác. Những vũ trường, những ánh đèn làm tôi kinh hãi khi nghĩ rằng con mình sẽ ở trong đó. Tôi thường về nhà sớm, tối thì không đi đâu nữa.

Con gái hỏi : Sao dạo này mẹ không đi nhảy ?

Tôi trả lời : Mẹ mệt.

Nó lạ lắm và hơi khó chịu nhìn tôi. Đã đến lúc nó không cần sự có mặt của tôi nữa rồi. Nó tưởng rằng đôi chân của nó đã cứng cáp lắm đấy. Tôi đau đớn nghĩ.

« *Ngày... Hôm qua mình và anh ấy đi chơi. Mình phải nói dối mẹ là đi mua xà phòng thơm. Vào cửa hàng, toàn những bánh xà phòng sáu bảy nghìn. Mình mua một bánh ZET, mùi nó hăng hắc nhưng lại dễ chịu. Anh ấy trả lại chị bán hàng và chọn cho mình cái bánh xà phòng gì ấy. Nó to hơn cả ZET, cứng đanh và không có mùi thơm. Mình chưa dùng loại đó bao giờ. Bánh xà phòng anh ấy lấy có 2500 đ thôi. Anh ấy bảo : " Nó vừa to, vừa bền lại rẻ ". Chiều anh ấy, mình cũng đồng ý mua. Lúc mình đưa tờ 10.000 đ, chị bán hàng trả lại 7.500 đ, anh ấy giơ tay cầm lấy và đút ngay vào túi. Mình hơi ngại nhưng không dám hỏi vì có thể anh ấy quên. Chỉ sợ nếu mẹ hỏi thì không biết trả lời thế nào. Rồi hai đứa ra bờ hồ ngồi. Mình thèm ăn bánh chuối rán. Anh ấy bảo " Ăn vặt làm gì, chua mồm ". Anh ấy ôm lấy mình. Mình chẳng thấy chuyện gì quan trọng nữa* ».

« *Ngày... Anh ấy biến đi đâu hai ngày rồi bảo mình : Anh cố gắng thu xếp cho xong công việc gia đình càng sớm càng tốt. Anh sẽ nuôi một đứa, còn mụ vợ nuôi một đứa. Anh sẽ đấu tranh với mụ vợ để chiến thắng. Mụ ta sẽ phải bật xới khỏi nhà và tay trắng. Rồi anh ấy sẽ lấy mình. Sao anh ấy khổ thế nhỉ ? Ước gì mình có thể chia sẻ cho anh ấy được* ». « *Ngày... Sáng nay hai đứa đi ăn xôi. Bà bán xôi bảo : Hai bố con ngồi đây ăn xôi đi. Anh ấy cáu lắm mắng bà ấy là mắt chó giấy. Mình cố gắng lắm chỉ ăn được năm trăm. Mình thích ăn bún riêu cua. Anh ấy thì dứt khoát không ăn. Anh ấy bảo cái giống ấy nó ỏng bụng và chóng đói, ăn xôi chắc dạ hơn. Mình đưa năm nghìn trả tiền xôi hai đứa ăn hết 2.500 đ, còn lại 2.500 đ, anh ấy bảo bà hàng xôi cứ giữ lấy, mai ăn tiếp. Mình thì thế nào cũng được, miễn anh ấy vui vẻ thôi* ».

Tôi run rẩy đứng lên. Chống chếnh và quay cuồng. Sao lại thế hả con ? Con lú lẫn mất rồi. Tôi phải làm gì bây giờ hả trời ? Không phải con đang chấp chửng ở miệng vực nữa mà đang ở trong lòng vực rồi. Bao giờ thì chìm xuống đáy ?

Giống như người điên. Lại giống như kẻ bị mất của. Cũng như người đánh xổ số, chỉ chệch một số cuối cùng của giải độc đắc. Cuồng điên, tiếc nuối và bất lực. Tôi lao ra đường. Những khuôn mặt chạy ngược lại tôi, nhạt nhoà. Ai cũng mang khuôn mặt con gái. Chỉ có điều, đấy không phải là khuôn mặt đợi chờ mà là khuôn mặt đàn bà. Người đàn bà 16 tuổi.

Những hàng cây, những nẻo phố và người đông đúc. Con tôi ở đâu ? Bên những người đàn ông một vợ hai con, chỉ thích ăn xôi cho chắc bụng lại còn bòn rút từng đồng một. Ấy vậy mà con tôi ngỡ rằng nó đang ở thiên đường ?

... Mẹ ơi, mẹ đừng đi guốc cao thế, ngã thì sao ? Không, mẹ không ngã đâu. Mẹ ơi, mẹ làm thế nào mà xinh thế ? Mẹ chẳng làm gì con ạ. Mẹ ơi, mẹ đi chơi với con nhé. Không, mẹ bận rồi.

Con tôi ở đâu, giữa phố đông mịt mùng người và xe. Mạnh ai người đấy sống bởi gánh nặng của kiếp người đè up trên vai. Có một phải có hai, có hai phải có ba bốn. Hôm nọ, nó về, thay quần áo, tôi lấy đi giặt. Chợt sững người vì mở quần áo nó đầy mùi khai của nước giải trẻ con. Tôi hỏi tại sao, nó bảo : " Con anh ấy ốm, con phải đến trông đỡ vì anh ấy không thể nghỉ làm ". Nó còn hãnh diện, mắt sáng lên bảo rằng thằng nhóc quấn nó lắm, và con gái cảm thấy đứa trẻ như con trai của mình. Tôi cảm thấy tôi nhìn thấy nó, ngồi bên người đàn ông. Hắn nhếch nhác trong bộ quần áo màu gạch, bẩn thỉu và hôi hám. Hắn đang ôm hôn con gái tôi, hai bàn tay lùng sục trong áo nó. Con gái như mê đi trong vòng tay hắn. Chiếc cặp sách rơi dưới đất. Trên bàn là hai cốc cà phê loãng toét, họ vào quán đâu phải để uống nước.

Tôi cảm giác con gái đang âu yếm vuốt ve hắn, xoa lên khuôn mặt nhăn nhúm vì tuổi tác của hắn với vẻ trìu mến và trải đời lắm. Hoá ra, đàn bà, ai cũng có những khả năng giống nhau : yêu đương ghen tuông và cuồng si.

... Mẹ ơi, ngày sau con có phải khổ như mẹ không ? Mẹ có khổ đâu ? Có, mẹ có khổ, đêm nào con cũng thấy mẹ khóc ? Ừ, mẹ buồn mẹ khóc. Bố làm mẹ buồn à ? Con đừng nhắc đến người đàn ông khốn nạn ấy nữa. Không, đấy là bố con, lúc nào con cũng đợi bố về...

Con ơi, con ở đâu. Sao khổ thế hả con, ai cứu con tôi bây giờ, ai giúp tôi lôi nó ra khỏi cái thiên đường địa ngục đó bây giờ ?

Mắt tôi bỗng đập vào một rừng hoa. À không, pháo hoa chứ. Còn nhớ, năm hai mươi bốn tuổi. Tôi và người tình đầu tiên lách chiếc xe đạp từng tí một, giữa dòng người, chân chôn chặt dưới đất nhưng ai cũng ngửa cổ lên trời để xem pháo hoa. Từng chùm hoa lắc rắc trên bầu trời tím ngắt. Tôi ôm lấy anh, như nuốt từng vì sao rơi rụng như muốn hét lên vì hạnh phúc. Bây giờ, những chùm hoa đó lại trở về. Chỉ có điều, nó không rụng từ bầu trời màu tím nữa, mà ùa thẳng vào mặt tôi.

Tôi không biết gì nữa ngoài cảm giác tất cả tan biến hết. Con gái. Người đàn ông thích ăn xôi buổi sáng cho chắc dạ và uống cà phê trong lúc yêu đương, lúc nào cũng chỉ cà phê. Những chùm pháo hoa... Thiên đường tuổi mười sáu !..

Chẳng còn gì. Ngoài sự hư vô. Bầu trời pháo hoa vụt tắt và mở ra hun hút một vực sâu..

❖

Cô gái ngẩng mặt, khẽ rùng mình :
— Anh, em tắc thở rồi. Gì mà tham !

Người đàn ông, giọng khê khàn đi :
— Anh yêu em, lúc nào cũng thèm em, không thể vắng được em trong những năm cuối cuộc đời anh.

Có tiếng vang từ ti vi của nhà chủ : " *Mời nhận dạng... Công an quận... thông báo... vào hồi 6g34' ngày... có một vụ tai nạn xe cộ xảy ra trên đường... Nạn nhân là một phụ nữ khoảng trên 40 tuổi, mặc áo màu... xe đạp mini... chân đi giầy... không mang giấy tờ tuỳ thân... Ai là người nhà, mời đến đồn công an... nhận diện và làm thủ tục* ".

Cô gái vội đặt tách cà phê xuống, nhưng người đàn ông cũng vừa tợp xong cốc cà phê của mình và choàng tay ôm lấy cô gái. Cô lại nhắm nghiền mắt, say lịm đi, không kịp nhìn lên màn hình. Phải chăng đó là điều may mắn cuối cùng của cô trước khi bước vào... hậu thiên đường ?

Noel 25.12.92

Nguyễn Thị Thu Huệ

Truyện ngắn *Hậu thiên đường* trích từ tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Thị Thu Huệ (Nhà xuất bản Hội nhà văn, 1994, 316 trang). *Hậu thiên đường* và một truyện ngắn khác của Nguyễn Thị Thu Huệ, *Mùa đông ấm áp*, đã được tặng giải nhất cuộc thi truyện ngắn 1992-1994 của tạp chí Văn nghệ Quân đội. *Hậu thiên đường* cũng được giải nhất cuộc thi sáng tác về Hà Nội, và được tặng thưởng của Hội nhà văn.

Tác phẩm đã xuất bản : *Cát đợi* (nxb Hà Nội), *Phù thuỷ* (nxb Văn Học), *Một góc đời nham nhở*.

Bản in này dựa theo bản trong tuyển tập *Bến trần gian*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.

Ý NHI

Người đàn bà ngồi đan

Giữa chiều lạnh
một người đàn bà ngồi đan bên cửa sổ
vẻ vừa nhẫn nại vừa vội vã
nhẫn nại như thể đó là việc phải làm suốt đời
vội vã như thể đó là lần sau chót

Không thở dài
không mỉm cười
Chị đang giữ kín đau thương
hay là hạnh phúc
lòng chị đang tràn đầy niềm tin
hay là ngờ vực.

Không một lần nào chị ngẩng nhìn lên
Chị đang qua những phút giây trước lần gặp mặt
hay sau buổi chia ly
Trong mũi đan kia ẩn giấu niềm hân hoan hay nỗi lo âu
trong đôi mắt kia là chán chường hay hy vọng.

Giữa chiều lạnh
một người đàn bà ngồi đan bên cửa sổ
dưới chân chị
cuộn len như quả cầu xanh
đang lăn những vòng chậm rãi.
1-84

KU CH'ENG (Khố Thành) *

Nguồn gốc mặt trăng và các vì sao

Những cành cây toan xé nát màn trời
Chúng xuyên thủng được một vài lỗ,
Bởi đó có những ánh sáng từ ngoài trời rơi xuống...
Người ta gọi chúng là : trăng, sao.

Gần và xa

Có những lúc
Em nhìn tôi
Một lúc sau
Em nhìn mây

Khi em nhìn tôi — tôi cảm thấy —
Em thật xa
Nhưng em lại thật gần
khi em nhìn mây.

bản dịch của **Diễm Châu**
(qua bản Pháp văn của F. Cheng)

* nhà thơ Trung Quốc, sinh năm 1956

DIỄN ĐÀN FORUM ✪ Boîte Postale 50, 92340 Bourg-La-Reine (France) ✪ Fax (33 1) 45 88 54 58 ✪ Imprimé par nos soins
Directeur de publication : Hà Dương Tường ✪ Dépôt légal : 178/91 ✪ Commission paritaire : AS 7 324 ✪ Prix : 25 FF